

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA 佛法

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / EDITION BIMESTRIELLE SỐ N. 07 04/ 2002

MÙA PHẬT ĐẢN VESAK 佛誕 2546

法本法無法
無法法亦法
令付無法時
法法何曾法。

釋迦牟尼佛

*Pháp, gốc pháp không pháp
Không pháp, pháp cũng pháp
Nay lúc truyền không pháp
Pháp, pháp chưa từng pháp.*

Phật Thích Ca Mâu Ni

Le Dharma, est à l'origine le non-Dharma
Le non-Dharma, le Dharma est aussi le Dharma
Aujourd'hui en transmettant le non-Dharma
Le Dharma ne devient pas encore Dharma.

Le Bouddha Sakyamuni

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật Pháp là ở đây.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la bonne voie du Bouddha.

- Tờ Phật pháp / La Revue BouddhaDharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.
- Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.
- Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiếm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật Pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang.
- Les Sutras publiés dans la revue BouddhaDharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật Pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue BouddhaDharma publie exclusivement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la Voie du Bouddha.
- Mọi sự thỉnh báo Phật Pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :
Chùa Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny - France
Tel./fax : 01.48.50.98.66

<input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm	3
<input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa	6
<input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm	9
<input type="checkbox"/> Chú Đại Bi	12
<input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận	15
<input type="checkbox"/> Khai Thị Nhân Ngày Phật Đản	17
<input type="checkbox"/> Pháp Giới Của Loài Người	19
<input type="checkbox"/> Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất	19
<input type="checkbox"/> Thiền - Thu Thập Nhân Tâm	20
<input type="checkbox"/> Làm Thế Nào Cứu Vãn Kiếp Vận ?	21
<input type="checkbox"/> Sáu Con Đường Vào Cửa Phật	23
<input type="checkbox"/> Hành Hương Chiêm Bái Tứ Đại Danh Sơn	26
<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur	27
<input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama	30
<input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama	32
<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajra Prajna Paramita	35
<input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra Amitabha	36
<input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination	39
<input type="checkbox"/> Une Explication. . . De La Fête Du Vesak	41
<input type="checkbox"/> Le Monde Du Dharma . . .	42
<input type="checkbox"/> Atteindre L'esprit Humain	43
<input type="checkbox"/> Comment Fait-On Pour Sauvegarder . . .	44
<input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie Du Vén. . .	49
<input type="checkbox"/> L'histoire Du Bouddha	51

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Dưới đây là mười vị đại Bồ Tát đến Bồ Đề Đạo Tràng, làm ảnh hưởng chúng trong pháp hội Hoa Nghiêm, vì những vị Bồ Tát này có lực hiệu chiêu. Các Ngài đều đến thì những chúng sinh khác tự nhiên cũng đều đến nghe Phật thuyết diệu pháp Hoa Nghiêm. Mười vị Bồ Tát này là đại Bồ Tát trong các Bồ Tát.

Vị đại Bồ Tát thứ nhất là Hải Nguyệt Quang Đại Minh. Trí huệ quang minh của Ngài lớn như biển, lại sáng như mặt trăng, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ hai tên là Vương Âm Hải Quang Vô Cấu Tạng. Âm thanh của Ngài thuyết pháp như đại lôi âm (tiếng sấm sét lớn), ở trong hư không phát ra âm thanh ầm ầm, kẻ điếc nghe rồi thì hết điếc, người ngủ nghe rồi thì tỉnh dậy. Kẻ điếc là ai ? Tức là người không thích nghe Phật pháp. Kẻ ngủ là ai ? Tức là người không muốn xem Kinh Phật. Vị đại Bồ Tát này dùng vân lôi âm để chấn tỉnh họ, không muốn nghe cũng nghe được, không muốn xem cũng xem được, hải quang là hải ấn phát quang, đem sâu la vạn tượng đều ấn ở trong biển. Vô cấu tạng tức là thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ ba là Công Đức Bảo Kế Trí Sinh. Công đức của Ngài lớn vô cùng, như bảo kế (búi tóc báu) trên đỉnh của Phật, trong bảo kế này sinh ra vô lượng trí huệ quang, chảy ra vô lượng bảo tạng, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tư là Công Đức Tự Tại Vương Đại Quang. Công đức của Ngài rất lớn, cũng đặc được đại tự tại, đại quang minh, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ năm là Thiện Dững Mãnh Liên Hoa Kế. Ngài là dững mãnh hoá sinh, nhưng không nhiễm tướng sở biến hóa, thuyết pháp huyền diệu giống như mưa, lại giống như châu giải liên hoa kế cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ sáu là Phổ Trí Văn Nhật Tràng : Từ bi vân và trí huệ nhật của Ngài trợ giúp nương với nhau, hỗ tương chiếu soi. Trong vô lượng kiếp biến khắp tương ưng, cao lớn như trăng, do đó được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ bảy là Đại Tinh Tấn Kim Cang Tề. Ngài có trí huệ kiên cố sắc bén, dững mãnh tinh tấn, không giải đãi, cho nên gọi là đại. Kim cang tề tức là trí huệ thọ mạng vô lượng, như kim cang không bao giờ hủy diệt, do đó được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tám là Hương Diệm Quang Tràng. Ngài trì giới rất tinh nghiêm, không bao giờ phạm giới, cho nên trên thân phóng ra hương diệm quang. Đạo đức trí quang của Ngài rất cao vô cùng giống như trăng, cho nên được tên này.

Vị Bồ Tát thứ chín là Đại Minh Đức Thâm Mỹ Âm. Trí huệ quang minh của Ngài chiếu khắp, là đại minh đức. Âm thanh của Ngài cao thâm ưu mỹ vô cùng êm tai, khiến cho người nghe phát bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ mười là Đại Phước Quang Trí Sinh. Trí huệ quang của Ngài chiếu khắp cảnh giới của Phật. Phước của Ngài cũng lớn, cho nên được tên này.

CÓ CÁC ĐẠI BỒ TÁT SỐ ĐÔNG NHƯ HẠT BỤI MƯỜI PHẬT THẾ GIỚI ĐỀU LÀM THƯỢNG THỦ.

Ở trên đã giảng qua hai mươi vị Bồ Tát, các Ngài đều là thượng thủ trong chúng đại Bồ Tát. Thượng thủ tức là lãnh tụ, là người đại biểu trong chúng Bồ Tát. Tổng cộng hết thầy có các Bồ Tát số đông nhiều như số hạt bụi mười Phật thế giới. Số hạt bụi trong mỗi Phật thế giới, cứ mỗi hạt bụi lại thành là một thế giới, rồi mỗi hạt bụi trong thế giới này lại thành là một thế giới. Vậy có bao nhiêu hạt bụi thì có bấy nhiêu thế giới. Bỏ lại số lượng này không thể tính ra được. Dù Bồ Tát dùng pháp nhãn cũng không biết được số mục chính xác là bao nhiêu ? Chỉ dùng Phật nhãn quán sát mới biết thế giới có nhiều như thế ? Phật không nói dối, có bao nhiêu thì nói bấy nhiêu, phải tin lời nói của Phật là thiên chân vạn quyết, không thể sinh tâm hoài nghi. Phật có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, mười lực, mười tám pháp bất cộng, cho nên Phật quán sát vũ trụ rõ như chỉ trong bàn tay.

TRONG QUÁ KHỨ CÁC VỊ BỒ TÁT NÀY VỚI TỖ LÔ GIÁ NA NHƯ LAI CÙNG TU TẬP CĂN LÀNH, TU HÀNH HẠNH BỒ TÁT. ĐỀU TỪ BIỂN CĂN LÀNH CỦA NHƯ LAI SINH RA.

Tỳ Lô Giá Na dịch là "biển nhất thiết xứ"(khắp tất cả mọi nơi). Là pháp thân của Phật Thích Ca Mâu Ni (tướng tâm chân thật sở hiện, chân thường bất biến). Bồ Tát số đông như hạt bụi trong mười phương thế giới, trong vô lượng kiếp về trước đều cùng với Phật Tỳ Lô Giá Na tu tập căn lành, trong cùng một pháp hội, mỗi người tu lục độ vạn hạnh của mỗi người. Siêng tu công đức lành, dứt hẳn mọi điều tội ác, đó gọi là đồng tu căn lành. Hạnh Bồ Tát tức là lợi ích chúng sinh, tức cũng là lợi người lợi mình, giác mình giác người, độ mình độ người. Những căn lành này đều từ trong Tỳ Lô Giá Na Phật, giống như từ biển cả sinh ra. Vì căn lành của những Bồ Tát này giống như sông ngòi, còn căn lành của Phật giống như biển cả. Tuy nhiên mỗi vị Bồ Tát tự tu tập căn lành, nhưng đều phải chảy vào trong biển của Như Lai, đó gọi là từ trong biển căn lành của Như Lai sinh ra.

CÁC HẠNH BA LA MẬT ĐỀU ĐÃ VIÊN MÃN.

Những vị Bồ Tát này đều tu đầy đủ các pháp môn Ba La Mật, đã hoàn toàn đạt đến cảnh giới viên mãn không thiếu khuyết. Ba La Mật dịch là "đến bờ kia". Bờ kia tức là không sinh không diệt, cảnh giới Niết Bàn. Pháp môn Ba La Mật tức là lục độ.

1. Bồ thí Ba La Mật : Tức là thí xả. Môn này gồm có ba loại, muốn nói tỉ mỉ thì có tám vạn bốn ngàn loại, mỗi một thứ loại có tám vạn bốn ngàn pháp môn, phân tích ra thì nhiều vô cùng, bây giờ chỉ nói ba loại.

a. Bồ thí tài : Bồ thí tài không dễ gì làm được. Tục ngữ có câu "xả tài như lóc thịt", hơn nữa làm sao bỏ được thành quách vợ con, đầu mắt tủy não. Có đủ tinh thần như vậy mới chân thật hành Bồ Tát đạo.

b. Bồ thí pháp : Đem Phật pháp bố thí cho tất cả chúng sinh, kết pháp duyên với chúng sinh. Do đó "Thí tài như lóc thịt, thí pháp như mất mạng". Bồ thí pháp thì cứu được huệ mạng của người, nhưng bố thí ra thì mình hao khí lực, khí lực tức là mạng sống. Giảng Kinh phải dùng khí lực, thuyết pháp phải dùng khí lực, đem ý nghĩa mỗi câu mỗi chữ tống vào trong não hải của người nghe pháp, giống như đem mạng sống bố thí không khác.

c. Bồ thí không sợ sệt : Tức là khi chúng sinh gặp tai nạn rủi ro, hồn phi phách tán thì phải an ủi họ, khuyên họ "đừng sợ, chư Phật Bồ Tát sẽ bảo hộ bạn, bạn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì nhất định sẽ được cứu", đó là trị bằng tâm lý. Thực ra chẳng phải chư Phật Bồ Tát từ vô lượng vô biên cõi nước bay đến đây để gia hộ cho bạn mà là bạn không sợ sệt, Phật tính của bạn bình an, đó là thừa mông chư Phật Bồ Tát bảo hộ. Hoặc là có người sợ sệt thì bạn làm bằng mọi cách cho họ hết sợ, đó là vô úy thí.

2. Trì giới Ba La Mật : Giới là quy luật, cũng là con đường tu hành, cho nên tu hành phải nghiêm trì giới luật. Người trì giới luật thì sẽ có lợi ích, mỗi người giữ năm giới thì gia đình hạnh phúc, xã hội yên ổn, thế giới hoà bình. Giới có năm đại giới căn bản, tức là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, (kể cả không hút thuốc, không hút xì ke ma túy), lại có tám giới (Bát Quan Trai), giới Bồ Tát có mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, Sa Di có mười giới, Tỳ Kheo có hai trăm năm mươi giới, Tỳ Kheo Ni có ba trăm bốn mươi tám giới.

3. Nhẫn nhục Ba La Mật : Tức là nhẫn chịu sự khi nhục, nhẫn những gì người không thể nhẫn. Nhẫn có ba thứ. A. Sinh nhẫn : Tức là phải nhẫn chịu đối với tất cả chúng sinh. Có người mắng bạn, phỉ báng bạn, thậm chí đánh bạn, đều phải nhẫn chịu. Tu hành tức là tu nhẫn nhục, nhẫn được thì không nóng giận. Không nóng giận thì không có vô minh. Không có vô minh thì trí tuệ hiện tiền. B. Pháp nhẫn : Tức là phải nhẫn chịu đối với tất cả các pháp. Phải nhẫn nóng lạnh, đói khát, tiếp thọ mọi sự khổ nghiệm. C. Vô sinh pháp nhẫn : Sinh nhẫn được thì người không, pháp nhẫn được thì pháp không. Hơn nữa, nhẫn được thì chẳng có chút pháp sinh cũng chẳng có chút pháp diệt, tức là trung đạo. Người không, pháp không thì đắc được trung đạo liễu nghĩa, tức là vô sinh pháp nhẫn.

4. Tinh tấn Ba La Mật : Tức là không lười biếng, không giải đãi, không phóng dật. Tinh tấn có hai : a. Thân tinh tấn : Tức là ngày đêm sáu thời tinh tấn hành đạo. b. Tâm tinh tấn : Niệm niệm cầu vô thượng đạo, niệm niệm tu vô thượng đạo, niệm niệm ngộ vô thượng đạo, niệm niệm chứng vô thượng đạo.

5. Thiền định Ba La Mật : Ở trong thiền định đắc được công phu, thì tùy thời tùy lúc ở trong định đắc được thiền định tam muội, mới có thể đến được bờ kia.

6. Bát nhã Ba La Mật : Bát Nhã dịch là trí huệ. Bát Nhã có ba thứ : a. Văn tự Bát Nhã : Tức là văn tự Tam Tạng mười hai bộ, văn tự giống như thuyền qua sông, qua sông rồi, đừng chấp thuyền. b. Quán chiếu Bát Nhã : Tức là tự tu huệ. Có trí huệ quán sát giác chiếu rồi thì sẽ đoạn trừ được kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc. c. Thật tướng Bát Nhã : Thật tướng là tướng chân thật, tức cũng là vô tướng, tướng không hư vọng. Thường quán như thế thì sẽ không bị vô minh che đậy mà hiển lộ ra đại quang minh tạng.

HUỆ NHÃN THẤU TRIỆT, THẤY HẾT THẤY BA ĐỜI. NÓI CÁC MÔN TAM MUỘI ĐỀU ĐẦY ĐỦ THANH TỊNH. BIỆN TÀI NHƯ BIỂN, RỘNG LỚN VÔ TẬN.

Người có huệ nhãn thì thấu triệt được thật tướng của các pháp. Vì người đầy đủ ngũ nhãn thì quán sát thời gian ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều là giả danh mà thôi, cho nên quán sát ba đời đều bình đẳng, tức cũng biết rõ hôm qua và hôm nay là giống nhau, hôm nay và ngày mai cũng chẳng có gì khác biệt. Quán sát bình đẳng có ích lợi gì ? Là dạy bạn đừng có tâm phân biệt, không có tâm phân biệt thì quán sát được ba đời đều bình đẳng.

Bất cứ tu môn tam muội gì, đều phải đầy đủ viên mãn thanh tịnh. Tu thiền định thì đắc được thiền định tam muội, tu nhẫn nhục thì đắc được nhẫn nhục tam muội, tu niệm Phật thì đắc được niệm Phật tam muội, tu quán tưởng thì đắc được quán tưởng tam muội. Tóm lại tu pháp môn gì thì đắc được tam muội pháp môn đó.

Biện tài tức là khéo biện luận. Những vị đại Bồ Tát này biện luận với bất cứ người biện luận nào cũng đều là người thắng lợi, biện tài giống như biển cả, rộng lớn không có ngăn mé, cho nên nói vô tận biện tài. Có bốn vô ngại biện.

a. Pháp vô ngại biện : Nói rõ được các pháp, ở trong giáo pháp không có gì mà chẳng hiểu biết, nhưng không chấp trước.

b. Nghĩa vô ngại biện : Biết được nghĩa lý sai biệt của giáo pháp mà thông đạt vô ngại.

c. Từ vô ngại biện : Từ vô ngại biện : Nói được ngôn ngữ của các nước, thông đạt tự tại. Ở trong một lời gồm có nhiều thứ nghĩa lý.

d. Lạc thuyết vô ngại biện : Có pháp, nghĩa, từ ba trí huệ vô ngại biện, vì chúng sinh ưa thích mà khéo léo thuyết pháp.

ĐẦY ĐỦ CÔNG ĐỨC CỦA PHẬT, TÔN NGHIÊM ĐÁNG KÍNH. BIẾT RÕ CĂN TÍNH CỦA CHÚNG SINH, THEO ĐÓ MÀ GIÁO HÓA ĐIỀU PHỤC. NHẬP VÀO PHÁP GIỚI TẠNG, TRÍ VÔ SAI BIỆT. CHÚNG ĐƯỢC GIẢI THOÁT CỦA PHẬT, SÂU RỘNG QUẢNG ĐẠI.

Những vị đại Bồ Tát này đều đầy đủ công đức của Phật cho nên tất cả chúng sinh đều cung kính các Ngài. Không những phải cung kính mười phương chư Phật và Bồ Tát mà các bậc A La Hán đại Thánh nhân cũng phải cung kính.

Chúng sinh cung kính các Ngài, các Ngài cũng biết căn tính của họ lợi hay là độn. Nếu lợi căn thì nói pháp thật tướng, nếu độn căn thì nói pháp phương tiện hoặc pháp ví dụ, khiến cho họ thấu rõ khai ngộ. Vì những vị Bồ Tát này biết căn tính của họ, cho nên biết được nên dùng pháp gì để hóa độ họ, điều phục họ, khiến cho họ có tâm kính sợ.

Trí huệ của các vị Bồ Tát này với pháp giới hợp mà làm một, đắc được trí vô sai biệt, mới chúng được giải thoát. Sự giải thoát này lia tất cả chấp trước, chẳng có chấp người, cũng chẳng có chấp pháp, do đó "*người không, pháp không*".

Xưa kia có vị Sa Di nhỏ tuổi, giảng pháp giảng đến chỗ chẳng có pháp để giảng thì lén trốn bỏ đi. Người cầu pháp đợi rất lâu, mà chẳng nghe nói gì nữa, bèn ngẩng đầu lên nhìn thì chẳng thấy người thuyết pháp nữa. Lúc đó bèn đốn ngộ đạo lý "*người không pháp không*".

Những vị đại Bồ Tát này đều chúng được giải thoát của Phật. Buông xả đặng, thì đắc được tự tại, tự tại tức là giải thoát. Cảnh giới này sâu như biển cả, rộng như pháp giới. Các Ngài trong quá khứ, đã từng làm thầy của Phật Thích Ca Mâu Ni, bây giờ lại làm đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni. Cho nên nói cảnh giới này sâu rộng quảng đại, chẳng giống như phàm phu chúng ta có tâm chấp trước, các Ngài chẳng có tâm chấp trước.

(còn tiếp)

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Đề Kinh của bốn Kinh này là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, diệu pháp rộng lớn vô cùng, chẳng cách chi nói hết được. Ở trên đã giải thích đại khái, bây giờ giảng tiếp về hai chữ Liên Hoa (hoa sen).

Hoa sen là một thứ hoa hy hữu nhất. Thứ hoa này thuộc về hoa quả cùng lúc ; hoa nở thì sen hiện, hoa rụng thì sen thành. Rễ của hoa sen ở dưới bùn, cọng thì ở trong nước mà hoa thì vượt lên khỏi mặt nước. Rễ ở trong bùn là biểu thị phàm phu, cọng ở trong nước là biểu thị hàng nhị thừa. Phàm phu chấp về có, ở trong bùn là ví dụ có ; nhị thừa thì chấp không, cọng hoa ở trong nước là biểu thị không. Hoa sen ở trên mặt nước là vượt ra không, có ; là biểu thị trung đạo và liễu nghĩa. Tức chẳng rơi về không cũng chẳng lạc về có. Không, có gọi là hai bên, chẳng chấp vào hai bên là trung đạo liễu nghĩa.

Sao lại nói hoa sen là biểu thị sự trung đạo liễu nghĩa, đại giáo viên đốn ? Vì một khi hoa sen nở thì có sen, đó gọi là biểu thị nhân quả không hai ; Nhân là quả, quả cũng là nhân, như trồng nhân Phật thì kết quả Phật. Mà hoa quả cùng lúc cũng là biểu thị khai quyền hiển thật. Hoa sen nở thì biểu thị khai quyền, pháp quyền xảo phương tiện, sen hiện ra là biểu thị thật pháp ; là chân thật không hư, dùng pháp thật tướng làm thể.

Trong bốn Kinh này có nói, Phật vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đại sự gì ? Là vấn đề sinh tử của chúng sinh. Phật dạy tất cả chúng sinh giác ngộ, liễu sinh thoát tử. Có người nói : "Sinh tử ai ai cũng có, sao gọi là đại sự ?" Không sai, ai ai cũng sinh, ai ai cũng chết. Song, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, cứu kính là vì sao ? Trang Tử có nói mấy câu này rất là chí lý : "Sinh mạng của tôi

thì có hạn, mà sự hiểu biết thì vô hạn, lấy cái có hạn học cái vô hạn". Nghĩa là sinh mạng thì có hạn định, có lúc kết thúc, song, sự hiểu biết thì chẳng có bờ mé. Chúng ta dùng sinh mạng có hạn định để học sự hiểu biết vô hạn, đó thì chẳng cách chi truy

cứu được ! Nhưng ông ta chỉ biết một nửa, chưa biết hết toàn thể, tại sao nói như thế ? Vì ông ta chỉ biết sinh mạng có lúc kết thúc mà chẳng biết kết thúc rồi sẽ có bắt đầu nữa.

Sinh mạng của chúng ta chẳng phải đi rồi thì không trở lại. Nếu bạn biết vấn đề sinh tử như thế nào thì cũng chỉ giải quyết được một nửa ; nếu chẳng biết vấn đề sinh tử như thế nào thì chẳng minh bạch. Do đó đến cũng hờ hờ, đi cũng hờ hờ. Về vấn đề sinh tử, Tử Lộ từng hỏi đức Khổng Tử : "Thầy ! Con phải dùng phương pháp gì để cung phụng quỷ thần ?" Khổng Tử đáp : "Chưa biết lo cho người, sao cung phụng được quỷ ?" Tử Lộ lại hỏi : "Dám hỏi về cái chết, con cả gan hỏi về chết như thế nào ? Chết từ vị nó như thế nào ? Tinh hình chết như thế nào ?". Khổng Tử đáp : "Chưa biết sinh, làm sao biết chết ?" Nghĩa là chưa biết sống như thế nào, lại làm sao biết chết ? Tức cũng là sinh như thế nào thì chết như thế ấy. Vậy cứu kính sinh như thế nào ? Đó là nói đến vấn đề căn bản, mọi người nên chú ý chỗ này một chút, sinh tử là một đại sự.

Người là do tình dục mà sinh, cho nên cũng do tình dục mà chết. Nếu chẳng có tình dục thì chẳng có sinh, cũng chẳng có chết. Vấn đề sinh tử là do tâm tham dục, nếu đoạn trừ được tâm tham dục thì cũng biết rõ về sinh tử. Phật là vì muốn chấm dứt vấn đề sinh tử của tất cả chúng sinh mà đến thế giới này, cho nên vấn đề sinh tử rất là quan trọng.

Có câu chuyện về vấn đề sinh tử : Xưa kia có một đại phú ông cưới một cô vợ rất đẹp, sinh được ba người con. Đại phú ông ngoài tiền bạc ra, ông ta chẳng biết gì hết. Tiền là người bạn tốt nhất trong cuộc đời của ông ta, như cốt nhục chí thân, cho nên ông ta sửa đổi một đoạn "trung dung" của bậc Thánh nhân trước tác. Sửa là "Thiên mạng chi vị tiền, suất tính chi vị tiền, tu đạo chi vị tiền. Tiền đã giả, bất khả tu du lia dã". Tiền thì không phút giây nào xa rời nó. Do đó ông ta đặt tên cho thằng con

traì cả tên là Vàng, đứa kè là Bạc, vì vàng bạc đều có, đứa thứ ba thì đặt tên rất là kỳ quái, gọi là Nghiệp Chướng.

Khi ba đứa con của ông ta trưởng thành thì ông ta cũng già nua, lại còn mắc bệnh tê liệt, mắc phải bệnh này ông chẳng đi đâu được, suốt ngày nằm trên giường, nhà tuy giàu có, song chẳng ai hầu hạ ông ta. Vợ đẹp của ông ta cũng xa lìa ông ta, đứa con thông minh của ông ta cũng chẳng đến thăm ông ta. Ông ta cắn răng muốn chết sớm một chút, song ông ta lại nghĩ : Một mình xuống âm phủ quá cô đơn, do đó ông ta thương lượng với bà vợ nói : "Tôi bị bệnh đã lâu, coi bộ chẳng qua khỏi, bằng chi chết sớm một chút cho yên thân. Bà có thể đi với tôi nhé ?" Bà vợ đẹp của ông ta đáp : "Sao ông lại có thể kêu tôi đi với ông ? Chết thì ai cũng không thể thế cho ai, ông bị bệnh thần kinh chẳng ?" Ông ta thấy vợ chẳng chịu đi theo, ông ta bèn gọi đứa con trai cả nói : "Vàng ! Khi con vừa sinh ra thì ta thương con nhất, con có biết chăng ?" Con trai cả đáp : "Đương nhiên con biết". Ông ta lại nói : "Bây giờ ta sắp chết, con đi với ta nhé ?" Con trai cả nghe vậy đáp lại : "Ông thật là hồ đồ ! Tuổi của ông đã lớn, là đáng chết, con còn trẻ sao có thể chết được ? Nếu như cha thương con thì đừng kêu con chết đi". Do đó đứa con cả chạy đi. Ông ta lại kêu đứa thứ nhì nói : "Bạc ! Hiện ta sắp chết, con đi với ta nhé ?" Con trai thứ nhì nói : "Ông này lộn xộn ! Muốn chết thì chết, sao lại kêu ta đi theo với ông ?" Vợ của ông ta và hai đứa con lớn chẳng chịu đi theo ông ta. Cuối cùng ông ta kêu đứa thứ ba đến nói : "Nghiệp Chướng ! Con tuổi trẻ nhất, ta cũng thương con nhất, ta muốn chết, nhưng bỏ con chẳng đành, con tính làm sao đây ?" Thành út thông minh lanh lợi nói : "Đừng lo, cha thương con nhất thì con sẽ chết theo cha" ! Ông ta nghe vậy rất vui mừng, vì chỉ có đứa con út Nghiệp Chướng chịu đi với ông ta vào địa ngục, cho nên ông ta nói : "*Mọi thứ chẳng mang theo được, chỉ có nghiệp theo mình*". Tất cả vàng, bạc, châu báu đều mang đi chẳng đành, chỉ có nghiệp thiện hoặc nghiệp ác mà bạn tạo ra thì mới theo bạn như bóng theo hình. "Đản niệm A Di Đà, vãng sinh cực lạc quốc". Tức nhiên là nghiệp theo mình thì phải chuyên tâm niệm "Nam Mô A Di Đà Phật" thì sẽ được vãng sinh về thế giới cực lạc, sẽ không đọa lạc vào biển khổ sáu nẻo luân hồi. Trong Kinh A Di Đà có nói, cõi nước cực lạc dùng vàng làm đất, vàng làm đất

thì nhiều vô số, có thể nói là giàu sang đến cực điểm.

Chúng ta sống ở đời phải kịp thời làm thiện, còn chút hơi thở, chút sức lực thì phải làm thiện tích đức, đừng có chỉ mượn phước đã tích tập trong tiền kiếp mà hưởng thụ hết trong đời này.

Hoa có nhiều loại khác nhau, có loại "hoa đại không có quả", chỉ có hoa mà chẳng có quả, là ví dụ những người buông lung, cứ nói dối, chỉ nói mà không làm, cũng là ví dụ cho ngoại đạo. Vì những bần môn tả đạo mặt ngoài trông có vẻ rất là thần thánh, họ cũng rất dụng công tu hành, tu đủ thứ sự khổ hạnh, nhưng chẳng kết quả, cuối cùng chẳng thành công, đó cũng như hoa đại chẳng có quả.

Có thứ "hoa có rất nhiều quả", đó là ví dụ phàm phu cúng dường cho cha mẹ, sư trưởng, đủ thứ hành vi hiếu thuận. Vì cúng dường cha mẹ, cho nên được rất nhiều công. Những công này tương lai cũng sẽ kết rất nhiều quả, hoặc là sinh về cõi trời, hoặc là sinh vào cõi người làm người giàu có, đó thật là một hoa có nhiều quả.

Lại có, "một hoa kết một quả", đó là biểu thị Duyên Giác. Duyên Giác tu hạnh viễn ly, tu pháp môn này thì vào trong rừng sâu núi thẳm, cũng chỉ đắc được quả vị Duyên Giác.

Lại có, "trước quả sau hoa", như Tu Đà Hoàn, họ đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhưng về sau họ vẫn cần tiếp tục tu hành.

Lại có, "trước hoa sau quả", đây là biểu thị Bồ Tát thừa, Bồ Tát thì trước phải tu hành, về sau mới đắc được quả vị Bồ Tát. Song, những thứ hoa đã nói ở trên không thể ví dụ với diệu pháp được, cũng không thể sánh với diệu pháp, chỉ có hoa sen mới thật sự có thể ví dụ cho diệu pháp, vì hoa sen là hoa quả cùng lúc, biểu thị tức quyền tức thật.

Hoa quả cùng lúc vừa nói ở trên mới biểu thị khai quyền hiển thật, vừa có hoa lại có quả, quyền là hoa, thật là quả, song le duy thật thí quyền, sao lại có hoa ? Hoa là vì chấp quả mà có. Khi Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã đều vì nói Kinh Pháp Hoa, mới nói những Kinh điển đó. Pháp được nói ra trước là quyền pháp (pháp phương tiện) mà chẳng phải là thật pháp, đến hội Pháp Hoa mới là thật pháp, thật giáo. Đem quyền giáo triển khai để hiện thị ra nhất thừa thật pháp, đó tức là hoa nở sen hiện, cũng gọi là khai quyền hiển thật. Hoa rụng sen thành, tức gọi là bỏ

quyền lợi thật, xả bỏ quyền pháp, tuyên lưu ra diệu pháp chân thật. Thật giáo thượng thừa tức là viên đốn nhất thừa.

Pháp của Phật nói gồm có bốn, tích (gốc, vết tích) hai môn. Bốn môn là gì ? Bốn là căn bốn, tích là vết tích. Bốn là gì ? Bây giờ đưa ra một ví dụ : Mặt trăng ở trong hư không là bốn (gốc), mặt trăng trong nước là tích, gốc chỉ có một, mà tích thì có vô lượng vô biên. Do gốc mà có tích, nhờ có gốc mới hiển thật tích. Khai tích hiển gốc. Tích là tông tích, như bóng, có cái bóng hoặc là sự tích. Đó đều là do thật mà thí quyền, khai quyền hiển thật, giống như đạo lý bỏ quyền lợi thật.

Ở trong Kinh văn nói : Mười sáu vị vương tử phát tâm xuất gia tu đạo là gốc, mà ở trước đó chẳng biết lâu xa bao nhiêu, cho nên mười sáu vị vương tử xuất gia cũng không kể là gốc. Hiện tại Đức Phật Thích Ca thị hiện thân Phật đến thế giới này vì chúng sinh mà thuyết pháp là tích. Kỳ thật, Phật Thích Ca chẳng phải mới ở thế giới này tu đạo thành Phật mà trong vô lượng kiếp lâu xa về trước đã thành Phật rồi. Trong Kinh Phạm Võng có nói : "Ta đến thế giới Ta Bà này đã tám ngàn lần". Thế giới Ta Bà hiện tại của chúng ta đây là một thế giới Ta Bà mới, là thế giới Ta Bà trẻ trung, còn có thế giới già, bốn lai thế giới đó mới gọi là gốc, thế giới hiện tại gọi là tích. Nấy dùng Phật pháp theo sự hiểu biết của chúng ta thì chẳng cách chi đo lường được, là vô cùng vô tận, vô lượng vô biên, cho nên gọi là diệu pháp.

Hoa sen là tượng trưng cho diệu pháp. Diệu Pháp Liên Hoa là ví dụ cho bộ Kinh này, là biệt danh của bộ Kinh này. Biệt tức là riêng biệt, tại sao lại riêng biệt ? Vì chữ Kinh là tên chung. Tất cả Kinh đều gọi là Kinh ; giống như tất cả mọi người đều gọi là người. Song, mỗi người còn có tên của họ. Diệu Pháp Liên Hoa là tên riêng, Kinh là tên chung. Đây là dùng riêng, chung hai pháp để phán đoán tên của bộ Kinh này.

Diệu Pháp là diễn nói vô tận. Nếu nói ý nghĩa rộng thì thật là không biết nói đến bao giờ mới hết, dù có nhiều thời gian cũng giảng chẳng xong. Hiện tại đã giải thích sơ lược về tên Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Kinh, mọi người hầu như đều biết rành chữ Kinh, song, cứu kính có thật hiểu về nó chăng ? Nguồn gốc Kinh có năm lối giải thích áo diệu, cho nên gọi là ngũ trùng huyền nghĩa, tức là : 1. Thích danh. 2. Biện thể. 3. Minh tông. 4. Luận dụng, 5. Phán giáo. Ngoài ra chữ Kinh còn bao hàm nhiều ý nghĩa khác.

Kinh nghĩa là con đường, là con đường từ phàm phu đến quả vị Phật, đó là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai gọi là pháp bốn, tức là pháp căn bản, là phương pháp trở về nguồn cội (thành Phật). Thứ ba là suối vọt, nghĩa là trào ra không ngừng, hoặc nghĩa là dây mực, tức là một thứ quy cụ, do đó "Không dùng quy cụ, sao thành vòng tròn". Nghĩa là cần có compas, thước mới vẽ họa đồ được. Còn có một ý nghĩa là kết man. Kết là kết lại với nhau, man là hoa man, nghĩa là sâu kết tất cả các pháp lại với nhau. Cho nên mới nói Kinh là quán nhiếp thường pháp. Đem tất cả đạo lý trước sau sâu lại với nhau, khiến cho dùng rồi lạc chương tiết, cũng giống như làm văn phải có mở đề, thân bài và kết luận. Kinh văn tựa như dùng một sợi chỉ khâu kết ý nghĩa lại. Nhiếp là nhiếp trì tất cả chúng sinh căn cơ hóa độ được ; bất cứ bạn thích hợp pháp môn nào thì ở trong Kinh đều bao hàm hết thảy. Ví như tham thiền, tĩnh tọa, thuyết pháp, giảng Kinh, trì luật, hoặc niệm danh hiệu Phật, trì Chú, học mật v...v... bất cứ pháp môn nào cũng đều có đủ trong Kinh điển.

Kinh, lại hàm có ý nghĩa là trường (dài). Trường tức là vĩnh viễn không đổi, từ khi Đức Phật nói, rồi đến kết tập Kinh điển, cho đến hiện tại chưa từng biến đổi, một chữ cũng không thể bớt, cũng không thể thêm ; do đó không tăng không giảm tức là ý nghĩa của Kinh vẫn hằng thường như vậy. (còn tiếp)

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

"Trong Pháp Uyển Châu Lâm có nói là tại sao người xuất gia và người tại gia tụng trì Kinh Chú không công hiệu ? Vì tâm không chí thành khẩn thiết. Một khi tu mà cảm thấy không có cảm ứng gì thì bắt đầu phải báng, nói không có gì chứng minh, chẳng có linh nghiệm gì, nói Chú này là giả, Kinh này là giả. Thật ra nguyên nhân trì Chú không linh là do văn tự ngụy tạo thay thế, hoặc âm vần niệm sai, hoặc uống rượu ăn thịt, hoặc ăn ngũ tân, hoặc đi đại tiểu tiện không rửa tay rồi cầm Kinh Chú, hoặc nói những lời thế tục, không giữ quy cụ, nói chuyện thị phi, hoặc mặc y phục không sạch sẽ, hoặc ở chỗ không nghiêm tịnh, phạm tám thứ giới pháp nói ở trên, khiến cho quỷ thần không cung kính, không những không có công đức, mà ngược lại có lỗi lầm."

"Nếu như bạn muốn tu pháp Chú Lăng Nghiêm, thì phải tắm rửa, súc miệng sạch sẽ. Phải có tâm chí thành khẩn thiết, thời thời khắc khắc không quên, khắp vì chúng sinh trong sáu nẻo : Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục mà phát tâm Bồ đề, không lười biếng giải đãi, chí thành khẩn thiết như thế thì nhất định sẽ có ứng nghiệm".

"Trong Hiển Mật Viên Thông có nói, lúc bạn dụng công trì Chú hoặc mộng thấy mình lạ Phật, hoặc mộng thấy Phật phóng quang minh, mộng thấy Phật đến rờ đầu, mộng thấy Phật vì bạn mà giảng Kinh thuyết pháp, hoặc mộng thấy Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn Thánh Tăng, hoặc thiên tướng trên trời, hoặc đủ thứ khác nhau, xuất kỳ những dị tướng rất đặc thù, hoặc mộng thấy thân mình bay lên hư không, hoặc cõi ngựa, qua sông, hoặc thấy đủ loại hương quang tốt đẹp, đó là những cảnh giới tốt. Nếu đắc được những ứng nghiệm như thế thì tu thân, miệng, ý ba nghiệp phải cẩn thận, khiến cho thanh tịnh, phát tâm đại Bồ đề, và dụng công tu trì Chú thêm, không thể

tuyên nói cảnh giới trong Chú. Không thể nói với người có bất cứ cảm ứng gì, kêu người tin bạn, có hảo cảm với bạn, hoặc kêu người cung kính bạn, tán thán bạn, những thứ đó đều không thể được. Chỉ đối với người đồng tu, đừng vì cung kính hoặc tán thán mới có thể nói".

"Trong Kinh Đại Bi có nói : Nếu có người khẩn thiết niệm thì hoặc gặp ma chướng hoặc hốt nhiên sinh tâm sợ sệt, thân tâm bất an, hoặc nhiều nóng giận, hoặc thích ngủ, hoặc đầu lười không thể niệm, hoặc thấy những dị tướng yêu ma quỷ quái. Những dị tướng ở đây với những dị tướng ở trên không giống nhau. Những dị tướng ở đây là những tướng xấu, những dị tướng ở trên là những dị tướng cát tường. Hoặc là sinh tâm nghi hoặc với Chú Lăng Nghiêm, hoặc tâm phân biệt, hoặc khởi vô minh chấp trước các cõi, bạn nhìn nghiệp chướng của người ra sao đều có. Bây giờ bạn niệm từ từ Chú này rất khó được. Nếu có những cảnh giới không cát tường như vừa nói thì nên quán tưởng Phạm thư chữ Lam () thì sẽ khiến cho bạn thanh tịnh, hoặc quán chữ A () thì những cảnh giới không cát tường ở trên sẽ tiêu diệt. Phải biết nhân duyên pháp vốn là không".

"Những lời nói ở trên là khuyên người thực hành, trong Kinh đều đã nói qua. Chỉ sợ các bạn lơ là, cho nên nói tỉ mỉ để mọi người rõ".

"Năm hội chân ngôn dưới đây tuy nhiên y cứ cổ đức phiên dịch, hướng người tương lai truyền pháp thì, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm trong tâm, bất tất phải chấp trước. Điều nên nói thì bạn không nói, như dạy người tu hành thế nào thì bạn không nói, điều không nên nói thì bạn nói, như bạn nói đắc được cảnh giới gì, sự linh nghiệm gì, khai ngộ chứng quả, thành Phật. Đó là đại vọng ngữ, không thể nói. Đức Khổng Tử có nói : "Lời có thể nói với người mà không nói là lỗi người, lời không thể nói mà nói với người là lỡ lời".

Người tri thức nói những lời không thể sai lầm, cũng không thể nói bậy bạ. Mạnh Tử cũng có năm điều không trả lời. Trong Kinh Lăng Già cũng có bốn thứ lời. Bộ Mật không phiên dịch là vì điều phục thiên ma ngoại đạo".

"Những gì nói ở trên là ba thứ ý nghĩa rất quan trọng đối với sự tu pháp. Đặc biệt bây giờ là nói phần trước của Chú, phần sau là giải thích Chú".

"Phật bộ tức là Chú của chư Phật nói. Liên Hoa bộ tức là Chú của chư Bồ Tát nói. Kim Cang bộ tức là Chú của hết thảy Kim Cang Mật Tích. Bảo Sinh bộ tức là Chú quản lý chư thiên. Yết Ma bộ là Chú quản lý hết thảy các quỷ thần. Phía trước nói về tất đàn, ba la mật phải tương ứng, nói về sự biểu hiện năm Đức Phật bộ chủ".

"Trong Du Già có bốn phương pháp tụng niệm :

1. Xuất thanh tụng niệm, tụng niệm ra tiếng.
2. Kim cang tụng niệm.
3. Tam Ma Đề niệm, tức là tâm niệm.
4. Chân thật nghĩa niệm như tu hành theo chữ Phạn.

Lại có năm loại pháp tụng niệm :

1. Xuất nhập tức tụng pháp, nghĩ tưởng chữ Phạn, theo hơi thở ra vào, thở ra chữ cũng ra, hít vào chữ cũng vào, mỗi chữ đều niệm rõ ràng.

2. Du Già trì tụng pháp. Tưởng trong tâm có một vàng trắng, trong ngoài phân minh, chữ Phạn theo thứ lớp từ trước hướng vòng qua bên phải, khắp hết một vòng rồi bắt đầu trở lại.

3. Kim cang trì tụng pháp, niệm thầm trong miệng, nói không có âm thanh, nhưng lại nghe được, nói có âm thanh nhưng tựa như không có.

4. Vi thanh trì tụng pháp. Âm thanh rất nhỏ, mỗi chữ đều niệm rõ ràng, trong tai chính mình cũng nghe rõ ràng, không phải niệm vọng vàng lên xuống, chính mình cũng chẳng biết niệm hay không.

5. Cao thanh trì tụng pháp, là niệm lớn tiếng khiến cho người khác nghe được, trong nghi Kim Cang Đỉnh Niệm Tụng, Ngũ Tự, Kinh Chuẩn Đề .v.v. có nói rõ ràng tử mĩ".

"Trong Kinh Như Ý Bảo, Bồ Tát Diệu Trụ hỏi : Trì Chú này sao chẳng thấy được ba đời chư Phật ? Phật nói : Do định nghiệp đã tạo trong quá khứ quá nặng".

"Do tâm hoài nghi không dứt".

"Dùng một thứ tâm tham lại cầu pháp".

"Niệm bất như pháp".

"Nếu trong tâm không có nghi hoặc, nhất tâm chuyên chú chữ Phạn, hoặc Phạn âm thì đó là người chân thật tu Chú pháp".

"Lại có Bồ Tát Diệu Tý hỏi : Trì tụng chân ngôn không thể thành quả, là pháp không có năng lực này chăng ? Pháp sở tác không đúng thời chăng ? Hoặc là không có chủng tính Phật chăng ? Chú không có lợi ích chăng ? Là giả chăng ? Đối với Chú không kính chăng ? Cúng dường Thần Chú không viên mãn chăng ?"

"Bồ Tát Kim Cang Thủ đáp : Người tu trì tụng Chú, cầu thành tựu, phải lìa các phiền não, khởi niềm tin sâu xa, phát tâm bồ đề, cung kính Phật Pháp Tăng. Thân phải giữ giới không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, ý phải trừ tham sân si, miệng đừng nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chưởi mắng. Phải có tâm chánh kiến, đừng có tà kiến. Sám hối nghiệp chướng đời quá khứ, giúp đỡ bạn hữu đồng tu, cúng dường cơm nước, hoa quả phải sạch sẽ".

"Niệm phải chánh quyết. Bây giờ bạn tu không như pháp. Cho nên không ứng nghiệm. Y áo không chỉnh tề, đội mũ không ngay, y khấu cũng không khấu, lại không có đạo tràng, tuy là như thế, Phật trời cũng không cho rằng có lỗi".

"Nay được lợi ích bốn tất đàn, không thể nghi hoặc, bằng không thì ngược lại sẽ có lỗi lầm".

PHẬT ĐỈNH QUANG MINH MA HA TÁT ĐÁT ĐA BÁT ĐÁT LA VÔ THƯỢNG THẦN CHÚ.

ĐỆ NHẤT HỘI CHÂN NGÔN GỌI LÀ TỶ LÔ CHÂN PHÁP HỘI. NGHĨA LÀ DƯỚI HAI MƯỜI PHÁP MÔN MẬT NGÔN ĐỀU MỘT TỶ LÔ CHÂN TÂM PHÁP THÂN LƯU DIỄN.

1. NAM MÔ TÁT ĐÁT THA

Nam Mô nghĩa là kính lễ. Nay con kính lễ Đấng Tát Đát Tha. Quy mạng tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chân Ngôn Tập, có nói : Trước hết khể thủ quang minh đại Phật danh. Như Lai vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm. Nếu ai chí tâm thường trì tụng. Tất cả sở cầu đều viên mãn. Nam Mô còn gọi là Na Mô, hoặc Nam Ma. Dịch là quy mạng, hoặc là tin theo, cung kính nương tựa, quy lễ, độ con.

Tát Đát Tha tức là "tát lý phục". Phạn âm là "xa thiết", dịch là nhất thiết, khắp cùng mười phương hư không pháp giới vậy.

Kệ :

Quy mạng kính đầu nghĩa Na Mô
Tam nghiệp thanh tịnh Tát Đát Tha
Phiền não bồ đề duy tâm hiện
Mê thời phạm phu giác Phật Đà.

Nghĩa Là :

*Quy mạng kính lễ nghĩa Nam Mô
Ba nghiệp thanh tịnh Tát Đát Tha
Phiền não bồ đề do tâm hiện
Mê thì phạm phu giác là Phật.*

Giải : Niệm Chú thì trước hết niệm "Khể thủ quang minh đại Phật đánh. Như Lai vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm. Nhược nhân chí tâm năng trì tụng. Nhất thiết sở cầu giai thành tựu". Nghĩa là : "Cuối đầu đánh lễ quang minh đại Phật đánh, Như Lai vạn hạnh Chú Thủ Lăng Nghiêm, nếu người chí tâm thường trì tụng, tất cả sở cầu đều viên mãn". Nam Mô nghĩa là cung kính, cũng có nghĩa là tin tưởng nhất, không có tư hào hoài nghi. Cho nên nói là quy mạng kính lễ. Đem thân tâm tính mạng đều quy y cho Phật, tức cũng là tín ngưỡng Phật không có điều kiện, biết Phật sẽ độ mình, cho nên nói : " Quy mạng kính lễ nghĩa Nam Mô". Nam Mô là tiếng Phạn, nghĩa là quy mạng kính lễ, tức cũng là tin theo, kính lễ.

"Ba nghiệp thanh tịnh Tát Đát Tha". Tát Đát Tha là tiếng Phạn, dịch là tất cả. Tất cả này là bao quát thân, miệng, ý. Thân không phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Miệng không phạm nói dối, nói

lời thêu dệt, nói hai lưỡi, chưởi mắng. Tâm thì không tham, sân, si. Thân miệng ý đều thanh tịnh, cho nên gọi là Tát Đát Tha.

"Phiền não bồ đề do tâm hiện". Phiền não và bồ đề như hai mặt bàn tay. Mặt này là phiền não, chuyển qua tức là bồ đề. Đi trên con đường sáng tức là bồ đề, đi trên con đường tối tăm tức phiền não. Cho nên nói do tâm hiện ra. Cũng giống như băng và nước, nước không thể là băng, mà băng không phải nước, nước cũng không phải băng. Nhưng băng là từ nước mà thành, nước cũng là do băng mà thành. Cả hai vay mượn với nhau. Lạnh thì nước biến thành băng, nóng thì băng tan thành nước. Cũng vậy, nếu hướng trên con đường sáng mà đi thì phiền não biến thành bồ đề, nếu hướng con đường đen tối mà đi thì bồ đề cũng biến thành phiền não. Cũng như đạo lý nước và băng. Xem bạn làm thế nào !

"Mê thì phạm phu, giác Phật Đà". Mê thì là phạm phu, giác tức là Phật. Phật là từ chúng sinh mà thành, chẳng phải bỗng lai là Phật. Chúng sinh đều có Phật tính, bỗng lai là Phật, chỉ vì mê, cho nên gọi là chúng sinh, nếu giác ngộ thì liền thành Phật. Thiên đường, địa ngục do một tâm niệm ; một niệm giác thì địa ngục liền biến thành thiên đường, một niệm mê thì thiên đường liền biến thành địa ngục. Cho nên giác, mê tại một tâm niệm. Một niệm giác thì chúng sinh là Phật ; một niệm mê thì bạn có thể thành Phật cũng vẫn còn là chúng sinh. Giác là gì ? Tức là có đại trí huệ, không hồ đồ. Mê là gì ? Tức là người đại ngu si. Chỗ này mọi người phải chú ý. (Còn tiếp)

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

24. Tát Bà Tát Bà.

Hương Tích Bồ Tát đại oai thần
Thanh hoàng xích bạch hắc quỷ binh
Phục lao chấp dịch thánh giáo hoá

Cảm ứng đạo giao cứu chúng sinh.

Tạm dịch :

Bồ Tát Hương Tích oai thần lớn

*Quý binh xanh vàng đỏ trắng đen
Phục lao sai khiến nghe giáo hoá
Cảm ứng đạo giao cứu chúng sinh.*

Các bạn có biết câu Chú này thuộc về Thủ Nhân nào chăng ? "Tát Bà Tát Bà", là tiếng Phạn, dịch ra là "nhất thiết lợi lạc". Nhất thiết là tất cả, bạn tu Thủ Nhân (tay mắt) này thì có thể lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Bạn có 'bảo ấn' này thì chư Thiên trên trời đều nghe hiệu lệnh của bạn, quỷ vương dưới địa ngục cũng đều nghe hiệu lệnh của bạn ; bạn kêu họ như thế nào thì họ như thế ấy. Bạn kêu họ thả người có tội ra thì họ lập tức phải thả họ ra. Tại sao ? Vì bạn có mạng lệnh này. Bảo ấn này cũng giống như ngọc tỷ của hoàng đế ; ấn ngọc tỷ của hoàng đế in vào trong chiếu thư, phổ cáo thiên hạ, đến đâu thì mọi người đều phải chiếu theo chiếu thư mà hành sự, chẳng có ai dám phản đối. Bạn có Bảo Ấn Thủ này thì có thể lợi ích tất cả chúng sinh ; bạn kêu tất cả chúng sinh được lợi ích gì thì họ sẽ được lợi ích đó, cho nên dịch ra nghĩa là lợi ích tất cả.

Người Trung Quốc hầu như đều có nghe rằng thần tiên thời xưa có một cái ấn gọi là "phiên thiên ấn". Huỳnh Thành Tử có phiên thiên ấn tức là cái ấn này ; Đạo giáo gọi là phiên thiên ấn, ở tại Bồ Tát Quán Thế Âm gọi là Bảo Ấn Thủ. Bạn dùng Bảo Ấn Thủ này tu hành thì tu sẽ thành công ; bạn mang theo bảo ấn này dù người nào chết, hoặc sắp chết thì vua Diêm Vương chẳng dám kêu họ chết, có diệu dụng có thể cải tử hồi sinh. Song bạn phải tu hành, nếu không tu hành thì chẳng có ích lợi gì. Tu hành thành công thì giống như bạn đi học, bắt đầu học từ tiểu học, trung học sau đó lên đại học, đậu bằng bác sĩ. Bạn tu Bảo Ấn Thủ thành công thì cũng giống như đậu được bằng bác sĩ, song còn cao hơn nhiều. Cho nên "Tát Bà Tát Bà" tức là "lợi lạc tất cả", hay trợ giúp tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều được khoái lạc. Bạn thấy có diệu chăng ! Cho nên gọi là Bảo Ấn Thủ. Nếu bạn muốn dùng Bảo Ấn Thủ này tu bốn mươi hai Thủ Nhân (tay và mắt) thì "Tát Bà Tát Bà" là một Thủ Nhân trong bốn mươi hai Thủ Nhân, ngoài ra còn có bốn mươi một Thủ Nhân nữa.

Có người nghe tôi giảng Bảo Ấn Thủ có đại dụng như thế, anh ta bèn nghĩ : "Tôi phải mau tu Bảo Ấn Thủ này; tu xong rồi, tất cả mọi người sắp chết thì tôi đều khiến cho họ đừng chết." Có thể được ! Bất quá bạn đừng kêu người khác chết hoặc là thọ mạng đến lúc chết thì không có ai có thể dùng ấn này được nữa.

Tôi đã dùng qua hai lần cái ấn này. Tại Đông Bắc Trung Quốc tôi đã dùng qua một lần, tại Hương Cảng cũng dùng qua một lần. Tại Đông Bắc nhân duyên như thế nào ? Đó đều là bất đắc dĩ. Bất đắc dĩ như thế nào? Tức là nhất định phải làm việc này, không thể không làm. Tôi còn nhớ khi tôi ở Chùa Tam Duyên tại Đông Bắc thì vào ngày 18 tháng 4, có người tên là Cao Đức Phước, nhà anh ta cách Chùa khoảng gần hai mươi dặm. Vào một buổi chiều hôm đó, anh ta đến Chùa. Để làm gì ? Để chặt cánh tay; anh ta cầm một thanh đao dùng giấy báo bao bọc lại, chuẩn bị chặt cánh tay của anh ta để cúng Phật. Bạn có cho rằng anh ta thông minh chăng ? hoặc là ngu si ? Đương nhiên rất là ngu si. Nếu là người thông minh sao lại chặt cánh tay của mình ? Không sai, rất là ngu si. Song anh ta ngu si là vì hiểu thuận mà ngu si.

Tại sao anh ta muốn chặt cánh tay ? Vì mẹ của anh ta bệnh nặng. Mẹ của anh ta bình thường hay hút nha phiến, bệnh nặng đến độ chẳng hút nha phiến được nữa. Nha phiến đã không thể hút được nữa thì đương nhiên cũng chẳng ăn cơm được, chẳng uống nước được nữa. Lưỡi cũng đã biến thành màu đen. Trung y, bác sĩ Trung Quốc, bác sĩ ngoại quốc đều bó tay. Anh ta nói : "Bồ Tát là linh cảm nhất, bây giờ tôi đến Chùa Tam Duyên, chặt cánh tay của tôi xuống để cúng dường Phật; dùng tâm thành này để cầu Phật gia hộ cho mẹ của tôi khỏi bệnh". Đến chùa rồi mở đao trong giấy báo ra, tự mình duỗi cánh tay ra, còn tay kia thì cầm đao muốn chặt tay; từ phía sau có người đến giữ thanh đao của anh ta lại, nói : "Ê ! Anh làm gì thế ? Đừng có tự sát, tại đây không nên tự mình giết mình !". Anh ta nói : "Tôi vì mẹ của tôi bệnh nặng, tôi phải chặt cánh tay của tôi xuống để cúng Phật, Thầy đừng cản trở tôi, đừng làm tôi không chặt được !". Người đó cũng chẳng chịu buông đao ra, bèn đi báo cáo với Hòa Thượng phương trượng (Thầy trụ trì), Hòa Thượng phương trượng cũng chẳng có biện pháp. Đương lúc đó có vị cư sĩ tên là Lý Cảnh Hoa là hộ pháp đắc lực nhất của Hòa Thượng phương trượng.

Hòa Thượng bèn sai Lý Cảnh Hoa đi tìm tôi nói: "Thầy ơi Thầy ! Có người đến muốn chặt cánh tay, vì mẹ của anh ta bệnh nặng, Thầy hãy tìm cách giúp anh ta".

Lúc đó tôi làm thủ tòa ở trong Chùa, ngoài Hoà Thượng phương trượng ra tức là tôi. Lúc đó tôi còn là Sa Di, chẳng phải như Sa Di hay ăn, Sa di hay ngủ, Sa Di hay uống, chẳng phải như thế. Lúc tôi làm Sa Di thì mọi người chẳng dậy thì tôi dậy; chẳng phải đợi mọi người dậy mà mình thì chưa dậy. Việc người khác không làm thì tôi làm.

Tìm tôi rồi, tôi bèn nói với Hòa Thượng : "Họ đến tìm Ngài, Ngài lại thêm phiền phức đến con, Ngài chẳng lo mà kêu con lo". Hòa Thượng phương trượng nói : "Con hãy từ bi, giúp anh ta".

Tuy nhiên tôi chẳng muốn lo việc ấy nhưng Hòa Thượng đã nói lời đó làm cho tôi rất cao hứng.

Tôi nói : "Tốt, con đi đây". Tôi lại nói với anh muốn chặt tay là Cao Đức Phước : "Anh hãy về đi". Anh ta leo lên xe đạp về nhà, anh ta đi xe phải đi đường lớn, tôi thì đi đường nhỏ. Lúc đó mặt trời đã lặn sớm khoảng năm giờ chiều, tôi nói : "Anh đi trước". Anh ta nói : "Thầy có biết đường chẳng ?". Tôi nói : "Anh đừng lo cho tôi, anh hãy đi trước thì tốt rồi".

Cách mười tám dặm đường, anh ta đạp xe đạp đi trước, tôi thì cũng đi theo con đường nhỏ. Tôi đến nhà anh ta mà anh ta chưa về tới ! Anh ta về đến nhà thì thấy tôi nói : "Ồ ! Lạ quá, sao Thầy lại đến trước con ?" Tôi nói : "Chắc trên đường đi anh ham chơi, hoặc đá cầu, cho nên anh mới về nhà trễ". Anh ta nói : "Không đâu ! Con đạp xe rất nhanh để về sớm mà !" Tôi nói : "Hoặc là xe của anh chẳng nhanh bằng xe của tôi, cho nên tôi đến trước".

Tôi đi xem bệnh nhân, thật chẳng có cách nào sống lại được, thử xem sao ! Đến sáng sớm ngày thứ hai thì dậy.

Mẹ của anh ta vốn đã bảy tám ngày chẳng biết gì, cũng chẳng nói, cũng chẳng nhận ra ai, gần như đã chết. Ngày thứ hai thì bà ta ngồi dậy gọi tên con trai lớn, ở nhà thường gọi anh Cao Đức Phước : "Tụ ơi, Tụ ơi, có cháo không, bây giờ mẹ muốn ăn cháo". Anh con trai lớn cũng đã bảy tám ngày chẳng nghe mẹ của anh ta gọi, bây giờ đột nhiên ngồi dậy được để gọi anh ta, anh ta rất đổi vui mừng. Anh ta chạy lại nói : "Mẹ, mẹ bệnh trầm

trọng đã nhiều ngày không nói được, bây giờ mẹ có khỏe không ?" Mẹ của anh ta nói : "Mẹ cũng chẳng biết bao nhiêu ngày rồi, mỗi ngày đều ở trong chỗ tối tăm u ám, cũng chẳng có ánh sáng mặt trời, mặt trăng, cũng chẳng có đèn lửa gì hết ! Chạy khắp nơi tìm chẳng được nhà, chạy đã rất nhiều ngày khổ nhọc, kêu ai cũng chẳng có ai. Tối hôm qua, mẹ nhìn thấy một vị Hòa Thượng nghèo, trên thân mặc áo rách rưới, ông ta đưa mẹ về, cho nên hôm nay mẹ muốn ăn cháo". Con của bà ta nghe mẹ nói như thế bèn nói : "Hòa Thượng đó như thế nào ?" Bà ta nói : "Ông ta rất cao, nếu nhìn thấy chắc sẽ nhận ra ngay". Lúc đó tôi đang nằm trên cái bục ngủ, anh ta đi đến chỗ của tôi ngủ chỉ nói : "Mẹ có biết vị Thầy này chẳng ?" Bà ta nhìn chăm chăm nói : "Phải rồi, mẹ thấy ông ta, ông ta đưa mẹ về".

Lại thêm nhiều sự rắc rối ! Cả gia đình hơn mười người đều đến quỳ ở trước tôi nói : "Thầy đã cứu mạng mẹ của chúng con, cả gia đình chúng con lớn nhỏ đều xin quy y với Thầy, sau này bất cứ Thầy có việc gì kêu chúng con làm, chúng con đều hoan hỉ làm hết mình". Đó là tôi đã dùng qua một lần. Dùng qua một lần thì bệnh khỏi, bạn nói như thế nào ? Sao lại nói nhiều sự rắc rối đến ? Cả nhà đều đến lạy, về sau ở trong làng đó, người này cũng nói có bệnh, người kia cũng nói có bệnh, rất là nhiều bệnh nhân. Vì có nhân duyên này nên tôi nói : "Các vị những người có bệnh đều phải đánh". Lúc đó tôi cầm cây phát trần đánh mỗi người ba cái, sau đó tôi hỏi những bệnh nhân : "Các vị có còn bệnh chẳng ?" Họ trả lời : "Hết đau rồi, khỏi rồi". Tôi nói : "Các vị đều là bệnh đánh đòn, để tôi đánh thì hết bệnh". Đó là việc rắc rối phiền phức ở tại Đông Bắc (Manchuria) bên Trung Quốc.

Còn ở Hương Cảng là ai ? Tức là cha của cô Madelena Lew. Cha của cô ta khoảng 79 tuổi, coi bói, xem tướng đều nói ông ta nhất định phải chết, do đó ông ta bèn đến ghi danh quy y. Khi quy y thì ông ta hỏi tôi : " Sư Phụ, Ngài có thể làm tôi không chết chẳng ?". Tôi nói : " Ông thích không chết chẳng ? Tốt, có thể được, tôi để cho ông sống tới mười hai năm nữa được không ?" Ông ta nói : "Đương nhiên là tốt !", tôi cũng làm cho ông ta việc này, về sau quả nhiên ông ta sống thêm mười hai năm nữa.

Song, vừa mới nói, dù bạn có pháp này cũng không thể dùng cho người chết. Nếu bạn cứu họ lại, không để cho họ chết thì tức là biến thành đối đầu với vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương sẽ nói với bạn rằng : "Tốt ! Ông không để cho họ chết thì bây giờ tôi kêu ông chết trước". Khi bạn chết thì chẳng có ai thay bạn dùng ấn đó. Bạn nói : "Chính tôi dùng ấn đó cho tôi". Vậy thì không được. Tại sao ? Giống như một thanh đao, đây là bèo lười, kia là bèo sống đao; đao của chính bạn không thể chặt bèo sống đao . Dù bạn có pháp thuật, nếu chính bạn có việc gì tức cũng như Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, khó bảo vệ được thân mình, bạn bảo vệ cho mình chẳng được. Cho nên nếu có được pháp này còn phải tự mình tu hành. Vì vậy, cho nên hiện tại tôi chẳng lo việc nhân rồi, muốn chết thì chết, tôi chẳng lo, tôi sợ Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, thân mình khó giữ đặng.

25. Ma La Ma La.

Hổ tương miễn lệ hổ tinh tấn
Đồng tu thiện pháp tục tâm ấn
Tha nhật thành tựu bồ đề quả

Long Hoa hội thượng khánh hoan hân.
Tạm dịch :

*Cùng nhau miễn lệ cùng tinh tấn
Đồng tu pháp lành nối tâm ấn
Ngày sau thành tựu quả bồ đề
Trong hội Long Hoa khánh vui mừng.*

Hai câu Chú này là Phạn ngữ, dịch ra nghĩa là "tăng trưởng", cũng gọi là "như ý", cũng gọi là "tùy ý". Tăng trưởng cái gì ? Tăng trưởng phước huệ. Như ý về cái gì ? Tức là tùy tâm như ý, cát tường như ý.

Cho nên Thủ Nhãn này là Thủ Nhãn Châu Như Ý. Nếu bạn muốn phát tài thì bạn hãy tu Thủ Nhãn này. Nếu tu Thủ Nhãn này thành công rồi thì bạn muốn dùng gì cũng có, chẳng còn lo nghèo khổ nữa, luôn luôn đều giàu có. Trí huệ của bạn vô lượng vô biên, phước báu của bạn cũng vô lượng vô biên. Cho nên tăng trưởng phước huệ, cát tường như ý, tùy tâm như ý, bạn thấy nhiều sự diệu dụng vô cùng! Do đó trong 42 Thủ Nhãn thì Châu Như Ý liệt vào Thủ Nhãn hạng nhất; bảo châu như ý diệu không thể tả. (còn tiếp)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUYỆN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Hỏi : Có vô số vị A La Hán, tại sao chỉ chọn có một ngàn ?

Đáp : Sau khi vua và các đại thần đắc đạo, vua Tần Bà Sa La có sắc chỉ trong cung mỗi ngày sửa soạn món ăn uống cúng một ngàn vị Tăng. Vua A Xà Thế (nói ngói) vẫn không bỏ lệ này. Ngài Đại Ca Diếp ngại sự đi khất thực mỗi ngày sẽ ngăn trở việc kết tập Tam Tạng của đại hội, nên chỉ chọn một ngàn vị, dẫn đến thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quạt, nói vua A Xà Thế hằng ngày cho người mang đến nơi hội, để mọi người khỏi phải ra ngoài.

Bắt đầu mùa an cư sáng ngày rằm, khi họp Tăng thuyết giới, Ngài Đại Ca Diếp vào thiên định dùng thiên nhãn

xem trong chúng ai chưa sạch phiền não phải mời ra, thì chỉ thấy có mình Ngài A Nan. Xuất định, Ngài Đại Ca Diếp kéo tay Ngài A Nan và nói : Nay chúng hội thanh tịnh kết tập Tam Tạng, ông chưa hết kết sử (ràng buộc) không được ở đây ! Bây giờ Ngài A Nan hổ thẹn khóc nghĩ rằng : Hai mươi lăm năm theo hầu Đức Thế Tôn, ta chưa bao giờ bị khổ não như hôm nay ! Phật thật là đức cả lành thương nhẫn chịu ! Nghĩ rồi bạch Ngài Đại Ca Diếp rằng : Tôi có đủ sức để đắc đạo, ngặt vì phép của chư Phật không nhận A La Hán làm thị giả để sai khiến, vì thế tôi còn giữ lại một chút kết sử mà không đoạn hết vậy!

Ngài Đại Ca Diếp nói : Ông có tội ! Ý Phật không cho người nữ xuất gia, vì ông nài thỉnh, Phật mới cho người nữ xuất gia nhập đạo. Do đó, chánh pháp suy giảm mất 500 năm. Ông phải tội Đột-kiết-la !

Ngài A Nan nói : Tôi thương bà Kiều Đàm Di, hơn nữa ba đời chư Phật đều có bốn bộ chúng, tại sao Phật Thích Ca lại không ? Khi sắp vào Niết Bàn, Phật bảo ông rằng : Ta muốn dùng nước mà ông không dâng, ông phải tội Đột-kiết-la !

Khi đó năm trăm cỗ xe vừa đi qua, nước vẫn đục, nên tôi không dám lấy dâng Phật.

Đức Phật có đại thần lực có thể khiến cho biển lớn nước đục thành trong sạch, tại sao ông không lấy dâng Ngài ? Đó là ông có tội, ông phải đi sám hối tội Đột-kiết-la !

Đức Phật bảo ông : Nếu có người khéo tu được phép bốn thần túc có thể sống lâu một kiếp hoặc gần một kiếp (một đại kiếp gồm bốn trung kiếp, một trung kiếp gòn hai mươi tiểu kiếp, một tiểu kiếp là 16 triệu năm) ! Phật nói tới ba lần mà ông đều lạng thính không đáp. Đức Phật là bậc có bốn pháp thần túc, nếu ông thỉnh cầu thì Phật có thể ở đời lâu một kiếp hoặc gần một kiếp. Vì ông, cho nên Đức Phật vào Niết Bàn sớm. Đó là ông phải tội Đột-kiết-la !

Ma che tâm tôi, nên tôi không nói được ! Tôi không có ác tâm mà không đáp Phật.

Ông gắp y Tăng-già-lê với Phật mà ông lấy chân đạp lên. Ông phải tội Đột-kiết-la !

Lúc giờ gió to quá, không có người giúp tôi cầm y, gió thổi làm y rơi xuống dưới chân, không phải tôi không cung kính cố ý đạp lên y của Phật.

Sau khi Phật vào Niết Bàn, ông cho nữ nhân coi tướng âm tàng của Phật, ông phải tội Đột-kiết-la !

Bấy giờ tôi nghĩ rằng nếu các nữ nhân được thấy tướng âm tàng của Phật thì họ tự hổ thẹn cái hình nữ nhân mà muốn được thân nam tử, tu hành tướng Phật, trồng căn lành phúc đức. Tôi thực không hổ hoặc cố ý phá giới !

Ông có ngàn ấy tội Đột-kiết-la, ông phải ở trong chúng Tăng sám hối hết !

Dạ ! Tuỳ trường lão Đại Ca Diếp và chư Tăng dạy.

Nói rồi ông A Nan quỳ thẳng chấp tay, hờ áo vai bên phải, sám hối các tội Đột-kiết-la !

Bấy giờ, Ngài Ca Diếp ở trong Tăng chúng kéo tay Ngài A Nan mà nói rằng : Bao giờ ông dứt hết lậu hoặc mới được vào đây ! Nói xong, Ngài Ca Diếp đóng cửa lại.

Trong đại hội, các vị A La Hán nêu lên câu hỏi : Ai là người kết tập Tỳ Ni (luật) Pháp Tạng ? Ngài A Nậu Lâu Đà nói : Ông Xá Lợi Phất có đệ tử tốt tên là Kiều Phạm Ba Đề, mềm mỏng, hoà nhã, thường ở nơi nhàn vắng, trụ tâm tịch tĩnh, rõ biết Tạng Luật, nay ở trên trời, trong vườn cây Thi Lợi Sa, nên cho người đi mời. Ngài Đại Ca Diếp bảo vị Tăng hạ toạ (Tăng ít tuổi đạo) : Ông làm sứ giả của Tăng được chăng ?

Tăng sai tôi điều chi ?

Tăng nhờ ông lên trời, trong vườn cây Thi Lợi Sa, mời Ngài A La Hán Kiều Phạm Bát Đề. Ông bạch với Ngài rằng ông Đại Ca Diếp và các Tỳ Kheo đã hết lậu đều hội họp ở Diêm Phù Đề, có pháp sự lớn, thỉnh Ngài đến ngay !

Hạ toạ Tỳ Kheo đầu mặt lễ Tăng, nhiều bên phải ba vòng rồi bay lên hư không như chim kim sí điểu. Đến chỗ Ngài Kiều Phạm Bát Đề, làm lễ xong bạch rằng : Đại Đức ít muốn biết đủ, thường ở trong thiên định, Ngài Đại Ca Diếp có lời thăm hỏi và thỉnh Ngài xuống mau, Tăng có việc pháp lớn ! Ngài Kiều Phạm Bát Đề sinh nghi liền hỏi rằng : Không có việc phá Tăng hoặc đấu tranh chứ ? hay Phật đã diệt độ ?

Đúng như lời Ngài nói, Phật đã diệt độ !

Phật diệt độ mau như thế ! Com mắt của thế gian đã mất rồi ! Đại tướng quay bánh xe pháp của Phật là Ngài Xá Lợi Phất bây giờ ở đâu ?

Đã vào Niết Bàn trước Đức Phật.

Thế Ngài Đại Mục Kiền Liên nay ở đâu ?

Cũng đã diệt độ rồi !

Phật pháp muốn tàn, các bậc đại nhân đã qua đời cả, chúng sinh thật đáng thương ! Thế Ngài A Nan nay ở đâu ?

Sau khi Phật diệt độ, Ngài A Nan khóc lóc buồn thương không tả xiết !

A Nan buồn rầu bởi còn ái kết, biệt ly sinh khổ ! Còn La Hầu La thế nào ?

La Hầu La đắc quả A La Hán cho nên không lo buồn chỉ quán sát các pháp vô thường !

Ái khó dứt, đã dứt, cho nên không ưu sầu ! Tôi mất Đại Sư lý dục thì ở trong vườn trời này làm gì nữa ! Hoà thượng thầy tôi đã diệt độ, tôi không thể xuống cõi đời nữa, ở đây vào Niết Bàn !

Nói xong vào thiên định bay lên hư không, phóng đại quang minh, tay xoa mặt trời, mặt

trăng, hiện nhiều thần thông biến hoá, trong thân vọt ra lửa thiêu thân, trong thân phun ra nước tứ phía, chảy đến chỗ Ngài đại Ca Diếp ; trong nước có tiếng nói bài kệ rằng :

*Kiều Phạm Bát Đè dập đầu lễ
Diệu chúng đệ nhất Đại Đức Tăng
Nghe Phật diệt độ tôi theo đi
Như voi lớn đi voi con theo !*

Bảy giờ Tỳ Kheo hạ toạ đem y bát về nộp cho Tăng. Ngài A Nan đem ấy tư duy toạ thiền, kinh hành cho hết cái tàn lậu, ân cần cầu đạo. Vì Ngài trí huệ nhiều, định lại ít, nên không đắc đạo mau được, định trí mới có thể mau được ! Quá nửa đêm mỏi mệt, Ngài lại gối nằm nghỉ. Đầu chưa tới gối, hốt nhiên Ngài đại ngộ, như ánh sáng điện phụt ra, trong tối thấy đạo. Như thế Ngài A Nan vào định kim cương, phá tất cả núi phiền não, được ba minh, sáu thần thông và giải thoát, làm đại lực A la hán. Ngay đêm ấy, Ngài đến phòng Tăng gõ cửa, gọi. Ngài đại Ca Diếp hỏi :

Ai gõ cửa ?

Tôi là A Nan.

Ông đến đây làm chi ?

Đêm nay tôi đã sạch hết lậu hoặc.

Không mở cửa cho ông, nếu đắc đạo thì theo lối khoá cửa mà vào.

Có thể được.

Nói rồi liền dùng thần lực đi qua lối khoá cửa vào, lễ dưới chân chư Tăng, xin sám hối !

Ngài đại Ca Diếp không còn trách cứ gì nữa, lấy tay xoa đầu Ngài A Nan và nói : Tôi cố vì ông khiến cho ông đắc đạo, ông không hiềm hận chứ ? Tôi làm như thế để cho ông tự chứng. Ví như tay vẽ hư không, A la hán cũng thế, tâm không đắm nhiễm tất cả pháp. Mời ông về toà ngồi của ông.
(còn tiếp)

Khai Thị Nhân Ngày LỄ PHẬT ĐẢN

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong quá khứ đã :

*" Tam kỳ tu phước huệ
Bách kiếp chúng tướng hảo".*

Nghĩa là trong ba đại A Tăng Kỳ kiếp Ngài tu phước huệ, hàng trăm kiếp vun trồng tướng tốt. Ngài tu khổ hạnh, làm những việc khó ai làm được ; tu hạnh nhẫn nại, chịu đựng những chuyện người người đời khó nhẫn nại được. Vì chúng sinh mà Ngài phát tâm Bồ đề, tu nhất thiết trí, không tiếc thân mạng để giáo hoá chúng sinh. Kiếp này qua kiếp khác Ngài nhẫn khổ nại lao ; ăn những thứ mà người ta không muốn ăn, nhường nhịn những chuyện mà người ta không thể nhường nhịn. Cho nên Ngài mới thành Phật, chúng quả Bồ Đề. Phật không phải tu một ngày một đêm mà thành, Ngài phải tu ba A tăng kỳ kiếp, rồi sau đó thị hiện tám tướng thành đạo. Tám tướng thành đạo là gì ?

1. Tướng thứ nhất là từ cung trời Đâu Suất giáng sinh. Trời Đâu Suất là nơi Pháp Vương Tử chuẩn bị thành Phật (bổ xứ) trú ngụ.
2. Tướng thứ hai là trụ thai : Phật ở trong bào thai thì Ngài luôn chuyển pháp luân giáo hoá chúng sinh, vì tất cả chúng sinh có duyên mà Ngài thuyết pháp.
3. Tướng thứ ba là xuất thai : Phật ra khỏi thai là ngày mồng 8 tháng 4, sau khi ra khỏi thai thì

Ngài một tay chỉ trời một tay chỉ đất thốt ra : "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn" ! Nghĩa là : *Trên trời dưới nhân gian không ai tôn quý bằng ta.* Có phải chăng Phật hết sức cống cao ngã mạn ? Tôi không phải là luật sư biện hộ cho Phật, nhưng Phật đích thật là người xứng đáng được danh hiệu như vậy. Mới sinh ra mà nói như vậy là Ngài muốn giới thiệu cho chúng sinh hiểu đạo. Ngày Phật ra đời có chín con rồng phun nước tắm

cho Ngài ; lớn lên ở trong cung, Ngài học đủ pháp thế gian. Tất cả những kỹ năng của người đời Ngài đều học qua. Nói là học nhưng thật ra Ngài thông đạt vô ngại. Một hôm Ngài đi dạo chơi bốn cửa thành thì thấy cảnh sinh, già, bệnh, chết, nên ý thức được đời người toàn là khổ đau, trải qua sinh trụ dị diệt, cũng là thành trụ hoại không. Nhận thấy rằng khổ sinh già bệnh chết là đây đây phiền não, đời người chẳng có ý nghĩa gì, nên Ngài mới xả bỏ địa vị phú quý mà ra đi ; đó là một trong tám tướng. Phật tu hạnh đầu đà có thể nói là giỏi bậc nhất. Khi ở núi Tuyết Sơn thì mỗi ngày Ngài dụng công tu hành, chỉ ăn một hạt mè để duy trì mạng sống, chẳng hề uống vitamine A, B, C gì cả. Sau đó Ngài thọ bát sữa dê do một cô gái cúng dường rồi tới gốc Bồ đề mà tĩnh tọa và phát nguyện rằng : "Nếu ta không chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác thì nhất định không đứng dậy". Liên đó Ngài ngồi trong 49 ngày. Cơ duyên thành thực, nửa đêm Ngài nhìn thấy sao mai rồi ngộ đạo, hốt nhiên chứng đắc trạng thái không sinh không diệt, không tăng không giảm, không dư không sạch ; bản thể vốn thanh tịnh, chân tâm sáng tỏ.

Là đệ tử của Phật ở thời mạt pháp này, chúng ta cần phải làm người Phật tử chân chính. Phải biết rằng Phật, các Tổ Sư trong quá khứ tu hành không phải dễ dàng. Bây giờ mình mỗi ngày tuy không phải ăn một hạt mè, song chỉ cần đừng ham vitamine, ham bổ dưỡng là được. Thân này là bọc thịt hôi thối do bốn đại giả hợp, chẳng quý báu gì ; bây giờ mình vì cái túi da hôi hám này mà làm trâu làm ngựa, làm nô lệ ! Không biết mình làm nô lệ như vậy bao lâu rồi, không biết tạo ra bao nhiêu nghiệp ác rồi mà bây giờ cũng chưa chịu nhìn cho thông suốt, buông bỏ nó, vẫn tiếp tục làm trâu làm ngựa, thật là chẳng có giá trị gì cả. Cho nên mình phải quay về cội nguyên thủy của mình. Học Phật tu hành để biết rõ đời người là thống khổ, rồi chúng quả thành Phật, đó mới chính thật là chân lý. Nên hôm nay, nhân ngày Phật Đản, chúng ta phải y theo lời Phật dạy, lấy thân Phật làm

thân mình, lấy hành vi Phật làm hành vi của mình, lấy tâm Phật làm tâm của mình, lấy nguyện Phật làm nguyện của mình, lấy chí của Phật làm chí của mình. Phải nhẫn nại, học hỏi tinh thần không sợ gian nan khổ cực. Được như vậy thì ai cũng sẽ thành Phật, đạt ngộ liễu sinh thoát tử.

Vì cầu Nhất Thiết Trí nên Phật không tiếc thân mạng, phát khởi tinh thần dũng mãnh tu hành. Bây giờ mình không chịu được cực nhọc thì làm sao mà thành Phật được ? Khi đã xuất gia lại không chân chính tu hành thì thật là cô phụ tấm lòng của chư Phật, chư Bồ Tát và các Tổ Sư. Nếu một ngày mà lòng tham không trừ, lòng tranh không dẹp, lòng cầu danh lợi chẳng phá bỏ, lòng ích kỷ tự lợi cứ tăng trưởng, thì còn mặt mũi nào đối diện với Phật, với tổ tiên được ? Đừng nên nghĩ tới thân mình, mà phải vì kẻ khác. Phải tinh tấn tu hành, đừng uổng phí thì giờ. Con quý vô thường không biết chừng nào lại, khi nó tới thì dù mình muốn sống thêm vài ngày cũng chẳng được, do đó :

*"Đừng chờ đến già mới học đạo
Mồ hoàng đầy dẫy bọn trẻ măng".*

Ở đời, sinh rồi chết, chết rồi sinh ; nếu sống không xứng đáng thì chết làm súc sinh. Khi thân này đã mất thì vạn kiếp khó được lại. Do đó đừng tự lừa dối mình, làm ông luật sư để tự biện hộ. Cứ nghĩ rằng chẳng cần tu hành, có ngày Phật sẽ giúp mình thành Phật ! Ngay như Tôn Giả A Nan là em của Phật, song Phật cũng không thể ban bố Tam Muội cho Ngài A Nan, mà chính Ngài phải tự nỗ lực tu hành. Vì thế, các vị tới Vạn Phật Thành (nơi

thi tuyển để thành Phật), các vị phải học cho giỏi, đến lúc làm bài thi thì mới có thể đậu được. Đừng chờ tới khi thi rớt, lúc đó hối hận thì đã quá muộn màng.

PHÁP GIỚI CỦA LOÀI NGƯỜI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Nhân đạo hòa hợp
Công tội tương gian
Đức thắng nghiệt đọa
Khởi hữu tha yên.

Tạm dịch :

*Con người hòa hợp
Phước tội lẫn lộn
Đức thắng nghiệt đọa
Do mình làm nên.*

Đường A tu la nguy hiểm như thế, vậy loài người thì sao ? Người cũng có thiện, cũng có ác, cho nên nói : "Con người hòa hợp, phước tội lẫn lộn ; đức thắng nghiệt đọa, do mình làm nên". Con người tính tình ôn hòa, đều hòa hợp với mọi người, cho nên nói : "Con người hòa hợp".

Được làm người cũng chẳng phải hoàn toàn thiện, cũng chẳng phải hoàn toàn ác. Hoàn toàn thiện thì được thăng lên trời, hoàn toàn ác thì đọa làm súc sinh, ngựa quý, địa ngục. Cho nên con người vừa có chút công vừa có chút tội, hoặc là công nhiều tội ít, hoặc là tội nhiều công ít. Công nhiều tội ít thì sinh vào gia đình giàu có, công ít tội nhiều thì sinh vào gia đình nghèo khổ.

"Công tội lẫn lộn" vừa có chút công vừa có chút tội, chẳng phải thuần âm cũng chẳng phải thuần dương. Thuần âm thì sẽ biến thành quý, không được làm người, thuần dương thì thăng lên trời, không được làm người. Cho nên chúng ta làm người vừa có thể lên trời lại có thể đọa địa ngục.

Chùa Kim Quang có phát hành các băng sau đây :

Do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải.

Chú Đại Bi giảng giải 3 băng. Mười Pháp Giới 2 băng. Pháp Ngữ 4 băng. Khai Thị 1, 2, và 3 mỗi bộ 5 băng. Kinh A Di Đà giảng giải 4 băng.

Ngoài ra còn có các băng : Kinh Hiền Ngu trọn bộ 10 băng. Chuyện Cổ Tích Phật Giáo 10 băng. Phật Pháp 1, 2, 3, 4, 5, 6, mỗi thứ 2 băng. Thi Kệ Kinh Pháp Cú (ngâm) 4 băng. Khoá Lễ Sáng và Khoá Lễ Chiều. CD Sự Tích Kinh Thủy Sám, CD Ông Trưởng Giả Kén Rể, CD Ân Tình Quê Mẹ, CD Bông Hồng Dâng Mẹ.

Ai muốn thỉnh băng và CD xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

"Đức thăng nghiệp đạo". Bạn làm công đức thiện thì thăng đi lên, nếu bạn tạo tội nghiệp thì đạo đi xuống.

"Do mình làm nên". Người khác chẳng kêu bạn đạo địa ngục, chẳng kêu bạn đạo ngục quỷ, chẳng kêu bạn biến làm súc sinh mà đều do bạn tự mình tạo, do đó "mình làm mình chịu".

CUỘC ĐỜI TÔN GIẢ XÁ LỢI PHÁT

Soạn Giả : Nyanaponika Thera
Dịch giả : Nguyễn Điều

Tiếp theo kỳ trước

Khi thanh niên Upatissa (Xá Lợi Phát) nghe hết hai câu kệ đầu tiên thì Upatissa đắc được pháp nhãn, chứng đạo Nhập Lưu (Sơ quả Tu Đà Hoàn) và lúc dứt hai câu kệ cuối cùng ông đã hoàn toàn lắng nghe với vẻ mặt của một người đang được giải thoát.

Khi ông đã trở thành một bậc nhập vào dòng Thánh nhân rồi, và trước khi đạt được những quả vị cao hơn, ông đã cảm nhận rằng : "Ánh sáng cùng ý nghĩa của sự giác ngộ đã tìm thấy nơi đây rồi". Và ông cung kính nói với Trưởng Lão : Xin Ngài khỏi giải rộng thêm về Pháp Bảo này nữa.

Như thế đó là đủ tất cả. Upatissa xin quy y đấng Thế Tôn và Trưởng lão.

Nhưng thưa Ngài. Hiện nay vị thầy của chúng ta đang ở đâu ?

Này kẻ tầm đạo !

Ngài đang ở trong Trúc Lâm tịnh xá.

Bạch Đại Đức ! Thỉnh Đại Đức đi trước. Tôi có một người bạn và chúng tôi đã hẹn ước với nhau rằng : "Nếu ai tìm được đạo bất tử trước tiên sẽ chỉ dạy cho người kia. Vậy tôi phải đi thông báo cho người bạn tôi biết, rồi chúng tôi sẽ cùng theo con đường Ngài đã đi để đến ra mắt đấng Thiên Nhơn Sư".

Đoạn Upatissa cung kính mọp xuống tận bàn chân của Trưởng Lão, lễ bái và từ giả Ngài để trở lại nơi cư ngụ của những đạo sĩ du phương.

Kolita (Mục Kiền Liên) trông thấy bạn mình tiến lại gần và thầm nghĩ : "Hôm nay nét mặt của bạn ta hoàn toàn thay đổi, chắc hẳn anh ấy đã tìm ra con đường thoát tử ?"

Và khi ông hỏi bạn về chuyện ấy thì Upatissa đáp : Vâng, thưa bạn ! Tôi đã tìm ra đạo bất tử.

Rồi ông đọc thuộc lòng cho bạn mình nghe bài kệ mà ông đã nghe. Khi kệ ngâm xong thì Kolita liền đắc quả Nhập Lưu (Sơ quả Tu Đà Hoàn) và liền hỏi : Bạn than mến ! Hiện đấng Thượng Sư ngụ ở đâu ?

Thầy của tôi, Đức Trưởng Lão Assaji đã cho tôi biết rằng Đấng Thượng Sư đang ở tại Tịnh Xá Trúc Lâm.

(còn tiếp)

THU THẬP NHÂN TÂM

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Chúng ta ngồi thiền phải hiểu tại sao phải ngồi thiền ? Thiền, cứu kính là gì ? Thiền là "tư duy tu", "tĩnh lự". Vì bình thường chúng ta không nghĩ tu hành, bị sáu căn, sáu trần, sáu thức mê hoặc, do đó mà quên tu. Hiện nay ngồi thiền là muốn quay trở lại bên trong, không tìm kiếm bên ngoài, phải thu thập sạch sẽ bên trong tức là thu thập cường tâm dã tính, tạp niệm tư dục, đây là những thứ chướng ngại sự tu hành của chúng ta. Giả như có người cường vọng tự đại, vô duyên với người khác, hoặc chỉ nghĩ phát tài, nghĩ hưởng thụ, ích kỷ lợi mình, nói láo, hướng ngoại truy cầu, tham lam, tranh giành... Đây đều là cường tâm. Nếu ngồi một phen, quay trở lại bên trong, chiếu thấu thất tình, lục dục, sáu căn và sáu trần. Thì tại chỗ này phải suy nghĩ, tôi hằng ngày hướng ngoại truy cầu chẳng ? Hay là cầu tại nơi mình ? Phải soi gương tự tính, tức là đại viên cảnh trí. Đại viên cảnh trí này vốn thông thiên triệt địa, nhưng tạm thời bị cảnh căn trần che lấp. Cho nên Thần Tú Đại Sư mới nói :

*"Thân như cây bồ đề,
Tâm như đài sáng chói,
Thời thời thường lau chùi,
Đừng để dính bụi bặm".*

Cây bồ đề tức dụ cho giác ngộ. Đài sáng chói là chỉ đại viên cảnh trí, phải luôn luôn thu thập sạch sẽ, đừng để dính bụi bặm. Đại viên cảnh trí vốn không có chỗ nào mà chẳng biết, không có chỗ nào mà chẳng giác, không có chỗ nào mà chẳng thấy ; hiện nay bị sáu căn, sáu trần và giữa căn

trần sinh ra sáu thức cảm dõ. Cho nên phan duyên theo đuổi bên ngoài, không biết hồi quang phản chiếu. Tư duy tu tức là quay trở lại bên trong, cầu nơi chính mình, không phải mỗi ngày mong thăng quan phát tài, công danh lợi lộc ... Có người hỏi : "Như vậy làm người có ý nghĩa gì ?" Bạn

nghĩ bạn làm người rất có ý nghĩa chăng ? Việc của bạn làm, thật có giá trị chăng ? Thật có giúp đỡ gì đối với trí tuệ của bạn chăng ? Cũng chẳng thấy được.

Nếu có thể thu thập đại viên cảnh trí, tức chiếu thiên chiếu địa, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, lại cũng không ngu si phiền não, như vậy không tốt chăng ! Như lúc sống nhất mình trong địa ngục như thế có tốt chăng ? Tu hành là vì đoạn phiền não. Hiện tại phiền não của bạn đầy đầy, mỗi ngày xem nó như thức ăn, nếu một ngày không ăn phiền não thì cảm thấy không thể sống được. Đời sống như vậy có giá trị gì ?

Do đó ! Tham thiền thì phải chế tâm một chỗ, lại không ưu sầu phiền não, thì dù cho động đất, đạn nguyên tử bùng nổ cũng tùy chúng mà mọi sự đều chuyển thành tốt. Không cần phải lo. Đây không phải là không lo việc đời ? Bạn thật có thể lo được chăng ? Không cần nói bạn là người dân bình thường, mà các nguyên thủ các nước, có thể lo được chăng, có thể khiến mọi người không phiền não chăng ? Lãnh tụ của liên hiệp quốc có thể quản lý tâm của mọi người chăng ? Không cần nói họ không quản lý được người khác, mà tâm của chính họ, họ quản lý cũng không được. Nếu bạn thật không có phiền não, thì có thể khiến cho người đời bình an, mới xứng đáng làm lãnh tụ của thế giới. Tức nhiên trước mắt bạn làm không được, thì phải từ thân của mình mà giữ, khiến cho mình đừng tranh, đừng tham, đừng cầu cạnh, đừng ích kỷ, đừng tự lợi, đừng nói dối. Như vậy tức không thể chế tạo thêm nhiều độc khí lại làm ô nhiễm hoàn cảnh, phản mà có thể bị chánh khí trời đất không đủ tiêu diệt độc khí trên thế giới ư vô hình.

Ngồi thiền là vì trừ tật bệnh, khử tham sân, nhưng bạn lại muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở sang, lại còn muốn thành Phật, nói thẳng ra đó là phát

cường ! Có người nói : "Hòa Thượng khi thuyết pháp thì chưởi người !" Tôi không phải chưởi người, mà là chưởi quý, vì trong bụng của bạn có quý, mới khiến cho thân bạn không an vui. Quý không vui về thì kêu bạn đừng ngồi thiền ! Tóm lại, chúng ta có thể mượn cơ hội tốt này, từ từ thu thập lại đại viên cảnh trí. Bạn nói : "Tôi không thể thu thập...". Bạn không thể thì phải học nhẫn nại một chút, chống cự một chút khi bị chưởi. Từ từ sẽ học thu thập như thế nào.

Khi vị duy na đánh khánh khai tĩnh rồi thì mọi người có thể từ từ duỗi chân ra, hoạt động cho máu huyết lưu thông, phải từ từ, đừng làm ồn ào. Đây tuy nhiên là việc nhỏ, nhưng phải dè dặt mới có thể học điều thân và điều tâm. Chân chánh ở trong thiền đường, bất cứ ngồi bao nhiêu người, cũng không thể có sự rầm rì, mọi người đều phải chuyên tâm chiếu cứ thoại đầu, từ từ dụng công.

Làm Thế Nào Cứu Văn Kiếp Vận ?

H.T Tuyên Hoá giảng
ngày 23/10/89 tại Đài Loan Phật giáo Tân Văn

*"Hết thầy pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt ảnh
Như sương cũng như điện
Hãy quán chiếu như thế".*

Hết thầy pháp hữu vi tức là hết thầy pháp có sở tác vi, có biểu hiện, có hình tướng, tức cũng là pháp thế gian. Hết thầy pháp thế gian đều gọi là pháp hữu vi. Pháp vô vi không phải như mộng, huyễn, bọt, ảnh, cũng chẳng phải như điện, như sương. Pháp hữu vi thì không cứu kính, không triệt để, là vô thường nhưng pháp vô vi thì không khởi diệt, không bắt đầu cũng không kết thúc, không hình, không tướng, pháp không thể biểu hiện. Pháp vô vi có nhiều loại. Đây là nói vô vi mà vô bất vi, đại tạo đại hóa, thứ pháp vô vi này không để gì tu hành, cũng không để thấu hiểu được.

Người phần đông đều chấp trước pháp hữu vi, cho nên từ sáng đến tối truy cầu danh lợi, trôi nổi trong biển nghiệp, một khi không cẩn thận thì bị biển nghiệp, gió nghiệp thổi không để lại hình ảnh dấu vết mà không biết đọa lạc vào loài nào. Nhân loại trên thế gian rất nhiều, nhưng loại súc sinh cũng không ít, địa ngục, ngạ quỷ cũng lắm. Cho nên trong nhân đạo không để gì mà đứng vững được. Vì biển nghiệp trôi nổi phiêu bạt, khiến cho chúng ta đầu não hôn mê, không phân biệt được đông tây nam bắc. Hiện tại thời kỳ chúng ta là thời đại mạt pháp. Cho nên "mạt pháp" tức là pháp sớm sẽ không còn nữa, đã đến đoạn cuối mà ai ai cũng quên mất pháp gốc, kết quả càng truy tầm không được chân lý, tìm không được chân lý thì nghĩ muốn quơ lấy một thứ đồ, quơ lấy đồ giả đó là pháp hữu vi, mà không biết căn bản pháp vô vi, cho đến danh từ cũng quên luôn, cho nên thành mạt pháp.

Không chỉ Phật giáo là mạt pháp mà các tôn giáo khác cũng đi trên con đường mạt pháp. Thiên Chúa giáo từ năm 1963 có rất nhiều người truyền giáo đều không giữ quy cụ. Tu nữ thần phụ, Mục sư cũng đều biến thái. Phật giáo cũng như thế, đều chuyển theo thời đại. Một khi chuyển thì chuyển đến thời đại mạt pháp. Cho nên tôi thường nói thế giới đến thời kỳ mạt pháp, hết thầy nhân sĩ các tôn giáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, mà giáo dục xã hội ngày nay cũng đi trên con đường này, không giống như trước, từ người giáo dục vì giáo dục mà giáo dục, muốn tạo thành những người hữu ích cho thế giới. Thời xưa những vị học giả luôn quan tâm lo lắng vì nghiên cứu học vấn mà bạc đầu, không nghĩ làm sao để nổi danh trong xã hội, làm người học giả hoặc nhà giáo dục có danh vọng, họ hoàn toàn không có nghĩ như thế. Họ nghiên cứu làm thế nào để tạo đồng lương nhân tài, di phong dịch tục, cải tạo thế giới. Đây là tác phong và tinh thần của các vị học giả thời xưa. Học giả và thầy giáo bây giờ dạy học sinh làm thế nào để được danh vọng, lợi ích. Thời xưa học giả là vì minh lý tức là "Cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Dùng tám hạng mục này khiến học sinh tài bồi giáo dục tư tưởng chánh đáng, có

phẩm đức cao đẹp, nhưng học giả và thầy giáo bây giờ cổ động người uống thuốc mê huyền, cổ động học sinh uống thuốc ngừa thai, không hiểu thuận cha mẹ, tạo ra những thành phần xấu xa của xã hội. Xã hội một ngày không như một ngày, cho nên các vị thầy giáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Hiện tại trên truyền hình chiếu những tiết mục đều khiến cho người điên đảo, theo chiều hướng hạ lưu, từ đây nhìn lại tâm người không như xưa, quên mất đạo đức luân lý, đó là có nhân duyên. Thanh thiếu niên chân đứng không vững, không có định lực, đây chẳng phải là một nhân tố tạo thành, mà là do nhiều nhân tố tạo thành. Việc này thật là đáng thương xót. Cho nên phàm là tông giáo, giáo dục nhân sĩ phải sớm cải biến tư tưởng và hành vi, như thế thì tạo kiếp thế giới cũng có cơ hội văn minh, nếu dĩ vãng trường cửu mà không cải thiện thì ngày cuối của thế giới sớm sẽ lai lâm.

Như vậy có phương pháp cứu văn chăng ? Có ! Vì hết thảy đều do tâm của con người chuyển hoá. Tâm của con người mà tốt thì thế giới sẽ tốt, tâm của con người mà xấu thì thế giới sẽ xấu, ngày cuối sẽ đến. Nếu muốn đừng có mạt pháp, ngày cuối lai lâm thì mọi người phải đả khởi tinh thần từ việc cứu người trong cuồng phong bạo vũ, không phải bảo bạn xả bỏ thân mạng của bạn đi cứu người mà làm cho cuồng phong bạo vũ ngừng lại. Các vị nhìn xem ! Các nơi đều có thiên tai nhân họa, thủy tai, phong tai, hỏa tai, chiến tranh

.v.v. Vì những tai nạn mà khiến cho vô số người chết. Những tai nạn nhỏ như tai nạn máy bay, xe lửa, xe hơi v...v... cũng không biết bao nhiêu người chết. Những tai nạn như thế phát sinh, đều là từ tâm con người tạo thành, nhưng mỗi người đều chưa giác ngộ, không nhận trách nhiệm mà đẩy lỗi sang người khác, chẳng một ai hồi quang phản chiếu nói : "Thế giới không tốt, là do tôi không tốt", không có ai nghĩ như thế, cho nên thế giới càng ngày càng tồi tệ, một ngày không như một ngày.

May thay có một biện pháp có thể cải biến, không những không phí sức, lại không tốn tiền, đó là tất cả mọi người trên thế giới đừng ăn thịt, nên ăn chay, không sát sinh mà phóng sinh, như vậy thì các tai nạn trên thế giới sẽ tiêu diệt u vô hình, cho nên việc ăn chay rất quan trọng. Các tai nạn xảy ra đều do sát sinh mà kết thành oán khí, đầy khắp vũ trụ mới hình thành, đủ thứ tai nạn. Nếu ai ai cũng đừng sát sinh, hãy phóng sinh, không ăn thịt thì tư tưởng bạo lực của con người sẽ tiêu diệt. Tại sao người lại táo bạo, nóng giận ? Đều vì ăn thịt. Ăn thịt sẽ tăng thêm dục niệm, khiến người sân hận, không có tâm từ bi. Cho nên muốn thế giới không có tai nạn thì phải sớm giữ giới sát sinh, hãy phóng sinh, không ăn thịt chúng sinh để văn minh tạo kiếp sẽ lai lâm.

SÁU CON ĐƯỜNG VÀO CỬA PHẬT

H.T Tuyên Hoá giảng ngày 23/8/1987
tại Giáo Hội Đại Học Thánh Hà Tây Mỹ Quốc

Các vị thiện tri thức ! Mọi người tụ hội tại Giảng Đường này, đối với Phật giáo nhất định có hứng thú. Người có hứng thú, đối với Phật pháp nhất định có sở liễu giải. Nhưng còn có một vài bước đầu vào cửa.

Vì tình hình như vậy, tôi giảng Phật pháp rất nông cạn. Tuy nhiên nông cạn, nếu bạn chân thật hành thì rất cao thâm khó dò được. Nhưng tôi trước phải nói thẳng với các vị, vì những gì tôi nói ra sẽ có chỗ người không cao hứng. Để các vị có tâm lý chuẩn bị. Chỗ đoán xứ của tôi là gì ? Là khi thuyết giảng, người người không muốn nghe. Tuy nhiên người không muốn nghe, tôi vẫn cứ muốn nói, mọi người nếu không có tâm lý chuẩn bị, sợ đến lúc chịu không được thì phải chạy mất !

Tại sao những lời tôi nói, người không muốn nghe ? Vì ai ai cũng thích nghe lời hay ý đẹp. Nhưng tông chỉ của tôi là : "Người bỏ thì tôi giữ, người giữ tôi cũng vậy", không tranh với người. Do đó những lời người không muốn nói, thì tôi kiểm lại nói, những gì người muốn nói thì tôi để họ nói. Không biết bạn hoan hỉ hay không ? Đây là tông chỉ của tôi. Tôi nguyện đối trị mao bệnh của con người. Ai có mao bệnh gì tôi đều nói ra, mà phần đông không thích nghe những mao bệnh. Vậy cứu kính thì người người có mao bệnh gì ? Đó là bệnh ích kỷ, bệnh ích kỷ này toàn nhân loại đều phạm. Nếu người không có

tâm ích kỷ thì thế giới không có vấn đề gì hết, người người đều đại công vô tư, chí chánh bất phiến, vì mọi người mưu phước lợi. Nhưng bạn tìm trên thế gian này, loại người như thế có được bao nhiêu ? Lời tôi nói tuyệt đối chính xác, tuyệt đối không phải uốn nắn tạo tác, nhưng không có người thừa nhận.

Không những phạm mao bệnh ích kỷ, mà người người còn phạm mao bệnh tranh, tham, hưởng ngoại truy cầu, tự lợi và nói dối. Có người nói

:"Hòa Thượng, Ngài giảng những lời này tôi sớm đã hiểu rồi, nhưng tôi không tranh thì người khác tranh ; tôi không tham thì người khác tham ; cho đến tôi không nói dối thì người khác cũng nói dối. Sao Ngài kêu tôi và người từ bỏ ? Người người tức nhiên đều làm như thế, tôi cũng làm như thế với họ !" Tôi hỏi bạn : "Nếu như những người đó đều đi vào cầu tiêu, bạn cũng đi vào cầu tiêu với họ chăng ? Cho đến tương lai họ đều biến thành trùng phấn (trùng trong phân) bạn cũng muốn theo họ chăng ? Trên thế gian đều phạm những mao bệnh không ngoài tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối. Nhất là nói dối, người người đều cảm thấy thiên công địa đạo là tiền vốn của họ. Một ngày mà họ không nói dối thì cảm thấy ăn không ngon, ngủ không yên, nhất định phải làm cho được thì họ mới yên vui".

"Hòa Thượng ! Những lời Ngài nói hoàn toàn không hợp". Nếu như bạn đem lương tâm bạn ra, tâm công bình chánh trực để suy xét thì những lời của tôi là hợp với toàn thế giới nhất. Đề mục của chúng ta hôm nay là "Phật giáo nhập môn" (Vào cửa Phật). Từ chỗ nào mà vào ? Tức là từ sáu con đường ở trên. Người có sáu đường luân hồi. Nếu đi trên sáu con đường "Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối" này, thì nhất định sẽ đạt đến Bồ Đề. Đây là con đường thành Phật phải đi qua. Mỗi người muốn học Phật thì trước hết phải giảm bớt sáu tật bệnh này. Tôi không thể kêu bạn lập tức đừng tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối, nhưng bạn phải làm giảm bớt, ngày càng ít thì càng gần Phật. Nếu mỗi ngày càng tăng thì rời Phật càng ngày càng xa !

Tại sao tôi nói với các vị những lời như thế ? Vì từ khi tôi sinh ra thì đã đi trên con đường này. Đây là con đường dài dằng dặc, đến nay vẫn chưa đi hết. Cho nên tôi muốn bày ra, đem kinh nghiệm và tâm đắc của tôi nói với mọi người, tin hay không tin đều do bạn. Nhưng tôi cảm giác rất có nhân duyên với các bạn, tôi xem các bạn từ vô lượng kiếp đến nay đều là cha mẹ tổ tiên, chư Phật vị lai. Người nam là cha ta, người nữ là mẹ ta. Chúng ta có một phần tinh thần bất khai. Do đó tôi không thể không nói lời thật, không biết các bạn nghe hay không, đây là thiên thức của tôi, trách nhiệm của tôi.

Mọi người nắm vững sáu đại tông chỉ này thì trên con đường này lái xe cũng tốt, lái thuyền cũng tốt, đi máy bay cũng tốt, thậm chí đi bộ cũng tốt, mọi sự đều thuận lợi, cát tường như ý. Nhưng phải thêm dầu, thêm nhiên liệu. Trên thân của bạn đã có sẵn nguyên khoáng, không cần tìm kiếm bên ngoài. Nhiên liệu là cái gì ? Tức là đừng nóng giận, nếu không nóng giận thì trên sáu con đường này tơ hào không có tai nạn gì cả, đều bình an vô sự, bạn muốn đi đến đâu đều an toàn đạt được mục đích. Muốn đến Thiên đường, liền đến Thiên đường gặp Chúa Giê Su ; muốn đến Phật quốc, liền đến Phật quốc gặp Phật Di Đà, Phật Thích Ca Toại tâm sở nguyện mà không vượt ngoài khuôn phép. Tóm lại, bạn muốn đi trên sáu con đường này thì đầu tiên đừng có tâm sân hận.

"Hoà thượng, Ngài càng giảng càng không hợp lý !" Đừng khẩn cấp lắm, bạn nghe không hợp thì học từ từ sẽ hợp. Nếu không biết thế nào là không hợp, thì làm sao biết thế nào là hợp ? Thử nghĩ xem ! Trẻ con càng ngày càng lớn, cây non cũng càng ngày càng cao lớn. Từ chỗ không hiểu, từ từ học rồi sẽ hiểu.

Cho nên tuy nhiên nói sự hiểu biết của tôi không nhiều, nhưng cũng không ít !

Cái hiểu biết mà tôi hiểu là gì ? Tức là nhiều thiệt thòi, không lợi dụng người ta. Nếu bạn thật minh bạch rồi thì biết thiệt thòi tức là được lợi, được lợi tức là thiệt thòi. Có người hỏi một vị thiện tri thức rằng : "Ăn chay đáo để thì có lợi ích gì ? Không ăn chay đáo để thì bất lợi chỗ nào ?" Thiện tri thức đáp : "Bạn ăn chay là người sống thiệt thòi, người không ăn chay thì chết rồi thiệt thòi." Ý nghĩa như thế nào ? Ăn chay thì người sống thiệt

thòi, vì không thể tràn đầy sự thèm muốn đồ ngon vật lạ, không thể hưởng phước khẩu vị. Nhưng nếu không ăn chay, ăn rất nhiều thịt, chết rồi thì phải đến âm phủ tính sổ. Đến thời thì tính xem bạn một đời ăn bao nhiêu thịt heo ? Bao nhiêu thịt bò ? Bao nhiêu thịt gà ? Nếu trong thân thể rỉ ra nhiều thành phần thịt heo thì đầu thai làm heo ; nếu rỉ ra nhiều thành phần thịt bò thì đầu thai làm bò. Phải xem hăng xương của bạn là lỗ vốn ? Hay là lời ? Nếu lỗ vốn thì đầu thai làm heo, làm dê, làm bò, đi trả nợ. Nếu lời, vì lúc còn sống thì bạn không ăn thịt chúng sinh, nên không mắc nợ chúng, chết rồi thì không có liên quan gì với chúng.

"Hoà thượng, những lời Ngài nói khiến tôi không vui vẻ !" Tôi nói những lời thật, cho nên bạn không vui, vậy thì bạn có thể đi nghe những lời giả dối. Bây giờ bạn không muốn nghe. Đợi tương lai chết rồi mới ăn năn, sao sớm không nghe tôi khuyên, nhưng đã quá muộn màng !

Bằng lương tâm của tôi nói lời thật với các bạn, mọi người đừng nên tham ngon miệng, tham hưởng thụ, chết rồi thì sẽ không bị lừa.

"Bất cứ bạn nói gì, tôi cũng không thể đảm đang cho bạn !" Vậy thì tốt, bạn tự lo liệu, cũng không sai ! Chân lý thì ai ai cũng không dễ gì tin. Vì con người u mê quá sâu nặng. Không ai muốn tin, cũng không muốn nghe. Bất quá thì pháp như thế. Nếu ai ai cũng tin chân lý thì mọi người sớm đã thành Phật rồi, không thể có nhiều chúng sinh như thế.

Bây giờ thì nói về ý nghĩa chữ nhục (thịt). Có bài kệ rằng :

*"Trong chữ thịt có hai người,
Người bên trong chiếu người bên ngoài,
Chúng sinh lại ăn thịt chúng sinh,
Nghĩ kỹ thì người ăn người".*

"Trong chữ thịt có hai người". Một người ở trong bụng (người bị ăn, đời nay làm súc sinh, thịt bị người nuốt vào bụng) ; một người ở bên ngoài, thực ra chữ thịt vốn là từ chữ khẩu mà ra, nhìn xem người này ra hay là vào ? Có người nghe tôi nói như thế, cho rằng kỳ diệu. Đương nhiên ! Nếu như hiểu rõ kỳ diệu thì không thể trôi nổi trong biển nghiệp.

"Người bên trong chiếu người bên ngoài". Một người đang ăn thịt thì cảm giác quá ngon, còn

người bị ăn thì cảm giác quá khổ. Người ăn thịt và người bị ăn chẳng ai biết ai. Cho nên người ăn thịt cảm giác thịt rất thơm ngon. Người bị ăn thì cảm giác đau khổ vô cùng. Đây là đạo lý mạnh hiếp yếu. Miếng thịt bị bạn nuốt vào bụng, chỉ tiếc rằng linh hồn không còn nữa. Không thể chạy được, nếu không, nó nhất định sẽ chạy ra khỏi miệng của bạn.

"Chúng sinh lại ăn thịt chúng sinh". Kẻ mạnh thì ăn kẻ yếu. Tạm thời không nói đến vấn đề ăn thiếu hay không ăn thiếu. Mọi người nghĩ xem, chúng ta đều thương mạng sống, tại sao lại muốn đoạt mạng kẻ khác để duy trì mạng sống của mình ? Có người nói "Vật dưỡng nhơn, con vật sinh ra để cho chúng ta ăn". Vậy cũng có thể nói ngược lại "Nhơn dưỡng vật". Con người cũng có thể làm môi cho loài thú. Ví như sài lang, hổ báo gặp ta và cũng muốn ăn thịt chúng ta ? Thì các bạn nghĩ sao ?

"Suy nghĩ kỹ thì người ăn người". Tôi cho các bạn ăn thịt tôi, mọi người có thể ăn, nhưng bạn không dám ăn. Vì sao ? Vì tôi không phải heo, không phải bò, cũng không phải gà, mà là người. Nếu mọi người cho tôi ăn thịt các vị tôi cũng không muốn ăn, vì mọi người cũng là người, cho nên không thể hổ tương cắn nuốt. Khi nào cái đầu đổi mặt, không nhận ra thì mới ăn. Tục ngữ có câu : "*Những gì mình không muốn thì đừng cho người khác*". Hiện nay, người lại nói rằng : "Những gì mình không muốn hãy thí cho người khác". Cho nên họ đi ăn thịt mà lương tâm không hổ thẹn. Tôi hỏi mọi người : Bạn ăn hay không ăn tôi ? Mọi người không muốn ăn, vì tôi là người. Nếu không phải người, thì hổ tương ăn với nhau cũng không biết chùng. Vì tôi không muốn người ăn tôi thì tôi nhất định không ăn người. Tôi không muốn người ăn tôi nhưng tôi ăn người, bạn nói như vậy có đạo lý chăng ?

Mọi người nghe rồi hãy phân tích xem, phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi ; thiện thì theo, không thiện thì sửa, nếu cảm thấy vô dụng thì hãy quên đi ; nếu cảm thấy hữu dụng thì vĩnh viễn đừng quên những lời nói trên.

HÀNH HƯƠNG CHIÊM BÁI

"TỨ ĐẠI DANH SƠN" TRUNG QUỐC

Từ ngày 30/09 đến 25/10/2002

Trung Quốc là Thánh địa Phật Giáo đứng thứ hai trên thế giới sau Ấn Độ. Là nước đông tín đồ Phật giáo nhất thế giới, và cũng là nước Phật Giáo được truyền vào đây rất sớm, được các vua chúa thời đó rất hâm mộ Phật Giáo, cho nên rất nhiều Chùa to Phật lớn, đặc biệt nhất là *Tứ Đại Danh Sơn*, cũng là bốn Đại Đạo Tràng của Bốn Vị Đại Bồ Tát (Bồ Tát Văn Thù ở núi Ngũ Đài, B.T Phổ Hiền ở núi Nga Mi, B.T Địa Tạng ở núi Cửu Hoa, và B.T Quán Âm ở núi Phổ Đà), thành lập ở bốn ngọn núi, để tuyên dương Phật Pháp phổ độ chúng sinh. Trải qua nhiều thế hệ, độ không biết bao nhiêu chúng sinh hữu tình trở về với Phật giáo. Năm nay Chùa Kim Quang tổ chức hành hương chiêm bái.

Chương Trình Hành Hương :

Ngày 30/09/02 : Bay thẳng đến Bắc Kinh.

Ngày 01 : Đến Bắc Kinh. Tham quan quảng trường Thiên An Môn (quảng trường lớn nhất của thế giới), Cố Cung (hoàng cung trải qua 24 đời hoàng đế của Trung Quốc), Thiên Đàm. Tối nghỉ lại khách sạn Thiên Đàm ba sao.

Ngày 02 : Tham quan Vạn Lý Trường Thành, Định Lăng (Lăng mộ của vua nhà Minh). Tối lấy xe lửa đi Đại Đồng.

Ngày 03 : Đến Đại Đồng. Tham quan thắng cảnh ở đây, Di Hoà Viên, Sườn núi Lưu Ly. Tối nghỉ lại khách sạn Vân Phong ba sao.

Ngày 04 : Tham bái Phong Thạch Quật (Có khoảng 10.000 cái động đá, mỗi động có một tượng Phật lớn nhỏ đủ cỡ), Cửu Long Bích (bức tường có chạm trổ chín con rồng), Hoa Nghiêm Tự. Tối nghỉ lại khách sạn Vân Phong.

Ngày 05 : Từ Đại Đồng đến Hàng Sơn Tứ Không Tự, đến Ngũ Đài Sơn. Tối nghỉ lại khách sạn Hữu Nghị.

Ngày 06 : Tham bái các Chùa ở núi Ngũ Đài. Tối nghỉ lại khách sạn Hữu Nghị.

Ngày 07 : Từ núi Ngũ Đài lấy tàu lửa đến Thái Nguyên (khoảng 5 tiếng) và từ Thái Nguyên đến Tây An.

Ngày 08 : Đến Tây An. Tham quan thắng cảnh ở đây, Tượng binh mã bằng gỗ, Hồ Hoa Thanh, Tháp Đại Ung, Bia Lâm. Tối nghỉ lại khách sạn Tây Kỳ bốn sao.

Ngày 09 : Từ Tây An đến Hoa Sơn. Tham quan các Chùa và thắng cảnh ở Hoa Sơn. Tối nghỉ lại khách sạn Kim Dung ba sao.

Ngày 10 : Từ Hoa Sơn/Tây An đến Thành Đô bằng xe lửa.

Ngày 11 : Đến Thành Đô. Tham quan thắng cảnh ở đây. Tối nghỉ lại khách sạn An Dung ba sao.

Ngày 12 : Từ Thành Đô đến Lệ Sơn, Nga Mi Sơn. Tham bái Lệ Sơn Đại Phật (tượng Phật khổng lồ khắc trong núi). Tối nghỉ ở khách sạn Nga Mi Sơn ba sao.

Ngày 13 : Tham bái núi Nga Mi, Vạn Niên Tự, Kim Đỉnh.

Ngày 14 : Từ núi Nga Mi đến Thành Đô bằng xe, rồi lấy máy bay đến Nam Kinh. Tối nghỉ lại khách sạn Nam Kinh ba sao.

Ngày 15 : Tại Nam Kinh tham quan Lăng Trung Sơn, Cầu Trường Giang, Miếu Phu Tử, Thị Trường Hoa Điếu và các thắng cảnh ở đây. Tối nghỉ lại khách sạn Nam Kinh.

Ngày 16 : Từ Nam Kinh đến Cửu Hoa Sơn bằng xe. Tối nghỉ lại khách sạn Đông Nhai ba sao.

Ngày 17 : Tham bái núi Cửu Hoa, Chùa Hoá Thành, Thiên Thai, Cung Bách Nham. Tối nghỉ lại khách sạn Đông Nhai.

Ngày 18 : Từ Cửu Hoa Sơn đến Hàng Châu bằng xe (9 tiếng). Tối nghỉ lại khách sạn Hoa Kiều ba sao.

Ngày 19 : Tại Hàng Châu tham quan Tây Hồ, Chùa Linh Ẩn, Miếu Nhạc Phi, Công Viên Hoa Cánh.

Ngày 20 : Từ Hàng Châu đi Ninh Ba (bằng xe khoảng 2 tiếng rưỡi), đến Phổ Đà Sơn (thuyền nhanh 2 tiếng). Tham bái Núi Phổ Đà và các Chùa ở đây, Tử Trúc Lâm, Chùa Pháp Vũ. Tối nghỉ lại khách sạn Phổ Đà Sơn.

Ngày 21 : Lễ bái, tụng niệm, thiền tọa ở núi Phổ Đà.

Ngày 22 : Từ núi Phổ Đà đến Thượng Hải (bằng thuyền nhanh). Tại Thượng Hải đi tham quan Chùa Ngọc Phật và thắng cảnh ở đây. Tối nghỉ lại khách sạn Viên Lâm ba sao.

Ngày 23 : Tự do sắm quà.

Ngày 24 : Nghỉ ngơi, ra phi trường trở lại Paris.

Ngày 25 : Đến Paris.

Giá vé khứ hồi Paris-Trung Quốc, chi phí cho chuyến đi kể cả xin Visa (photocopie hộ chiếu vài trang đầu với 2 tấm hình gửi về Chùa để xin visa), bảo hiểm chuyến đi, thuế phi trường, và ăn ở di chuyển là 2820 Euros (18.500FF). Ai đi hành hương chiêm bái xin liên lạc về Chùa, ghi tên xin đóng trước đặc chỗ 20% khoảng 564 Euros, hai tháng sau xin đóng tiếp 50% (1410 Euros), và một tháng trước khi đi đóng 30% (846 Euros) còn lại.

Lưu ý : Ngân phiếu cho cuộc hành hương chiêm bái xin ghi NGUYEN THANH.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Le Roi de Kalinga qui était une incarnation antérieure d'Ajnatakaundinya s'en allait un jour dans les montagnes à la chasse des grands fauves emmenant avec lui des concubines. Il les avait enfermées dans un palais, comme dans une prison pendant plusieurs années. Aujourd'hui, « voyant le ciel pour la première fois » elles folâtraient dans les montagnes, jouissant du beau cadre. Tout à coup, elles aperçurent une personne assise dans une grotte. Son corps était couvert de poussière et ses cheveux emmêlés formaient un gros chignon. Les concubines n'osaient pas s'approcher de lui. Au début, elles croyaient qu'il était un monstre, mais après elles s'aperçurent qu'il était simplement une personne étrange.

Etant un pratiquant de la causalité, le Bouddha Sakyamuni pratiquait comme ce « Patient Immortel » et voyait rarement quelqu'un. Lorsqu'il vit les concubines, il décida de les libérer. « N'ayez pas peur » dit-il. « Je ne vous mangerai pas. Je ne mange pas les gens. Je suis un être humain comme vous, en réalité. »

Les concubines lui demandèrent : « Que faites-vous ici ? Que mangez-vous et pourquoi vos habits sont-ils tous en lambeaux ? Pouvez-vous marcher ? Pourquoi restez-vous assis ici ? »

Pratiquant la causalité, le Bouddha Sakyamuni dit : « Je pratique la Voie. Je cultive exclusivement la patience.

Les concubines disent : « Qu'est-ce donc que la patience ? » Elles n'avaient aucune idée de ce qu'était la patience.

Le Patient Immortel dit : « La patience veut dire quelle que soit l'attitude des gens envers vous-même, vous ne vous emporterez pas. Faites simplement comme si rien n'était arrivé. Et alors il leur expliquait les méthodes de la pratique de la patience. Lorsqu'il parla, son enthousiasme grandit et les concubines qui n'avaient jamais entendu un Dharma aussi merveilleux, furent passionnées. Bientôt l'orateur et son auditoire

entraient dans le Samadhi et devenaient indifférents de leur environnement. Si on écoute

le Dharma avec un cœur sincère, on ne remarquera rien de ce qui se passe autour. Mais dans le cas contraire, le moindre bruit pourra détourner notre attention.

Le Patient Immortel et son public étaient complètement absorbés dans la pratique de la patience. Soudain survint le roi de Kalinga, se faufilant sur la scène, il vit que ses concubines étaient en train d'écouter attentivement le vieux pratiquant et il fut accablé de jalousie. « Que croyez-vous en train de faire ? Essayez-vous de séduire mes femmes ? » cria-t-il au pratiquant.

Le Patient Immortel leva la tête pour voir qui parlait ainsi et vit qu'il était en présence d'un empereur. Il dit alors : « Je leur enseigne la porte de la Doctrine de la patience »

« Oh! vraiment ? » dit le roi. « La patience, hein! Que voulez-vous dire exactement par là ? Etes-vous patient ? »

« Oui, je le suis » dit l'Immortel.

« Très bien » dit le roi. « Je vais mettre votre patience à l'épreuve. Si vous êtes patient, cela signifie que vous pouvez subir n'importe quel genre de douleur, n'est ce pas ? »

« Oui » dit le Bouddha.

« Bien, je vais trancher votre main avec mon épée et voir comment vous réagirez » dit le roi.

« Allez-y » dit le Bouddha Sakyamuni. Le roi tira son épée royale et d'un simple geste coupa la main du Bouddha Sakyamuni.

« Est-ce que cela vous fait mal ? » demanda le roi.

« Non » dit le Bouddha Sakyamuni.

« Etes-vous en colère ? » demanda le roi.

« Je ne suis pas en colère » dit le Bouddha.

« D'accord, je couperai l'autre main » et il coupa l'autre main. « Maintenant, souffrez-vous ? » demanda-t-il.

« Non, je ne souffre pas. » dit le Bouddha.

« Me détestez-vous ? » demanda le roi.

« Je ne vous hais pas » dit le Bouddha Sakyamuni. »

« Je ne vous crois pas ! Je pense que vous mentez » dit le roi. « Comment est-il possible que vous n'ayez pas de haine contre quelqu'un qui

avait coupé vos deux mains ? C'est impossible, je couperai votre jambe pour voir si cela vous pousse à ma détester, je saurai la vérité. » dit-il et il coupa la jambe du Bouddha Sakyamuni. Les gens ordinaires ne restaient pas aussi calmes comme si rien n'était arrivé.

« ça vous fait mal ? » demanda le roi.

« Non » dit le Bouddha Sakyamuni, « Ce n'est vraiment rien. »

« Ah, c'est rien, hein ? Me laissez-vous ? »

« Non, je ne vous déteste pas. »

« Bien alors, vous manquez deux mains et une jambe. L'autre jambe ne vous sert pas à grand chose, Oh ! le Patient qui ne connaît pas de douleur, alors nous couperons l'autre aussi. » Et il coupa l'autre jambe du Bouddha Sakyamuni. « Ca vous fait mal, n'est ce pas ? » dit le roi. « Vous avez perdu vos deux mains et vos deux jambes. Qu'allez-vous faire maintenant ? Dites la vérité ! Est-ce que ça vous fait mal ? Si vous dites la vérité, nous l'oublierons. Si vous ne dites pas la vérité. J'ai encore une autre épreuve à vous réserver. » Le Bouddha Sakyamuni dit : « ça ne me fait toujours pas mal. »

« Est-ce que vous me détestez ? »

« Non »

« C'est simplement parce que vous n'osez pas admettre que vous me détestez car je suis un roi. Même si ça vous fait mal, vous continuez à mentir, parce que vous n'osez pas dire la vérité. Juste ? » dit le roi.

« C'est faux, » dit le Bouddha Shakyamuni. « Et si je ne vous déteste vraiment pas, mes mains et mes pieds repousseront sur mon corps. Si je vous déteste, mes mains et mes jambes ne repousseront pas ! » Dès qu'il dit cela, ses mains et ses jambes repoussèrent immédiatement comme si elles n'étaient jamais désunies. Ensuite, tous les protecteurs du Dharma et les bons esprits se mirent en colère et versèrent une grosse averse de grêle qui s'abattait impitoyablement sur le Roi de Kalinga. Le Bouddha Shakyamuni plaida en faveur du Roi en disant : « Ne le punissez pas. Il est simplement venu m'éprouver et m'aider dans l'accomplissement de mon karma. Dans l'avenir, quand je deviendrai un Bouddha. Il sera la première personne que je guiderai à la Bouddhité. Il sera le premier à être éveillé. »

En fait, le Roi de Kalinga dans une vie plus tard, devint le Bhikshu Ajnatakaundinya, la première personne que le Bouddha Shakyamuni libéra.

Aussi, le nom Ajnatakaundinya signifie, « libéré jusqu'à la limite originelle. » Il veut dire aussi, « le premier à être libéré » car il fut le premier à devenir éveillé.

1. MAHAKASHYAPA.

« MAHA » veut dire GRAND. KASHYAPA, son nom de famille, signifie « buvant la lumière » ou les vagues de la lumière. « Il veut dire aussi « le clan de la tortue, » car on dit que ses ancêtres avaient vu une grosse tortue avec sur son dos, une carte indiquant la Voie du Bouddhisme et qui a donné le nom de la famille. Le chinois considérerait le nom « Tortue » comme une insulte, mais le nom de Kashyapa veut dire néanmoins « la grosse Tortue ».

Le nom personnel de Kashyapa était Pippala, nom de l'arbre à côté duquel ses parents avaient supplié pour avoir un fils. « Buvant la lumière » ne signifie pas qu'il buvait réellement de la lumière bien sûr. Cela se rapporte au fait que le corps de Kashyapa émettait une lumière qui surpassait et semblait « absorber » toute autre lumière.

D'où venait cette lumière ? La femme de Kashyapa quitta aussi la vie de famille et devint la Bhikshuni de la lumière claire pourprée. Longtemps auparavant après le Nirvana du Bouddha Vipashyin, elle était une femme pauvre. Un jour, elle trouva par hasard les ruines d'un temple. A l'intérieur, elle vit une statue du Bouddha. Quelqu'un lui avait mis un chapeau de paille pour la protéger du vent et de la pluie.

Avec compassion, elle prit la ferme décision de réparer le temple et de redorer la statue. Comment pourrais-je laisser abandonner Bouddha aux intempéries. Comme elle était pauvre, elle mendiait pour se procurer les fonds pour son projet. Tous les jours, elle prit l'argent récolté et l'échangeait contre de l'or. Après, environ dix ans passés dans la mendicité, elle avait réuni suffisamment d'or et se préparait à reconstruire le temple. Elle rendait visite à un orfèvre afin de redorer l'effigie du Bouddha. L'orfèvre lui demanda comment elle avait fait pour avoir autant d'or. « J'ai vu une statue de Bouddha qui était fêlée et écornée », dit-elle, « et j'ai mendié pendant dix ans pour rassembler assez d'argent pour acheter cet or en vue de la réparer. »

L'orfèvre dit alors : « Nous devons partager ce mérite et vertu. » En réalité, il fut si frappé par son dévouement en voulant réparer la statue qu'il tomba amoureux d'elle et voulait qu'elle ait une bonne opinion à son égard. « Gardez cet or » dit-il, « je ne vous ferai pas payer pour ce travail. » Quand la statue et le temple avaient été restaurés, l'orfèvre demanda la femme en mariage. « Vous êtes vraiment une femme de bon coeur. Vous êtes aussi la plus belle femme que j'ai jamais connue. J'avais l'intention de

demeurer célibataire, mais maintenant j'ai changé d'avis, m'épouserez-vous ? »

La femme réfléchissait : « Il n'est pas un homme mauvais. Après tout, il m'a bien aidée à redorer la statue... » Finalement, elle y a consenti. Comme ils ont connu un amour tellement profond qu'ils se juraient d'être mari et femme dans toutes les vies. Pendant quatre vingt-onze kalpas, dans toutes les vies, ils furent mari et femme. Parce qu'ils avaient redoré la statue du Bouddha, leur corps diffusait une lumière dorée. Ainsi, le nom Kashyapa veut dire « buvant la lumière » parce que sa clarté absorbait toute autre lumière.

Kashyapa était né en Inde, à Magadha. Lorsqu'il grandit, ses parents voulaient qu'il se maria, mais il dit : « La femme que j'épouserai, devra briller d'une lumière d'or tout comme moi. Sinon, je ne me marierai pas. » Heureusement, dans une contrée avoisinante, vivait une telle jeune fille et ils se marièrent. Ils quittaient la vie de famille tous les deux et pratiquaient la voie. Lorsqu'ils certifiaient le fruit d'Arhatship, ils découvrirent qu'ils étaient mariés pendant plusieurs vies. Ne vous-y-trompez pas et n'essayez pas de les imiter en faisant voeu d'épouser la même personne vie après vie. Kashyapa et sa femme s'étaient jurés de se marier et ensuite de cultiver la voie, de prendre refuge auprès du triple Joyau, de quitter la vie de famille et de maîtriser la Voie. Ne faites pas simplement voeu de se marier avec la même personne à chaque réincarnation. Si vous faites cela, vous vous éloignerez de plus en plus de la route et vous finirez dans les enfers. Au contraire, vous devez suivre la Voie.

Alors Kashyapa et son épouse prirent refuge auprès du Bouddha et atteignirent le fruit et Kashyapa devint le premier Patriarche dans le Bouddhisme. Si vous désirez rencontrer Mahakashyapa, sachez qu'il est toujours de ce monde. Il se trouve dans le sud-ouest de la Chine, étant en Samadhi sur une montagne du pied du poulet dans le Province Yunnan. Bien que plus de trois mille années se soient écoulés depuis le Nirvana du Bouddha, Mahakashyapa est encore en méditation, attendant la venue du Bouddha Maitreya pour réapparaître dans le monde. Il donnera alors au Maitreya le bol que les quatre rois avaient donné au Bouddha Sakyamuni et que le Bouddha Sakyamuni lui remit à son tour. Alors, sa tâche sera alors achevée.

Ceux qui avec un coeur sincère, visitent la montagne du pied du Poulet peuvent voir Mahakashyapa. Sur la montagne, brillent toujours trois genres de lumière : La lumière du Bouddha, la lumière d'or et la lumière d'argent. Si vous êtes sincère, vous pourrez entendre une cloche qui son

dans les montagnes. Elle résonne elle-même et peut-être entendue à plusieurs centaines de kilomètres.

Mahakashyapa était le plus âgé des disciples et le plus avancé des disciples du Bouddha en pratiques ascétiques. Il était le plus âgé des disciples, mais en plus il prenait de l'âge, plus il devenait vigoureux et fort, et plus il travaillait durement. Il était pourtant le fils d'un Brahman riche du Magadha et le Roi du Magadha le saluait même comme son Maître. Quand il quitta la vie séculaire, il pensait, « des pratiquants sont appelés « les pauvres de la Voie. » Ils ne possèdent pas de biens afin de rester riche et distribuaient toute leur richesse.

Il réfléchit, « les pratiquants doivent endurer l'amertume, supporter la fatigue et ne pas craindre la souffrance quelle qu'elle soit et il doit aussi s'appliquer à cultiver les pratiques ascétiques. Celles-ci consistent à supporter la souffrance c'est à dire, ne pas bien manger, ne pas porter de beaux habits et ne pas vivre dans un lieu confortable. Plus la vie est dure, plus l'ascétique doit la supporter. Dans tous les domaines, les gens ordinaires veulent trouver le plaisir, en mangeant, en vivant et en s'habillant. L'ascète désire subir la souffrance.

Un jour, lorsque le Bouddha proclamait le Dharma, il se déplaça et demanda à Kashyapa de s'asseoir à côté de lui. A cette époque, Kashyapa était très vieux, il avait peut-être cent quarante ou cent cinquante ans. Le Bouddha dit, « vous vieillissez, Kashyapa. Votre énergie diminue. Vous devez renoncer aux pratiques ascétiques. Mangez mieux, mettez des habits corrects et ayez un toit confortable pour vous abriter. Je ne sais pas si vous pouvez supporter de pareilles pratiques ascétiques à votre âge. » Mais, Kashyapa décidait de ne pas obéir au Bouddha, et continuait ses pratiques ascétiques. Voyant cela, le Bouddha faisait grand éloge du vieux Kashyapa en disant : « La Doctrine du Bouddha demeurera longtemps dans le monde en grande partie grâce à des pratiques ascétiques de Kashyapa. Sa capacité de les pratiquer veut dire que la Doctrine du Bouddha durera certainement ». C'est la raison pour laquelle, le Patriarche Kashyapa était reconnu comme le plus avancé dans les pratiques ascétiques.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

SUTRA : POUR TRADUIRE LE MOT SANSKRIT « SUTRA », LE CHINOIS EMPLOIE LE CARACTERE QUI VEUT DIRE « POINTER », PARCE QU'UN SUTRA SUR LE PLAN SUPERIEUR, CORRESPOND AUX PRINCIPES DE TOUS LES BOUDDHAS ET SUR LE PLAN INFERIEUR, CONVIENT AUX DIFFERENTES CIRCONSTANCES POUR ENSEIGNER A TOUS LES ETRES VIVANTS.

« SUTRA » est défini aussi comme un chemin, car il sert à guider les gens ordinaires jusqu'à la position d'un Bouddha. Le Sutra a quatre significations supplémentaires : Attacher, attirer, constant et méthodique. Un Sutra enfile les significations en lui, comme les perles enfilées sur un chapelet. Il attire les êtres auxquels cet enseignement convient. Les Sutras représentent les Dharmas qui correspondent aux besoins précis des êtres, comme le médicament est prescrit pour guérir les maladies spécifiques. Le Sutra est comme un aimant et les êtres vivants sont comme les limailles de fer qui sont attirées vers l'aimant. Le Sutra Shurangama est comme un aimant et ainsi on l'appelle « durable ». Mais le Sutra Shurangama est encore plus puissant qu'un aimant. Il peut empêcher les gens de rechuter. Ainsi, il rassemble les êtres vivants afin qu'ils ne retombent plus dans les abîmes de l'enfer ou se transforment en esprits affamés ou se réincarnent dans le monde des animaux. Ils sont comme magnétisés alors même s'ils voulaient se sauver, ils ne pourraient pas. Ou même s'ils voulaient tomber, ils n'en seraient pas capables. Cela montre que les Sutras sont merveilleux. Les gens viennent écouter l'explication d'un Sutra et une fois qu'ils l'ont entendu, ils deviennent fascinés. Ils entendent un passage et ils réclament à entendre la suite. « Ceci

correspond vraiment à quelque chose » ! Ils s'exclament : « J'en adore la saveur, c'est vraiment sucré ! » On dit que les Sutras sont immuables parce que depuis leur origine jusqu'à maintenant, ils n'ont subi aucun changement - pas un seul mot n'est ajouté ou supprimé. Ils sont permanents et

non modifiables. On dit que les Sutras sont des préceptes car ils sont vénérés par les êtres dans le passé, le présent et le futur ; car ils renferment des méthodes pour pratiquer la voie, pour atteindre la Bouddhité et pour enseigner et changer les êtres vivants.

Le Canon Bouddhiste est divisé en douze Divisions. Toutes les Douzes peuvent être trouvées dans chaque Sutra. Les Douze Divisions sont :

1) En prose. Littéralement, « de longues lignes, » il s'agit des chapitres de Sutras écrits en prose.

2) Les vers pleins de répétitions. Ils citent de nouveau les significations exprimées dans les chapitres en prose.

3) L'accord des Prédications. Dans le Sutra, le Bouddha peut prédire à un Bodhisattva à quelle époque il deviendra un Bouddha, quel nom il portera, combien d'années il vivra et dans quel pays il enseignera aux êtres humains. Par exemple, le Bouddha Dipankara donne la prédiction de la Bouddhité du Bouddha Sakyamuni. « Dans une vie antérieure, le Bouddha Sakyamuni suivait la Voie de la Bodhisattvité avec tant de sincérité dans sa recherche du Dharma, qu'il étalait ses cheveux pour recouvrir la boue. » Pourquoi a-t-il fait cela ? Une fois, dans une vie antérieure, pendant que le Bouddha Sakyamuni descendait d'une route, il remarquait un vieux Bhikshu qui se dirigeait vers lui. Il ne savait pas que ce Bhikshu était en réalité un Bouddha. Le chemin qui s'étendait entre eux était boueux et plein de flaques d'eau, « si ce vieux Bhikshu traverse toute cette eau boueuse, il sera complètement trempé, » pensa le futur Bouddha Sakyamuni, et en dépit de son respect pour les trois Joyaux, l'ascète s'allongeait dans l'eau et la boue. Il se servait de son propre corps comme un tapis étalé à la surface de l'eau et invitait le vieux moine à marcher dessus. Il restait une petite flaque d'eau encore à découvert, et craignant que le vieux Bhikshu marchât dans la boue, il détachait ses

cheveux et les étalait sur la boue afin que le Bhikshu puisse marcher dessus.

Qui aurait pu deviner que le vieux Bhikshu était en fait un Bouddha. Devant une offrande tellement sincère, ce Bouddha nommé Dipankara était très satisfait et il dit : « C'est ainsi, c'est ainsi, Vous agissez de cette façon, et moi aussi. »

Le premier « c'est ainsi » veut dire « vous m'avez fait une offrande en vous couchant et m'avait autorisé à passer au dessus de votre corps. » Le deuxième « c'est ainsi sous-entendu : « Dans le passé, j'avais agi de la même façon. Moi aussi, j'avais pratiqué la Voie du Bodhisattva. » Sa signification était « vous avez raison ». Et alors, le Bouddha Dipankara lui fit une prédiction en disant : « Dans le futur, vous deviendrez un Bouddha nommé Sakyamuni. »

Pourquoi le Bouddha Dipankara a-t-il offert cette prédiction ? Parce qu'il était touché par la sincérité du coeur du futur Bouddha Sakyamuni et alors, quoique d'habitude, il voulût bien tenir compte de l'offrande au futur Bouddha et lui accordait la prédiction de Bouddhité.

4) Les causes et les conditions. Cette division du Sutra explique les causes et les conditions qui se trouvent derrière l'expression des divers Dharmas.

5) Les Analogies. Les analogies sont utilisées pour rendre plus clairs les merveilleux aspects du BouddhaDharma.

6) Les événements antérieurs. Ici, les Sutras racontent les événements dans les vies antérieures du Bouddha Sakyamuni ou des divers Bodhisattvas.

7) Les vies présentes. Les événements dans la vie présente du Bouddha Sakyamuni ou dans les vies présentes des divers Bodhisattvas sont discutés.

8) L'universalité. Ceci se réfère à l'universalité du Dharma qui peut être enseigné partout en tout temps.

9) Le Dharma qui n'a jamais été enseigné auparavant, était le Dharma non-existant.

10) Le Dharma sans-demandé. Sans une demande de quiconque, le Bouddha émet lui-même la lumière, bouleverse la terre et enseigne le Dharma.

11) Le Dharma sans lien. Ceci se réfère aux vers qui expriment les significations qui n'ont pas de connection avec les passages précédents ou suivants.

12) Les discussions. Un verset dit :

*La prose et la répétition
Le Dharma sans rapport ;
L'accord des prédictions ;
Le Dharma sans demandé ;
Les causes et les conditions ;
Les vies antérieures ; les analogies ;
Les discussions ; la non existence ;
Cette vie ; les universalités ;
forment douze Divisions ;
Le chapitre trente trois les explique
Dans le shastra de la Grande sagesse.*

Chaque Sutra a en lui ces douze divisions. Ceci ne veut pas dire qu'il y a seulement douze volumes dans le Canon Bouddhiste mais tout le chapitre du Sutra rentre dans une de ces divisions.
(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Le sens du titre est alors « Le grand nuage blanc protège tous les vertueux qui pratiquent et maintiennent la Branche du Mantra Shurangama » Les trois lumières illuminent universellement en pénétrant les trois forces. Les « trois forces » sont le ciel, la terre et les gens.

A travers tout le ciel Jambudvîpa,

On pouvait le rechercher et ne pas le trouver.

Seulement ceux de la grande vertu et du grand bien sont capables de l'obtenir.

Jambudvîpa désigne le continent du sud -- La localisation du monde où nous vivons. Le seul moyen avec lequel vous pouvez obtenir ce genre de lumière est de pratiquer et maintenir le Mantra Shurangama. Sans savoir où vous allez le chercher, vous ne le trouverez jamais. Le seul moyen de l'avoir c'est en pratiquant et en maintenant le Mantra Shurangama. Vous devez posséder des grandes pratiques vertueuses et être immensément digne et alors vous serez capable d'obtenir cette branche du Dharma. Ceux qui n'ont aucune vertu et qui ne sont pas sains ne la comprendront pas. Si on n'a pas de pratiques vertueuses et si on n'a pas suffisamment de bonté pour l'entretenir, alors même si on se trouve vis à vis avec elle, on ne la reconnaîtra pas ; on se méprendra à son propos. Elle peut être juste devant soi mais on ne sera pas capable de la voir. Ce sera comme si on regardait l'or et le prenait pour du bronze ou regardait un diamant et pensait que c'est du verre. On pense que le mantra Shurangama est une chose très commune et sans importance sans aucune valeur. Un tel individu ne reconnaît pas un bijou même si ce dernier se trouve devant ses yeux. C'est ça qui est merveilleux. Ce qui est merveilleux c'est le fait de ne pas reconnaître sa

merveille, ne pas comprendre les vertus méritantes du Shurangama. Lorsque nous parlions d'une lumière émise par l'esprit, nous faisons référence à l'esprit conscient-sélectif—la sixième conscience. Si vous ne pratiquez pas, cet esprit est totalement inutile. Si vous pratiquez, cet esprit émettra de la lumière. Les trois lumières dont je venais juste de parler ne désignent pas seulement celle du corps, de la bouche et de l'esprit qui apparaît lorsque les trois karmas sont purs à travers la pratique. Mais il

il y a aussi une lumière rouge qui circule partout où le Mantra Shurangama est récité. L'apparition de cette lumière rouge arrive très naturellement quand le Mantra est récité. Il y a un verset qui décrit cet état :

*Un millier de lotus rouges protègent son corps,
Lorsqu'on s'assoit sur une licorne noire.
Voyant ceci, d'innombrables créatures étranges
s'éloignent pour se cacher.*

Le Maître du Dharma Khi Kung avait ce merveilleux son. Cette lumière rouge c'est ce que lancent les fleurs de lotus rouges. Lorsque des gobelins étranges, des grotesques, des démons ou tout ceux qui veulent vous faire du mal, voient ce Dharma apparaître, ils ont tous peur et s'enfuient. Dire ceci à l'époque scientifique (ne fait que provoquer le rire à belles dents de tous les scientifiques) ! Mais même s'ils rient, lorsqu'ils vont renaître, ils auront une dentition complète, alors cela ne fait aucune différence. S'ils ne riaient pas, alors ce serait juste la science ici et la science là—la science en surplus. Cela ne s'arrêterait jamais. Alors, laissez-les rire à belles dents !

« Lorsqu'on s'assoit sur une licorne noire /, d'innombrables créatures étranges voyant ceci s'enfuient pour se cacher. » Lorsque tous les lutins et les grotesques démoniaques voient la vertu majestueuse de ce corps du Dharma assis sur mille lotus rouges, ils s'éloignent tous. « Le Maître Dharma Chih Kung avait ce son merveilleux » A son époque, le Maître Dharma Chih Kung avait une voix merveilleuse, c'est à dire, il a pratiqué le Mantra Shurangama jusqu'à l'étendue. La lumière rouge circule aux alentours et une lumière pourprée-dorée s'installe dès que vous récitez le Mantra Shurangama. Une lumière blanche vous enveloppe. Les démons n'osent pas s'approcher quand vous récitez le Mantra Shurangama, parce que le pouvoir de ce mantra est si grand ! Lorsque vous récitez le Mantra Shurangama, le monde du Dharma en entier, jusqu'à l'épuisement de l'espace vide, est rempli d'une lumière favorable et d'une bonne énergie. Lorsque les gens récitent le Mantra Shurangama, il complète le bon esprit du ciel et de la terre ou de n'importe quel lieu où il est incomplet. Si une

personne récite le Mantra Shurangama, alors il y a le pouvoir de la récitation d'une personne ; si mille personnes le récitent alors tous les démons à travers le monde seront très sages. Même s'il y a seulement une personne qui le récite, les démons doivent s'adoucir. Plus il y a des gens qui récitent le Mantra Shurangama, mieux cela vaudra.

Le Mantra Shurangama est le roi des mantras. Il est aussi le Mantra le plus long parmi des Mantras. Ce Mantra a un effet profond sur le développement ou la déchéance de l'intégrité de la Doctrine du Bouddha. S'il arrive au point où il n'y a plus une seule personne dans le monde qui peut réciter le Mantra Shurangama, alors le monde se réduira rapidement en morceaux, parce que le Propre Dharma n'existera plus. A l'intérieur du Propre Dharma, Le SUTRA SHURANGAMA et le MANTRA SHURANGAMA sont très importants. LE SUTRA SHURANGAMA est un texte qui explique le Mantra Shurangama. Il parle de beaucoup de choses, mais revient toujours à son éloge. Dans le SUTRA SHURANGAMA, il y a un chapitre indiquant la méthode de l'établissement. Si vous voulez apprendre ceci en détail, vous pouvez le trouver dans le SUTRA SHURANGAMA. Le Mantra Shurangama est appelé « la lumière sur la couronne du Bouddha » Et la couronne du Bouddha désigne la transformation du Bouddha sur le haut de la couronne qu'a prononcé le Mantra. Le Mantra Shurangama est subtile et inimaginablement merveilleux. Chaque expression a une fonction. Chaque mot a une merveille secrète. Il est inimaginable et ineffable. Ainsi, la lumière sur la couronne du Bouddha représente aussi la force du Mantra, laquelle peut briser toutes sortes d'obscurité et peut atteindre le fruit du mérite et de la vertu des gens. Si vous êtes capable d'accepter et maintenir le Mantra Shurangama, dans le futur vous deviendrez certainement un Bouddha ; vous obtiendrez certainement l'illumination insurmontable pure et juste. Vous pouvez réciter de mémoire ou si vous ne pouvez pas vous en souvenir, vous pouvez le lire à l'aide du livre. Si vous pouvez réciter constamment de mémoire, alors vous pouvez éliminer vos obstacles karmiques des vies antérieures. Vos fautes du passé peuvent être effacées. C'est la merveilleuse fonction du Mantra Shurangama.

Le mot suivant dans le titre est « sans égale » Il est si haut que rien ne peut l'atteindre. Il est brillant au dernier degré. Rien ne surpasse la hauteur ou la lumière de ce Mantra. Il est supérieur, suprême, vénérable et hautain—sans comparaison. Il n'y a

rien de plus honoré, il n'y a rien de plus haut. Et c'est ce qui a voulu dire par « sans égale » « Spirituel » signifie inimaginable et ineffable. Il est décrit dans le commentaire comme... une efficacité impressionnante qui ne peut pas être pénétrée. « Mantra » exprime l'équivalent d'une réponse de la Voie. Lorsque vous récitez le Mantra, il y a du pouvoir qui intervient. Vous récitez le Mantra ici et une réponse se passe ailleurs. Le titre entier est « la Lumière sur le Sommet du Bouddha MWO HE SA DAN DWO BWO DA LA le Mantra Spirituel sans égale », qui veut dire en fait, que la lumière émise de la tête du Bouddha est comme un grand nuage blanc qui nous couvre avec illumination ; il couvre aussi tous les gens qui récitent par cœur et maintiennent le Mantra. C'est la signification générale de la partie préalable du Mantra.

Quelques détails à propos de la traduction du Mantra. Ce chapitre décrit plus en détail, certains aspects de la traduction du Mantra. En traduisant les Sutras et les Mantras en général, il y a quatre règles : Quatre méthodes.

- 1) Les personnages et les voix ont été traduits. Vous traduisez l'écriture d'un langage aussi bien que des sons significatifs. Ainsi ont été traduits tous les textes du Sutra.
- 2) Les sons et les caractères n'ont pas été traduits. Notamment les manuscrits sanscrits de l'Inde. Les sons restent des sons Sanscrits et les lettres employées pour les écrire sont encore en sanscrit aussi.
- 3) Le son est traduit mais pas le caractère, exemple le caractère WAN.
- 4) Les caractères sont traduits, mais les sons restent les sons d'origine. L'alphabet d'un langage que l'on traduit, est utilisé pour transcrire les caractères. Les sons sont transcrits mais pas leur signification. C'est le langage des mantras. Les mantras sont des exemples de transcriptions phonétique, pas des traductions. Avant de réciter le mantra, vous devez vous en rendre compte quand vous récitez une expression. Par exemple, au début du mantra : NA MWO SA DAN TWO SU CHYE LA HE DI SAN MYAU SAN PU TWO SYE. Vous devez vous rendre compte que ce sont des transcriptions phonétiques. Le mantra du Shurangama en est un exemple. Il y a aussi cinq sortes de termes non-traduits :

1) Les mots sont intraduisibles parce qu'ils renferment des secrets. Un mot dont le sens est inconnu des autres, est un secret. Comment pouvez-vous traduire les secrets ? Une

fois que vous les traduisez, ils ne sont plus des secrets. Tels sont les Mantras. Les Mantras sont intraduisibles parce qu'ils renferment des secrets. En quoi consistent ces secrets ? Chaque expression contient beaucoup de sens, beaucoup de pouvoirs et beaucoup de fonctions.

2) Les mots ne se traduisent pas, parce qu'ils contiennent plusieurs sens. Le Prajna est l'exemple d'un mot qui ne se traduit pas parce qu'il contient plusieurs significations. Il y a : a) Le Prajna littéraire, b) Le Prajna contemplatif et c) Le Prajna de la réelle apparition.

Puisque ce terme a trois sens, il n'est pas traduisible, exemple : Le texte de Bhagavan renferme six sens qui sont :

1) Confortable. Signifie que le Bouddha n'entonne pas la réflexion fausse. Dès que vous entonnez la réflexion erronée, vous n'êtes pas à l'aise.

2) Brillant. La lumière du Bouddha est brillante.

3) Honnête.

4) Célèbre,

5) Chanceux et

6) Vénééré.

Lorsque vous récitez PE CHYE FAN SAN DAN DWO BWO DA LA, le début du quatrième chapitre du mantra, PE CHYE FAN veut dire BHAGAVAN et il a ces six significations.

3) Les mots ne se traduisent pas parce qu'ils n'existent pas dans le pays du traducteur. Tel que l'arbre Jambu, un arbre qui n'existait pas en Chine. L'arbre en or Jambunada n'existait pas en Chine, alors ils l'ont laissé en Sanscrit. S'ils avaient essayé de le traduire, personne n'aurait su de quoi ils parlent !

4) Les mots ne traduisent pas traditionnellement. Les gens au moyen âge ont décidé de traiter un terme d'une certaine manière et leurs efforts étaient très bons—tel qu'Anuttarasamyaksambodhi. Ils avaient utilisé beaucoup d'efforts pour réfléchir comment décrire l'état d'illumination ; il n'y a aucune raison de dire que nous devons écrire un style spécial et que nous pouvons trouver quelque chose encore mieux—que nous pouvons surpasser les gens du moyen âge. Ce ne serait pas nécessaire.

5) Les mots ne sont pas traduits parce qu'ils engendrent le bien. Ceci veut dire que le terme contient beaucoup de bon Dharma et qu'il est vénéré—tel que le Prajna honorifique.

Ainsi nous avons donc parlé du premier genre, qui est « non traduit parce qu'il est secret. »

Le Maître Dharma Chong Mai dit dans son commentaire sur le Sutra du Shurangama : « l'enseignement apparent est comme une prescription avec des instructions évidentes. C'est à dire, les sutras sont comme une prescription, parce qu'ils expliquent les choses clairement. Les mantras secrets sont comme la préparation des médicaments dont l'effet de la guérison est imperceptible. Vous avez une prescription pour guérir votre maladie. Le réel fonctionnement du médicament dans le corps est un processus spontané ; il est naturel. Il a la force pour effectuer la guérison. Puisqu'il n'est pas facile pour vous de comprendre les complexités à cet égard, on l'appelle une « guérison secrète ».

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

LA DEMANDE DE SUBHUTI

EN CE TEMPS LA, LE VIEUX SUBHUTI S'ELEVA DE SON SIEGE DANS LE RASSEMBLEMENT, MIT A NU SON EPAULE DROITE, SON GENOU DROIT PAR TERRE, MAINS JOINTES AVEC RESPECT ET DIT AU BOUDDHA.

Après que Bouddha Sakyamuni avait mis sa robe et son bol, lavé son visage, arrangé son siège il s'asseyait. Dans la réunion se leva un VIEUX nommé SUBHUTI. Il y a trois genres de vieux : le vieux en années, le vieux en la nature du Dharma, et le vieux en bénédictions et en vertu.

1. Le vieux dans les années doit être âgé et avoir tenu les préceptes depuis longtemps, comme avait fait Mahakasyapa, le plus âgé et gardait les préceptes le plus longtemps parmi ceux qui sont dans le rassemblement du Dharma du Bouddha Sakyamuni. Il y a trois grades de vieux dans les années :

- a. Un rang inférieur regroupe ceux qui ont tenu les préceptes depuis au moins dix ans
- b. Un rang moyen regroupe ceux qui ont tenu les préceptes depuis plus de vingt ans
- c. Le rang supérieur regroupe ceux qui ont tenu les préceptes depuis plus de 30 ans.

2. Le vieux du Dharma-nature, peut-être jeune, mais il doit posséder la grande sagesse et être capable de donner des conférences sur les Sutras et parler du Dharma avec suffisamment de pouvoir pour enseigner et transformer les êtres vivants. Sa hauteur vient de sa profonde compréhension du Dharma, sa pénétration du merveilleux principe et son éloquence libre. Par exemple, le disciple Sariputra du Bouddha maîtrisait entièrement l'enseignement du Bouddha tout juste en sept jours et devenait un vieux à l'âge de huit ans. A ce temps là, il montait sur le haut siège et parlait du Dharma, bouleversant totalement les orateurs des cinq régions

de l'Inde. Tout ce qu'ils pouvaient faire était de se prosterner devant cet l'enfant de huit ans et d'avouer vaincus.

De tous les disciples du Bouddha Shakyamuni, Sariputra était le (plus) premier en sagesse et avait une éloquence non obstruée.

Il y a quatre genres d'éloquence non-obstruée : l'expression, le principe, le Dharma et le plaisir dans le discours.

a. Eloquence non-obstruée de l'expression nous permet de répondre d'une façon bien déterminée à toutes les questions mêmes difficiles.

b. Eloquence non-obstruée du principe est un complément de cette expression parce au long d'en avoir des pouvoirs de débat sans limites. On doit toujours parler en accord avec le principe.

c. Eloquence non-obstruée du Dharma signifie quoi qu'on dise, on peut aller à l'encontre d'un haut principe. Il y a un soi-disant "Tout est la voie. Gauche et droit se rencontrent à la source."

d. Eloquence non-obstruée du (Dharma) plaisir permet d'obtenir en parlant du plaisir dans le discours de la concentration. Alors, même l'audience est incapable d'écouter, ses mots s'écoulaient comme l'eau et personne ne peut résister au courant.

3. Le vieux dans les bénédictions et la vertu doit être récompensé pour avoir planté les bénédictions et agi vertueusement.

Vieux est un terme de respect et pas définitivement un titre qu'on se donne en disant, « Je suis un vieux. Tout le monde devrait m'appeler "vieux" ».

Subhuti, le vieux dans le rassemblement du Vajra Prajna Dharma, était un vieux dans les années, un vieux de la nature du Dharma et un vieux dans les bénédictions et vertu.

SUBHUTI a trois significations : "Sans-né", "bon témoin" et "bonne chance". Dans la propriété de Subhuti, il y avait cent huit entrepôts remplis des sept sortes de pierres précieuses : Or, argent, lapis lazuli, cristal, la nacre, les perles rouges et

carnelian. Quand Subhuti était né, il se trouvait que les entrepôts étaient entièrement vides. Les uns après les autres, les portes en voûte restaient ouvertes pour laisser voir qu'il n'y avait absolument rien à l'intérieur. "Qui a volé mes bijoux?", cria (Subhuti) le père de Subhuti affolé. "Nous avons de telles richesses et maintenant nous n'avons plus un sou. Quelle est la signification de ce fils ?" Il allait chez un devin qui voyait que cette disparition des bijoux et la naissance de l'enfant avaient été simultanées, et ainsi son père appelait l'enfant "né vide". En analysant la naissance de l'enfant, le devin déclarait qu'il était très chanceux, et il lui donnait un autre nom "bonne chance".

Sept jours après la naissance de Subhuti, toute la richesse de la famille réapparût dans les cent huit entrepôts. Cela incita le père à changer encore une fois son nom qui fut alors "bon témoin". Subhuti grandissait à l'époque où le Bouddha Sakyamuni était dans le monde enseignant et transformant les êtres vivants, et Subhuti quitta la maison en faveur du Bouddha.

SUBHUTI S'ELEVA DE SON SIEGE DANS LE RASSEMBLEMENT: Parmi des millions de millions de billions d'hommes et de dieux dans le Rassemblement, Subhuti se leva de son siège. Il vit Bouddha Sakyamuni assis là dans un état qui peut être seulement décrit comme "Ainsi, ainsi impassible, totalement et éternellement brillant", et il savait que le Bouddha représentait le Dharma de la sagesse du Prajna. A travers ses activités quotidiennes telles que marcher, rester debout, s'asseoir et (rester) s'allonger...

Le Bouddha Sakyamuni enseignait toujours le réel signe du Prajna, le Prajna méditatif et le Prajna littéraire.

La merveilleuse porte du Prajna peut seulement être pénétré au moyen de la sagesse. La sagesse les bénédictions et la vertu de Subhuti étaient complètes, et alors il comprenait que le Bouddha avait enseigné la porte du Dharma du vrai signe de Prajna. C'était pour cette raison qu'il s'éleva de son siège dans le rassemblement et son épaule droite mis à nu. Selon la coutume indienne, dévoilant l'épaule droite était un geste de respect important et les moines chinois, honorant cette coutume, laissaient l'épaule droite nue quand ils portaient de la robe indienne.

Le chinois modifiait légèrement le style de la robe, tout en gardant les nuances de marron foncé pour la robe à 5 pièces et la robe à sept pièces plutôt que la couleur jaune safran utilisée par le Sangha de l'Inde, la Thaïlande, la Birmanie et la Ceylan. Et puis comme en Chine, il faisait plus froid qu'en Inde, alors les moines mettaient des sous vêtements plus chauds supplémentaires, mais qui se collaient pas directement contre leur peau, l'inconvénient c'est qu'elle peut tomber sans qu'il s'en aperçoivent. Alors, le BodhiDharma du Patriarche ajoutait par conséquent une fermeture sur l'épaule gauche pour retenir la robe, et la fermeture devenait une partie du modèle de la robe chinoise.

Subhuti dévoila son épaule droite, **METTAIT SON GENOU DROIT PAR TERRE, JOIGNIT SES MAINS AVEC RESPECT, ET DIT AU BOUDDHA.**

Les rites représentées dans la demande du Dharma symbolisent la pureté des trois Karmas :

1. (Mettant) Dévoilant l'épaule droite et plaçant le genou droit par terre représentent la pureté du Karma du corps.

2. Joignant les mains ensemble respectueusement représente le pur esprit du Karma.

3. Verbalisant la demande indique le Karma pureté de la bouche. "Comme c'est rare, le Seul Honoré du Monde, le Tathagata qui se souvient et protège tous les Bodhisattvas et leur cause d'être aux formes plantureuses."

L'événement rare auquel Subhuti se reporte est l'apparition d'un Bouddha, seul Honoré du Monde. Après avoir arrangé son siège, Bouddha Sakyamuni s'asseyait sans dire un mot. Subhuti avait-il fait quelque chose hors sujet, faisant des signes où il n'y avait pas de vent.

Parlant au moment où il n'avait pas le droit, plaçant une tête sur le sommet d'une tête, ajoutant un signe à un signe, était-il en train de chercher la difficulté ? Si le Bouddha avait parlé d'un principe ou fait un signe, cela pourrait avoir un sens, "Comme c'est rare, le seul Honoré du Monde..." mais tout ce que le Bouddha Sakyamuni avait fait c'était d'arranger son siège et s'asseyait. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEVALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Il y a trois illusions :

1. Les illusions des vues et de la pensée.
2. Les illusions infiniment petites comme un grain de poussière ou de sable
3. Les illusions de l'ignorance.

Les êtres vivants ont tous ces trois types d'illusion, Ceux du petit véhicule ont coupé les illusions des vues et de la pensée, mais retiennent les illusions infiniment petites comme un grain de poussière ou de sable et les illusions de l'ignorance. Les Bodhisattvas ont coupé à la fois les illusions des vues et de la pensée ainsi que les illusions comme le grain de poussière ou de sable, mais ils ont encore les illusions de l'ignorance. Même les Bodhisattvas à l'étape de l'illumination égale sont sur le point de réaliser la Bouddhité, ont encore une partie de « la marque de production » de l'ignorance aussi fin qu'un cheveu qu'ils n'ont pas encore détruit. Cette particule une fois détruite, ils atteignent la merveilleuse illumination de la Bouddhité.

L'illusion des vues se réfère à la cupidité et à l'amour pour les choses extérieures. Parce que les objets extérieurs ne sont pas vus comme vides, ils sont reconnus comme réels. Le vêtement, la nourriture et le sommeil semblent très réels. « C'est vrai », vous dites, « Je suis tout seul, je n'ai pas d'amis ou de parentés ». Cet état embrouillé est l'illusion des vues. Ne comprenant pas ce que vous voyez, vous êtes avide du confort et de « bonnes choses ». « J'ai ceci et j'ai cela », vous dites et votre amour sans fin vous laisse mécontent et cupide pour les choses extérieures. C'est l'illusion des vues.

L'illusion de la pensée consiste à être confus sur les principes et à donner lieu à des discriminations. « Je ne sais pas ce qui se passe ici », dit quelqu'un. « Est-ce que le Maître a raison ? Si je fais ce qu'il dit, quel intérêt pourrais-je en tirer ? ». Vous calculez

constamment à propos des avantages personnels, s'il n'y a aucun intérêt alors, vous ne voulez pas le faire. Vous ne pouvez pas voir au-delà du bout de votre nez. Les illusions de la pensée sont des pensées peu claires et confuses, qui prennent ce qui est faux pour du vrai et ce qui est vrai pour du faux.

J'ai dit simplement que des gens ayant des illusions de la vue pensent que le vêtement, la nourriture et le sommeil sont réels. Certains peuvent demander s'ils sont faux et si oui, alors qu'est ce qui est vrai ? Ces choses sont toutes des nécessités, si vous n'y attachez pas d'importance, vous êtes détendu et libre. Partout où il y a attachement, il y a douleur. Si vous la considérez comme irréaliste, il n'y aura pas de cupidité ou d'amour et vous verrez que votre cupidité et votre amour précédents n'étaient rien que des actions confuses comme dans un rêve. Vous devriez les prendre de cette façon ; déposez tout ; laissez tout s'en aller. Si vous ne pouvez pas le déposer, vous vous attachez et rien ne va correctement.

Il y a quatre vingt huit parties de l'illusion des vues et quatre vingt et une parties de l'illusion de la pensée. Quand l'illusion des vues est détruite, vous certifiez le premier fruit de l'Arhatship. Si non, il n'y a pas de certification.

Avez-vous de l'avidité et de l'amour pour des biens matériels? Etes-vous avide de « bonnes » choses et repoussé par les mauvaises ?

« Absolument pas », vous dites.

Comment savez-vous que vous ne l'êtes pas ? Si vous n'aimiez réellement pas le bon et haïssez le mauvais, vous n'en sauriez rien. Si vous dites « Je sais sûrement que je n'ai pas de cupidité ni d'amour », alors votre cupidité ou amour est plus grand que celui de n'importe qui. Pourquoi ? Parce que vous savez que vous n'en avez pas. Si vous n'en aviez réellement pas, vous ne sauriez pas que vous n'en aviez pas. Si vous dites que vous n'en avez pas vous-même, comment savez-vous que vous ne l'avez pas vous-même ;

connaissant que vous n'en avez pas vous-même, vous avez encore votre « vous ». Si vous dites que vous n'avez aucune cupidité ni amour, vous avez encore un « vous » et vous n'avez pas coupé les quatre vingt huit parties de l'illusion des vues et vous n'êtes pas certifié au premier fruit d'Arhatship.

Ce n'est pas simplement le fait de le dire mais il faut agir aussi. Vous devez vraiment atteindre cette étape.

L'illusion des vues contient cinq serviteurs rapides et les illusions de la pensée contiennent cinq serviteurs idiots. Les cinq serviteurs idiots sont la cupidité, la haine, la stupidité, la fierté et le doute. Les cinq serviteurs rapides sont dits « rapides » parce qu'ils arrivent très vite. Les cinq serviteurs idiots arrivent plutôt lentement.

Les cinq serviteurs rapides sont :

1. La vue d'un corps. Parce qu'on s'attache, on pense « C'est mon corps et je suis maigre alors ! Je ne mange pas assez. Je ne suis pas habillée correctement et je n'ai pas un endroit décent pour vivre. Comment puis-je prendre soin de mon corps ? » Attaché au corps et gardant une vue d'un corps, on intrigue pour cela toute la journée.

2. La vue des extrêmes. attacher aux deux extrêmes de la permanence et de l'anéantissement est de s'adonner à cette vue. Attaché à l'annihilation, on dit « Les gens meurent et c'est fini. Tout retourne au vide ».

Attaché à la permanence, on dit « A la prochaine vie, je me réincarnerai de nouveau en être humain. Les gens sont toujours des gens et les chiens sont toujours des chiens, les chats sont toujours des chats, les chevaux sont toujours les chevaux, les arbres sont toujours les arbres, l'herbe est toujours l'herbe. Les gens ne peuvent pas devenir les chats et les chats ne peuvent pas se transformer en personnes. Les gens ne peuvent pas se transformer en esprits. C'est le principe fixé, éternel et interchangeable : la permanence ». L'anéantissement et la permanence sont des vues extrêmes : elles ne sont pas la voie du juste milieu.

3. Les vue déviantes. Ceux qui ont des vues déviantes pensent de la façon suivant : Quand on fait du bien, il n'y a pas de bonnes récompenses et quand on fait du mal, il n'y a pas de mauvais châtement. Ils dénie l'existence du processus de cause et effet et ne croient pas qu'en accomplissant de bonnes actions on obtient des

bénédictions et qu'en faisant des mauvaises actions, on subit des malheurs.

4. Les vues de la moralité restrictive. Ceci consiste à prendre une cause inexistante pour une vraie cause ; par exemple, apprendre aux autres à imiter le comportement des chiens et des chats ou à imiter les vaches et donc manger de l'herbe à la place de la nourriture. Ayant vu un chien ou un chat renaissant dans les cioux, on peut imiter le chien ou le chat et de ce fait on garde la connaissance déviante et les vues déviantes.

Quelque fois, les gens ayant quitté la vie de famille s'attachent à la tenue des préceptes. « Je maintiens les préceptes », se vantent-ils, « Je suis un teneur de préceptes et ce sont les préceptes que je tiens. Parce qu'il y a un « teneur » et « ce qui est tenu » qu'ils ne comprennent pas que la substance fondamentale de la moralité est vide. Ils ne devraient pas avoir des attachements mais ils le sont et ceci les rend esclaves.

5. La vue du saisissement avide des vues. Exemple, un effet inexistant est pris pour un vrai effet. Le non-ultime est considéré comme l'ultime. Les quatre Dhyanas ou les quatre états du vide sont pris pour le Nirvana.

- a) Dans le premier Dhyana, la pulsion s'arrête.
- b) Dans le deuxième, le souffle s'arrête. On s'assoit sans respirer, mais si on pense, « Je ne respire pas », alors la respiration recommence.
- c) Dans le troisième Dhyana, il n'y a pas de pensée. Dans le premier et le second, bien qu'il n'y ait pas de pulsion ni souffle, la réflexion continue. Dans le troisième, il n'y a même plus de pensée.
- d) Dans le quatrième Dhyana, il n'y a pas de bonne pensée, seulement la conscience. Dans le troisième Dhyana, bien qu'il n'y ait pas de pensée vulgaire, la pensée subtile y demeure. Dans le quatrième, la pensée subtile est aussi coupée.

(à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Texte :

COMBIEN DE NAISSANCES ?
COMBIEN DE MORTS ?
NAISSANCES ET MORTS ELARGISSAIENT.
LA DISTANCE , PAS DE FIN DETERMINEE.
PUISQUE JE SUIS EVEILLE TOUT A COUP
ET AI
COMPRIS LA NON-PRODUCTION,
COMMENT PUIS-JE ETRE AFFLIGE PAR
L'INSULTE
OU SATISFAIT PAR LA GLOIRE ?

Commentaire :

COMBIEN DE NAISSANCES ? COMBIEN DE MORTS ? Puisque le temps est sans commencement, nous avons laissé des montagnes d'os derrière nous comme nous avons tourné dans les six chemins. Personne ne sait le nombre de fois nous avons rencontré la naissance et la mort.

LA NAISSANCES ET LA MORT ELARGISSAIENT, LA DISTANCE, PAS DE FIN DETERMINEE. Ainsi nous sommes nés et puis nous mourons à nouveau et encore, en traversant des kalpas autant fois qu'il y a des atomes de poussières, à travers des mois et des années. Sans jamais s'arrêter. Ainsi, dit le vers : « Pas de fin déterminée ».

PUISQUE JE SUIS EVEILLE TOUT A COUP ET AI COMPRIS LA NON-PRODUCTION. Quand j'ai rencontré les principes expliqués par le sixième Patriarche de la petite Vallée de Ts'ao et la suprême Porte Dharma du sceau. Je suis guidé au soudain éveil et j'ai compris le principe de la non-production et de la non-extinction.

COMMENT PUIS-JE ETRE AFFLIGE PAR L'INSULTE OU SATISFAIT PAR LA GLOIRE ? Puisque j'ai pénétré le principe de la non-production et de la non-extinction, je

ne m'intéresse plus à l'éloge ou au ridicule, à la souffrance ou au bonheur, à l'intérêt ou au désavantage ou au profit ou à la perte. S'ils s'abattent brusquement sur moi, je ne suis pas

effrayé. S'ils s'imposaient à moi sans raison, je ne suis pas en colère. Quoique je puisse être loué ou glorifié, je ne ressens pas de la joie. S'il arrive qu'on m'insulte ou me me ridiculise, je n'en suis pas chagriné pour autant.

Texte :

PROFOND DANS LES MONTAGNES
VIVANT DANS UN ARANYA,
ECARTE LOIN SUR UN SOMMET ISOLE.
SOUS LES GRANDS PINS,
SANS SOUCI, JE MEDITE
UN MOINE RUSTIQUE A LA MAISON.
DANS LA QUIETUDE, JE VIS
TRANQUILLEMENT
DANS LA VRAIE ALLEGRESSE.

Commentaire :

PROFOND DANS LES MONTAGNES, VIVANT DANS UN ARANYA. Je vis en ermite, retiré profondément dans les montagnes au fond d'une vallée, dans un Aranya (c'est un endroit tranquille et calme), où je travaille dur dans la pratique de la joie et où je retourne vers ma face d'origine. »

ECARTE LOIN SUR UN SOMMET ISOLE. SOUS LES GRANDS PINS. Les sommets isolés sont raides et hauts, leur solitude et profonde. Il y a des grottes dans les montagnes, au-dessous les grands pins et les cèdres bleus et je m'assois sous les arbres exubérants tout le long de la journée. Je me lave dans la fontaine pure, cueille des fruits pour manger et ramasse une poignée d'eau pour boire. Dans ces simples et rustiques plaisirs, ma joie est inépuisable.

SANS SOUCI, JE MEDITE, UN MOINE RUSTIQUE A LA MAISON. Pas de restrictions, pas de liens, pas d'obstacles, pas d'obstructions, je me promène tranquillement; en pratiquant la concentration et en étudiant le Dhyâna, je reste assis dans le calme. Dans cette vie primitive, se trouve ce moine rustique à la maison.

DANS LA QUIETUDE, JE VIS TRANQUILLEMENT DANS LA VRAIE ALLEGRESSE. Vivant dans cet endroit pur rempli de tranquillité, libre de cris, je suis vraiment d'un coeur léger.

Texte :

L'ILLUMINATION EST L'ACHEVEMENT.
IL N'Y A PLUS D'EFFORT.
CE N'EST PAS PAREIL QUE DES
DHARMAS CONDITIONNES .
VIVRE DANS LES CARACTERISTIQUES,
EN DONNANT
C'EST CREER LES BENEDICTIONS DES
CIEUX ;
C'EST COMME REGARDER ET DECOCHER
UNE FLECHE DANS LE CIEL.

Commentaire :

L'ILLUMINATION EST L'ACHEVEMENT.
IL N'Y A PLUS D'EFFORT. Par cette Porte-
Dharma de la base d'esprit, on atteint tout à coup
l'illumination, plutôt qu'en traversant des
asamkhyeyas de kalpas, ou pendant cent kalpas
en plantant des grains d'empreinte et de
caractéristiques. Cependant, le texte dit : « Il n'y
a plus d'effort. »

CE N'EST PAS PAREIL QUE DES
DHARMAS CONDITIONNES. Tous les
Dharmas ordinaires conditionnés, avec formes et
caractéristiques ne ressemblent nullement au
Dharma inconditionné de la base de l'esprit.

VIVRE DANS LES CARACTERISTIQUES EN
DONNANT C'EST CREER LES
BENEDICTIONS DES CIEUX. Si une attitude
d'attachement, autrement dit si la bonté n'a pas
encore été vidés, on peut planter des graines de
réussite, mais ne fera plus qu'atteindre les plus
précieux fruits de la récompense humaine ou céleste
des bénédictions.

C'EST COMME REGARDER ET DECOCHER
UNE FLECHE DANS LE CIEL. Quand on
éprouve ses bénédictions célestes, on tombe. C'est
comme regarder dans le ciel et décocher une
flèche. Comment peut-elle être sur la cible ? LE
SUTRA VAJRA dit :

*Quelque chose avec caractéristiques
est vide et faux.*

*Si on considère toutes les caractéristiques
comme les non-caractéristiques,
Alors, on voit Celui-Venu-Ainsi.*

En effet, ces mots sont purement vrais !

Texte :

QUAND SA FORCE EST EPUISEE,
LA FLECHE RETOMBE PAR TERRE ;

CE QUI VEUT DIRE, LES VIES FUTURES
NE SERONT PAS COMME ON DESIRE.
CONTRAIREMENT A LA PORTE POUR LE
VRAI CARACTERISTIQUE DE
L'INCONDITIONNE :
D'UN SEUL SAUT ET C'EST L'ENTREE
DIRECTE
JUSQU'AU FOND DU CELUI-venu-AINSI.

Commentaire :

QUAND SA FORCE EST EPUISEE, LA FLECHE
RETOMBE PAR TERRE. Le moment arrive quand
le plus petit résultat qu'on a pratiqué, la récompense
des bénédictions humaines ou célestes arrivent à
leur fin. C'est comme la flèche qui, orientée, a été
décochée dans l'air—quand sa force est
consommée, cette flèche retombe par terre.

CE QUI VEUT DIRE, LES VIES FUTURES NE
SERONT PAS COMME ON DESIRE. Etant
tombé ensuite dans la roue tournante des six
chemins, on reçoit les châtiments maintes et
maintes fois ; un tissu sans fin, qui sombre à jamais
dans la mer amère de la naissance et de la mort,
d'où, il est difficile de s'échapper. Cependant le
texte dit : « Ce qui veut dire, les vies futures ne
seront pas comme on désire. »

CONTRAIREMENT A LA PORTE POUR LE
VRAI CARACTERISTIQUE DE
L'INCONDITIONNE. Il s'agit de la porte Dharma
inconditionnée du Trésor du propre Oeil du
Dharma, du Merveilleux esprit du Nirvana, du
caractéristique de la réalité qui n'a pas de
caractéristiques, de la transmission spéciale en
dehors des enseignements. Ayant éveillé une
chose, on élucide tout ; une chose ayant été éveillé,
tout est certifié. Ceci n'est pas comme la pratique
deshonnête selon les deux véhicules.

D'UN SEUL BOND ET C'EST L'ENTREE
DIRECTE JUSQU'A LA TERRE DU CELUI-
venu-AINSI. Par cette Porte Dharma, on révèle
tout à coup ce qui est essentiel et on franchit
directement jusqu'à la terre des Bouddhas, et
atteint le trésor. On n'est pas stagnant dans la
ville transformée. En fruit, on est arrivé à la non-
production et en position, on atteint à la
merveilleuse Illumination. On soutient le triple
Joyaux, en enseignant et en transformant les
humains. Les ornements d'un Bouddha deviennent
ses propres ornements. (à suivre)

UNE EXPLICATION DE DHARMA A L'OCCASION DE LA FÊTE DU VESAK

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Dans les vies antérieures, le Bouddha Sakyamuni a sans cesse pratiqué :

« *Pendant trois périodes, le mérite et la vertu,*

Et durant cent générations les bonnes conduites ».

Cela veut dire qu'il avait pratiqué le mérite et la vertu pendant trois grands Asamkhyeyas et il avait planté des centaines de milliers de bonnes actions. Il avait pratiqué l'ascétisme, c'est à dire accomplir des actions que les autres ne sont incapables d'accomplir; il était très patient, il supportait des problèmes que les autres ne pouvaient pas supporter. Il était très compatissant, il avait la miséricorde de Bodhi envers les êtres humains, il était même capable de se sacrifier pour le bonheur des êtres vivants. Il pratiquait la patience de période en période. Il mangeait des choses que les autres ne mangeaient pas et cédait des choses que les autres ne pouvaient pas céder. C'était pour cette raison qu'il a atteint l'illumination et était devenu Bouddha.

Le Bouddha n'avait pas pratiqué un seul jour pour devenir Bouddha, il a dû pratiquer pendant trois Asamkhyeyas, avant de devenir Bouddha, il avait acquis les huit états d'une personne éveillée.

Quels sont ces huit états :

La première étape : Tusita, un lieu céleste où un futur Bouddha désigné se prépare pour devenir Bouddha.

La deuxième étape c'est d'être fécondé : Quand il était dans le fœtus, il ne cessait pas de proclamer le Dharma pour enseigner les êtres vivants.

La troisième étape c'est la naissance : Le Bouddha fut né le 8 avril du calendrier lunaire. Lorsqu'il apparut au monde pour la première fois, il pointa la main droite vers le ciel et la main gauche vers la terre en proclamant : « Dans le ciel et sur la terre, je suis le seul honoré » ! N'est-il pas orgueilleux et égoïste ? Je ne suis pas un avocat qui défend le Bouddha, mais en réalité, le Bouddha a bien mérité de porter ce titre. S'il parlait ainsi dès la naissance, cela veut dire qu'il voulait s'introduire parmi les êtres vivants. Il y avait neuf dragons qui projetaient de l'eau sur le Bouddha pour le laver. Il vivait dans le palais jusqu'à l'âge d'adulte, il avait appris toutes les matières au monde. Soi-disant qu'il apprenait, mais en réalité, il savait tout déjà. Un jour, il a visité les quatre portes du royaume et il a vu la naissance, la vieillesse, la maladie et la mort. Après avoir vu ces

quatre souffrances humaines, il se rendit compte que la vie humaine n'est que souffrance, remplie de d'afflictions, elle ne signifie rien du tout, c'est pourquoi il a tout abandonné et quitté pour toujours le palais. Le Bouddha a appliqué la pratique l'ascétique de purification. On pouvait dire qu'il était le meilleur ; lorsqu'il vivait dans la montagne d'Himalaya, il mangeait seulement un grain de sésame par jour pour entretenir son corps. Peu après, il a bu un bol de lait offert par une jeune fille, ensuite il allait méditer sous l'arbre Bodhi et faisait ce serment : « Si je n'atteins pas l'illumination, alors je ne me lèverai pas ». Il restait donc assis là pendant 49 jours. Au 49^e jour vers minuit, il est devenu illuminé, il a atteint l'étape de la non-production, ni extinction, l'étape de la non augmentation ni diminution, l'étape de la non souillure, ni pureté ; il a trouvé sa pure essence.

Nous, en tant que disciples du Bouddha, vivant pendant la période de la fin du Dharma, nous devons être de vrais fidèles. Nous devons savoir que le Bouddha et les Patriarches du passé avaient pratiqué très dur. Aujourd'hui, si nous ne mangeons pas seulement une graine de sésame, ne nous prenons pas non plus des vitamines pour fortifier notre corps. Ce corps n'est rien d'autre qu'un sac de chairs puantes composées de quatre éléments (la terre, l'eau, le vent et le feu). Il n'est pas du tout précieux. Maintenant, c'est à cause de ce corps infect que nous sommes esclaves ! Nous ne savons pas depuis combien de temps nous sommes esclaves. Nous ne savons pas non plus combien de mauvaises actions que nous avons créées ? Alors, nous continuons toujours à être son esclave. Il est donc urgent que nous retournons à notre pure essence. Quand nous apprenons la doctrine du Bouddha, nous devons savoir que la vie humaine est remplie de souffrances et nous devons pratiquer dur pour atteindre l'illumination qui est la véritable libération. Aujourd'hui, à l'occasion du jour Vesak, nous devons appliquer l'enseignement du Bouddha dans notre pratique. C'est à dire prendre le corps du Bouddha pour notre propre corps, considérer la conduite du Bouddha comme notre conduite, prendre l'esprit du Bouddha pour notre esprit, considérer les serments du Bouddha pour

nos serments et prendre sa volonté pour notre volonté. Soyons patients, si nous arrivons à agir comme Bouddha, nous pourrions devenir Bouddha, atteindre l'état d'éveil et nous échapper à la naissance et la mort.

Le Bouddha a pratiqué de toute sa force physique et morale pour être omniscient. Pour cela il ne regrettait rien. Si nous n'arrivons pas à endurer la difficulté, comment pouvons-nous devenir Bouddha ? Si nous décidons de devenir moine, mais nous ne pratiquons pas sa voie, cela signifie que nous ne reconnaissons pas les bienfaits du Bouddha, des Bodhisattvas et des Patriarches. Si nous ne détruisons pas notre cupidité, notre lutte, notre égoïsme, alors comment pouvons-nous nous présenter devant le Bouddha et nos encêtres ? Ne soyez pas trop égoïstes, pensez plutôt aux autres. Cultivez la voie jusqu'à la perfection, ne gaspillez pas votre temps. Le démon de la mort peut survenir à tout moment. Une fois arrivé, il ne vous accorderait pas, ne serait ce que pour quelques jours. Ainsi, disent les phrases suivantes :

*« N'attendez pas la vieillesse pour cultiver la voie,
Le cimetière est rempli aussi de tombeaux de jeunes ».*

Dans la vie, après la naissance c'est la mort. Après la mort c'est la naissance. Si on mène une vie indigne, dans le futur, on se réincarne en animal. Une fois qu'on a perdu ce corps, même en traversant des milliers de Kalpas, il vous est difficile de le retrouver. C'est pourquoi, vous ne devez pas vous tromper vous-même, vous transformer en avocat pour plaider en votre faveur. Ne pensez pas ainsi : Ne prenons pas la peine de pratiquer la voie, un jour où l'autre Bouddha viendra nous aider à atteindre la Bouddhité. Même à l'égard d'Ananda, disciple et cousin de Bouddha, personnage respectueux, Bouddha n'y pouvait rien pour l'aider à réaliser sa Samadhi, mais ce dernier devait cultiver de toutes ses forces pour y arriver. C'est la raison pour laquelle, lorsque vous arrivez à la Cité des Bouddhas (l'endroit où l'on passe des concours pour devenir Bouddha). Vous devez bien travailler, bien faire vos épreuves, alors vous aurez une chance de réussir. N'attendez pas le moment de l'échec, même si vous le regrettez, ce serait trop tard.

LE MONDE DU DHARMA

DES HOMMES

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*La Voie des hommes est l'harmonie,
Où mérite et erreur s'entremêlent !
Vos actes vertueux vous élèvent ;
Vos fautes vous font chuter.*

Personne d'autres que vous n'êtes concerné.

Commentaire : Le Monde des Asuras est dangereux, mais le Monde des Hommes ? Il y a à la fois les bons et les mauvais. « La Voie des hommes est l'harmonie. » Les hommes sont des êtres harmonieux qui sont capables de s'entendre avec les autres. Cependant, ceux qui deviennent des êtres humains ne sont ni totalement bons ni totalement mauvais. Les êtres qui sont totalement bons réapparaissent dans les cieux, tandis que ceux qui sont tout à fait mauvais deviennent des animaux ou des esprits affamés ou tombent dans les enfers. Les gens connaissent à la fois le bien et le mal. Quand les mérites d'une personne sont plus importants que ses fautes, elle sera née dans une famille riche et distinguée, mais celui qui a peu de mérites et de lourds défauts sera né dans une famille pauvre. Entre ces deux extrêmes existent mille différences et d'innombrables distinctions. Cependant, le vers dit : « Mérites et erreurs s'entremêlent ». Les êtres humains ont du mérite et ils ont aussi des défauts. Ils ne sont ni tout à fait Yin ni carrément Yang. Les gens pourvus d'une prépondérance de Yin deviennent des esprits. Ceux qui sont principalement Yang deviennent Dieux, ils ne deviennent pas des êtres humains.

Les êtres humains peuvent monter dans les cieux ou tomber dans les enfers. Si vous faites de bonnes actions, vous montez ; si vous commettez des fautes, vous tombez. Ainsi le vers dit : « Vos actes vertueux vous élèvent ; vos fautes vous font chuter. Personne d'autre que vous n'êtes concerné. » Les autres ne peuvent pas vous dire de tomber dans les enfers, vous faire devenir un esprit ou vous transformer en animal. Ceci dépend complètement de vous. Vous devez subir le sort dont vous êtes responsable. Vous devez assumer les conséquences de vos propres actions.

ATTEINDRE L'ESPRIT HUMAIN

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Nous devons comprendre pourquoi nous méditons ? Quel est l'objectif final de la méditation ? Méditer c'est « s'observer », puis « entrer dans un état contemplatif ». En réalité, nous ne pensons jamais à pratiquer la méditation dans la vie quotidienne ; nous sommes aveuglés par nos six organes de sens, nos six objets de sens et nos six connaissances, Toutes ces facultés nous font oublier cette pratique. Aujourd'hui si nous méditons, c'est parce que nous voulons observer notre intérieur oubliant totalement le monde extérieur. En effet, méditer c'est nettoyer notre intérieur, chasser nos réflexions erronées, fougueuses, nos pensées diverses, nos envies, qui nous ont empêchés de pratiquer la bonne voie. Par exemple, une personne orgueilleuse, méprisant les autres ne pensent qu'à la richesse, au bien être, au profit, au mensonge, à l'égoïsme, à la cupidité . . . Toutes ces réflexions sont de folles pensées. Si nous nous essayons un moment afin d'observer notre intérieur, contempler nos sept passions, nos six désirs, nos six organes de sens et les six objets correspondant à ces sens ; réfléchissons, est-ce vrai que, en général, nous nous tournons vers le monde extérieur pour réaliser nos souhaits ; ou bien nous nous satisfaisons nous-même. Regardez-vous dans le miroir et observez-vous vous-même, alors vous découvriez votre esprit d'éveil. Cet état d'éveil brille à travers le ciel et la terre, mais il est momentanément caché par nos six organes des sens et les six objets correspondants à ces sens. Ainsi s'exprime le Vénérable Than Tu dans le poème suivant :

*« Le corps est comme l'arbre Bodhi
L'esprit est comme la lampe rayonnante
Nettoyez-les chaque heure*

Pour que les poussières ne s'y déposent pas ».
« L'arbre Bodhi », signifie « l'esprit d'éveil ». « La lampe rayonnante », désigne l'illumination qui doit être toujours pure, immaculée où aucune poussière ne se dépose. Cette illumination pénètre en tous lieux, elle voit tout et sait tout. Mais malheureusement, elle est en ce moment séduite aveuglément par les six organes des sens, les six objets correspondant à ces sens et en plus les six connaissances. C'est pour cela que nous nous tournons toujours vers le monde l'extérieur.

Pratiquer la méditation consiste à se tourner vers l'intérieur. C'est à dire à ne plus rechercher les titres honorifiques, la richesse, la célébrité, le profit . . . Certaines personnes se demandent : « Quel sens peut-il y avoir d'être un être humain » ? Et vous pensez que : Être un être humain est très significatif ? Le travail que vous exercez, -a-t-il réellement une valeur ? Vous a-t-il aidé dans votre sagesse ? Vous ne le savez pas non plus.

Si vous voulez obtenir cette illumination qui brille à travers le ciel et la terre, qui rayonne jusqu'à trois milles grands mondes, et qui dissipe toute affliction, toute stupidité. Cela n'est-il pas bien ? Est-ce bien si vous vous enfermez dans cet enfer actuel ? Pratiquer la voie, c'est détruire toute affliction. Mais, actuellement vos afflictions sont débordées, vous les prenez pour votre nourriture quotidienne. En effet, si un jour vous ne mangez pas d'afflictions, vous sentez qu'il est impossible de vivre. Une vie pareille a-t-elle de la valeur ?

C'est pourquoi, quand nous méditons, nous devons nous concentrer, écarter toute affliction, toute tristesse ; qu'il y ait un tremblement de terre ou l'exposition d'une bombe atomique. Tous ces phénomènes se modifieront d'eux-même et deviendront favorables, il n'y a rien à craindre. Ce n'est pas que nous ne nous soucions pas des affaires mondiales. Est-ce que vous pouvez vous en occuper ? En êtes-vous capable ? Vous n'êtes qu'une personne ordinaire, laissez les chefs des gouvernements s'en occuper. Encore, sont-ils capable de rendre les gens heureux ? Les chefs de l'ONU peuvent-ils contrôler l'esprit des gens ? Bien sûr que non, ils ne peuvent non seulement pas maîtriser l'esprit des autres, ils sont incapables de maîtriser leur propre esprit. Alors que vous, Si vous n'aviez pas vraiment d'affliction, vous pourriez apporter la paix au monde et vous mériteriez d'être des dirigeants mondiaux. Evidemment, vous ne pouvez pas agir ainsi tout de suite, mais ce que vous pouvez faire dès à présent. C'est de vous occuper de votre esprit, surveillez-le ! Empêchez-le de rivaliser, d'être cupide, égoïste, de rechercher des faveurs, des profits, de mentir. Si vous y arrivez, vous ne regrettez plus du gaz-toxique qui risque de polluer le monde et que

le bonne-couche d'ozone atmosphérique en ce monde invisible n'arrive pas à détruire.

Par ailleurs, méditer c'est de guérir toutes les maladies, éliminer la cupidité et la colère ; mais, d'une part vous désirez toujours bien manger, bien vous habiller et habiter dans une belle villa et d'autre part vous voulez devenir Bouddha, dites franchement que c'est de la folie. Certains disent : « Maître Vénérable, on dirait que quand vous expliquez le Dharma, vous insultez les gens ! » Je n'insulte pas les gens, mais les démons qui existe dans leur esprit et qui les empêchent d'être calmes et heureux. Quand le démon n'est pas gai, alors il vous dit de ne pas méditer ! En résumé, nous devons nous servir de cette bonne occasion pour atteindre l'état éveil. Certains disent : « Je ne peux pas atteindre . . . ». Bien sûr que vous pouvez si vous avez de la patience afin de vous résigner quand on vous insulte. Et petit à petit, vous y arriverez. Quand vous entendez le gong qui annonce la fin de la méditation, tout le monde peut allonger lentement les jambes et commencer à remuer doucement les membres pour faire circuler le sang, vous devez faire ces mouvements dans le silence. Ceci est un petit exercice, mais vous devez avoir un comportement très réservé afin d'apprendre à contrôler votre corps et esprit. Si vous méditez avec un esprit vertueux, alors quelque soit le nombre de participants dans la salle, il n'y aurait pas de murmures, pas de chuchotements, tout le monde se concentre dans le silence et s'efforce à entrer doucement dans la méditation.

QUE PEUT- ON FAIRE POUR SAUVEGARDER LE DESTIN ?

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*« Toutes choses sont conditionnées,
Comme l'illusion et l'écume.
Le brouillard est comme l'énergie,
Il faut observer ainsi ».*

Toutes les choses sont conditionnées, c'est-à-dire pourvues d'un corps, d'un mouvement et d'une apparence, ce sont des choses du monde humain. En effet, toutes les choses humaines sont appelées des choses conditionnées. Tandis que les choses non-conditionnées ne ressemblent pas à l'illusion, ou des bulles, elles ne ressemblent pas non plus à l'énergie ou au brouillard. Les choses conditionnées n'ont pas d'objectif final, elles ne sont pas absolues ni impermanentes, alors que les choses non-conditionnées n'ont ni commencement, ni fin, ni

d'apparence, ni d'aspect. On ne peut pas les voir à l'œil nu. Il existe plusieurs genres de choses non-conditionnées ; il s'agit ici des choses inconditionnées et pourtant conditionnés, naturellement grandes, ce genre de choses inconditionnées ne sont pas faciles à pratiquer, ni à comprendre. La plupart des gens s'attachent d'une façon insensée aux choses conditionnées. C'est pourquoi du matin au soir, ils courent à la recherche de la réputation, se laissent entraîner dans la mer du Karma, mais une fois qu'ils ont commis une imprudence, ils sont emportés par le souffle du Karma sans laisser de trace, sans savoir où ils iront après la mort. Les êtres humains sont nombreux, ainsi que les animaux et les démons affamés dans les enfers sont aussinnimbrables, c'est pourquoi il n'est pas facile de respecter les devoirs d'un être humain. En effet, la force du Karma s'aventure en nous entraînant dans l'engouffrement obscur, incapables de distinguer la direction pour nous diriger. La période actuelle où nous trouvons c'est la période de la fin du Dharma. « La fin du Dharma » veut dire que la doctrine du Bouddha va bientôt disparaître, on arrive à la fin où tout le monde oublie la doctrine originaire de Bouddha. Alors, résultat, les gens essaient de rechercher la vérité et ne l'ayant pas retrouvée, ils se rabattent sur des choses artificielles qu'ils prennent pour des choses conditionnées et comme ils ne connaissent pas l'origine des choses non-conditionnées, ils oublient même leur nom, c'est à cause de tous ces phénomènes qu'on appelle la fin du Dharma ».

Le Bouddhisme n'est pas la seule religion qui va vers la fin du Dharma, mais les autres religions s'avancent aussi vers le même chemin. Dans Catholicisme, à partir du 1963, beaucoup de catholiques ne respectaient pas les règles. Les religieux, les pasteurs se sont métamorphosés. Toutes les religions, y compris le Bouddhisme, changent la période. Une fois qu'elles changent, elles s'orientent vers la grande décadence. C'est pourquoi, je dis que si toutes les religions dans le monde entier arrivent à la décadence, les chefs des religions doivent en assumer toute la responsabilité. L'éducation actuelle suit aussi la même voie. Autrefois, l'éducation était une vocation, ou éduquait en vue de former des personnes utiles à la société. Les savants, les lettrés se sont plongés dans les recherches, dans les études au point que leurs cheveux blanchissent, ils ne pensaient jamais à la renommée, ni à la célébrité qu'ils pourraient avoir dans la société. Ils recherchaient une méthode visant à former des hommes de talent de cœur, capable d'améliorer nos

coutumes, nos conditions de vie, enfin de reconstruire le monde.

Tandis que les savants et les maîtres de nos jours enseignent à leurs élèves comment faire pour obtenir la réputation et le profil. Autrefois, les hommes de lettres se sont sacrifiés entièrement à la recherche de la vérité absolue. Autrement dit, l'objectif de leur enseignement c'était d'apprendre à leur élèves : La droiture dans l'esprit, la sincérité dans le cœur à se perfectionner d'abord, ensuite à diriger sa maison, puis à gouverner son pays, et enfin à apporter la paix au peuple. Ils ont utilisé ces huit qualités pour motiver leurs disciples à purifier leurs pensées, à améliorer leur dignité. Alors que les hommes de lettres et les enseignants d'aujourd'hui persuadent les gens à prendre de la drogue, et les filles à prendre des pilules à ne pas respecter les parents, créant ainsi de mauvais éléments dans la société. La société change chaque jour, c'est pourquoi les enseignants doivent en assumer entièrement la responsabilité. D'autant plus que la télévision d'aujourd'hui diffuse des émissions qui font perdre la tête aux gens, et qui ont tendance à être vulgaires. Ceci montre qu'aujourd'hui, on oublie totalement la vertu morale d'autrefois. Toutes ces raisons établissent la cause de la décadence de la société actuelle. Les jeunes adolescents sont incapables de se tenir debout, manquent d'énergie solide, ceci est dû non pas à une cause mais à plusieurs. Cette situation est très pitoyable, c'est pourquoi, que vous soyez religieux, enseignants ou lettrés, vous feriez mieux de changer vos pensées et vos actions au plus vite possible, ainsi le Karma mondial aurait une chance d'être sauvé, mais si vous vous obstinez à rester comme par le passé tout en refusant de vous améliorer, alors la fin du monde ne tardera pas à venir.

Alors, existe-il une méthode pour se préserver ? Oui ! En effet, tout change à cause de la pensée humaine. Si la pensée humaine est bonne, le monde sera bon, si elle est mauvaise, le monde sera mauvais et la fin du

monde apparaîtra. Si on ne veut pas que de la fin du Dharma ou la fin du monde apparaisse, tout le monde doit faire naître son cœur compatissant, venir en aide les gens qui sont en danger. Je ne dis pas que vous devez risquer votre vie pour sauver les gens, mais il faut simplement faire arrêter le vent violent et la tempête. Regardez bien, partout dans le monde surviennent des cataclysmes--l'inondation, la tempête, l'incendie et la guerre. Beaucoup en sont morts. Les petits accidents tels que : les accidents d'avion, de train ou de voiture... tuent aussi beaucoup de gens. Tous ces accidents se proviennent de la pensée humaine, mais personne ne s'en rend-compte, n'en assume la responsabilité, donc ne reconnaît sa faute. Personne n'interroge sa conscience et dit : « Le monde va mal, parce que je ne suis pas bon ». Alors, personne ne pense ainsi, c'est pourquoi le monde va de plus en plus mal.

Heureusement, il existe un moyen qui peut y remédier et qui ne demande non seulement pas beaucoup d'énergie, ni argent. Ce moyen exige que tous dans le monde entier ne consomment plus de viande, mais suivent un régime végétarien. On ne tue plus les animaux, mais on les libère. Ainsi, les accidents dans le monde disparaîtront d'eux-même. C'est pourquoi, être végétarien est très important. Tous les accidents qui se produisent viennent de la cause de la tuerie. L'acte de la tuerie accumule une force de vengeance remplissant tout l'univers et qui provoque toutes sortes d'accidents. Si personne ne tue des êtres vivants mais les libère, ne mange plus de viande, alors la pensée de la violence disparaîtra. Pourquoi l'homme est-il si imprudent et si coléreux ? Parce qu'il mange la viande. Manger la viande augmente la pensée du désir et de la haine et fait disparaître la miséricorde. Ainsi, pour que les catastrophes naturelles et les accidents ne se produisent pas dans le monde, il ne faut absolument pas violer le précepte de la tuerie et manger de la viande. A ce moment là le monde sera sauvé.

SIX VOIES POUR ENTRER DANS LA PORTE DU BOUDDHA

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Mes amis vertueux ! Vous réunissez tous aujourd'hui dans cette salle de conférence. Je suis sûr qu'à l'égard du Bouddhisme, vous avez éprouvé un certain intérêt. Et si vous avez éprouvé

du plaisir en étudiant le Bouddhadharma vous trouverez certainement une explication complète. Mais, il reste encore quelques pas à faire avant d'y parvenir.

Etant donnée une telle situation, mon explication de Dharma ne peut pas approfondie. Bien qu'elle apparaisse superficielle mais si vous la pratiquez sérieusement, vous vous rendrez compte qu'elle est infiniment profonde. Mais avant de commencer, je dois vous prévenir un détail important afin que vous soyez bien préparée psychologiquement. En effet, ce que je vais vous dire ne plairait peut-être pas à certains d'entre vous.

Quel est mon défaut de la cuirasse ? Quand je fais une conférence, je sais qu'il y a des gens qui ne veulent pas écouter. Qu'ils veuillent ou non m'écouter, je veux toujours en parler. Alors, ceux qui ne se sont pas préparés psychologiquement, je suis sûr qu'ils s'enfuiront car ils ne pourront pas supporter !

Pourquoi les gens ne veulent-ils pas entendre mes paroles ? Parce qu'ils aiment écouter des bonnes paroles et des belles idées. Tandis que mon principe est clair : « Je garde ce que les gens rejettent et aussi ce que les gens gardent ». Je ne rivalise avec personne. Si les gens ne veulent pas s'exprimer, je vérifie et je m'exprime à leur place, et s'ils veulent s'exprimer je les laisse s'exprimer librement. Je ne sais pas si vous êtes d'accord ou non ? Ceci est mon règlement. Je fais le vœu de guérir toutes les maladies de l'être humain. Je dis toujours franchement au patient quelle maladie qu'elle a contractée, mais la plupart des gens n'aiment pas entendu la vérité.

Après tout, quelle est la maladie que tout le monde attrapé ? C'est la maladie de l'égoïsme, tout le monde est touché par cette maladie. Si les gens n'étaient pas égoïstes, mais se préoccupaient de l'intérêt général, désintéressés, ne pensaient qu'au bonheur des autres, le monde n'aurait pas autant de problèmes. De telles personnes sont rares en ce monde ? Mes paroles sont absolument vraies, je ne les ai pas inventé, mais personne ne veut les entendre.

Les gens contractent non seulement par la maladie d'égoïsme mais ils touchent aussi celle de la rivalité, de la cupidité, de la poursuite du profit personnel et du mensonge.

Certains disent : « Maître Vénérable ! Tout ce que vous avez expliqué, j'ai déjà compris depuis longtemps, mais si je ne rivalise pas, les autres le font comme même ; si je suis pas cupide, les autres le sont toujours, et si je ne mens pas, les autres mentent toujours. Alors, pourquoi devrions-nous nous les abstenir ? Si les gens agissent ainsi, alors moi aussi j'agis de la même façon » ! Je vous

demande : « Si ces gens là vont dans les toilettes, est-ce que vous y allez aussi avec eux ? Et dans le futur, s'ils vont tous se transformer en vers dans les excréments et vous voulez aussi les suivre ? Par ailleurs, les gens, en ce monde, contractent d'autres maladies telles que : La lutte, la cupidité, le désir, l'égoïsme, l'intérêt et le mensonge. Surtout le mensonge, les gens le considèrent comme la justice du ciel et de la terre, comme leur capitaine. S'ils ne mentent pas un jour, ils perdent l'appétit, le sommeil, alors il faut absolument qu'ils mentent pour avoir l'esprit tranquille ».

« Maître Vénérable ! Vos paroles ne nous conviennent pas ». Si vous vous servez de votre conscience, votre juste, et loyale conscience pour réfléchir, alors vous verrez que mes paroles conviennent absolument partout dans le monde entier. Le sujet de mon enseignement d'aujourd'hui c'est « Entrer dans la voie du Bouddha ». Entrer par où ? Par les six voies citées au-dessus. Nous avons tous, selon la réincarnation six chemins, Si nous suivons les six voies suivantes : « Absence de lutte, d'avidité, de désir, d'égoïsme, d'intérêt et de mensonge », alors on est sûr d'atteindre de fruit du Bodhi. C'est la voie qu'il faut traverser pour devenir Bouddha.

Si vous voulez apprendre la doctrine du Bouddha, vous devez réduire ces six maladies. Je ne vous demande pas de les détruire immédiatement, mais vous devez essayer de les atténuer petit à petit, c'est le seul moyen qui vous rapproche de Bouddha. Par contre, si vous les augmentez chaque jour, alors vous éloignez de Bouddha de plus en plus. Pourquoi vous dis-je de telles paroles ? Parce que depuis que je suis né, j'ai toujours marché sur cette voie, c'est une très longue voie qui ne finit jamais. Si je vous ai raconté cela, c'est parce que je voulais vous faire part de mes expériences personnelles et mon esprit éveillé. Vous y croyez ou non, c'est votre problème. Mais, j'ai l'impression d'avoir beaucoup d'affinités avec vous, que depuis d'innombrables milliers de Kalpas vous êtes mes parents, mes ancêtres antérieurs, et de futurs Bouddhas. Tout homme est mon père, toute femme est ma mère. Nous avons tous en commun, une partie morale non déclarée. C'est pourquoi je ne peux pas ne pas dire la vérité. J'ignore si vous m'écoutez ou non, c'est ma conscience naturelle, et ma responsabilité.

Si tout le monde respecte bien ces six grands principes, alors vous pouvez circuler en route sécurité que ce soit en voiture, en bateau, en avion ou même à pied, tout vous sera favorable, satisfaisant sur la route, cependant il ne faut pas oublier d'ajouter du gasoil, du carburant. Vous possédez déjà sur votre corps des matières premières minérales, alors vous n'avez pas besoin d'aller en chercher ailleurs. Qu'est ce que le carburant ? Ne mettez-vous pas en colère, car sans colère, il n'y aura pas d'accident sur ces six voies, vous pouvez voyager jusqu'aux destinations en route sécurité. Vous pouvez même vous rendre au ciel pour voir Jésus ou au royaume des Bouddhas pour rendre visite à Bouddha Amitabha et Bouddha Sakyamuni. Vous pouvez satisfaire tous vos désirs sans toutefois violer les règles. En somme, si vous voulez suivre ces six voies, alors vous ne devez pas avoir un tempérament coléreux.

« Maître Vénérable ! Vos explications sont de plus-en-plus irrationnelles ». Ne soyez pas pressé. Aujourd'hui vous trouvez que c'est irrationnel, apprenez et petit à petit vous trouverez que c'est rationnel. Si vous ne comprenez pas ce qui irrationnel, alors comment pouvez-vous comprendre ce qui est rationnel ? Réfléchissez-bien. L'enfant grandit chaque jour, l'arbre aussi pousse de même chaque jour. Il est donc tout à fait naturel qu'au début, on ne comprend rien, mais à force d'apprendre, on arrivera à comprendre.

Ainsi, quand je vous dis que ma connaissance n'est pas suffisante, elle n'est pas non plus insuffisante ! Qu'est ce que je comprendre ? Je comprends qu'il faut éprouver des pertes et non pas profiter des autres. Si vous comprenez cela clairement, alors vous vous rendez compte que : éprouver des pertes c'est tirer profit et si tirez profit c'est éprouver des pertes. Certains demandent à un ami vertueux : « Suivre strictement le régime végétarien apporte quels avantages ? Ne pas suivre le régime végétarien apporte quels inconvénients ? (désavantages) ? Celui-ci répond : « Si vous êtes végétarien, vivant, vous éprouvez des pertes, et si vous n'êtes pas végétarien, quand vous mourez, vous éprouverez des pertes ». Que signifie tout cela ? Si vous êtes végétarien, vivant, vous éprouvez des pertes, c'est à dire vous vous privez du plaisir de profiter de bons plats, ou de jouir du bonheur de bien manger. Et si vous n'êtes pas végétarien, alors vous consommez beaucoup de viande et quand vous mourez, vous irez tout droit dans l'enfer pour faire le compte. Combien de porcs, combien de vaches avez-vous mangés ? Si Si le nombre de

porc l'emporte, vous vous réincarnez en porc ou si c'est celui de vaches qui l'emporte, vous vous réincarnez en vaches. Votre usine est-elle perdante ou gagnante ? Si elle est perdante, vous vous réincarnez en cochon, en chevre, en vache pour payer votre dette. Si elle est gagnante, cela veut dire, vivant, vous n'avez pas mangé de viande, par conséquent, vous n'avez pas de dette envers les animaux, quand vous mourez, vous n'aurez aucun (relation avec eux) compte à leur rendre.

« Maître Vénérable, vos paroles ne m'enthousiasment pas » ! Je dis la vérité, c'est ce qui ne vous plaît pas. Alors, vous pouvez vous en aller ailleurs et écouter des mensonges. Aujourd'hui vous refusez d'écouter mes conseils. Quand vous mourez, vous le regretterez et ce sera trop tard !

Avec toute ma sincérité et ma conscience, je peux vous dire ceci : Ne soyez pas trop gourmand de bonnes choses, trop jouir de la vie, ainsi après la mort, vous n'en vous serez pas (trompé) surpris ? Quoique vous désirez, je ne peux pas assumer votre responsabilité. Il vaut mieux que vous vous en occupiez, personne ne veut y croire, ni écouter. Tout au plus la vérité est toujours ainsi. Si tout le monde croyait à la vérité, tout le monde serait devenu Bouddha, il n'y aurait pas autant d'être humains.

Maintenant nous allons discuter du sens du mot « viande ». Il y a un proverbe qui dit :

*« Il y a deux personnes dans le mot viande,
La personne interne éclaire la personne externe,
Les êtres vivants mangent les êtres vivants
Réfléchissons-bien, l'homme mange l'homme ».*

Dans le mot : Viande existe deux personnes. L'une dans le ventre (celle qui, en cette vie présente, s'est réincarnée en animal et qui est mangé par l'homme externe). En réalité, le mot « viande » vient du mot : Bouche, l'homme externe regarde l'autre entrer ou sortir. Ceux qui m'ont écouté, trouvent que c'est merveilleux. Evidemment, si vous pensez que c'est merveilleux, alors vous ne pouvez pas vous sombrer dans la mer du Karma.

« La personne interne éclaire la personne externe ». La personne qui mange éprouve du plaisir, tandis que celle qui est mangée souffre énormément. Ces deux personnes ne se connaissent pas. C'est pourquoi celle qui mange,

trouve que la viande est délicieuse, celle qui est mangée souffre affreusement. C'est la loi du plus fort. Le morceau de viande que vous avez avalé est privé d'âme car sinon, il se serait sauvé certainement en courant hors de votre bouche. « Les êtres vivants mangent les êtres vivants ». Le fort mange le faible. Pour le moment ne parlons pas du sujet d'avoir essez manger ou ne pas essez manger. Réfléchissons, tout le monde aime sa vie, pourquoi voulons-nous enlever de force la vie d'autrui pour entretenir la nôtre ? Certains disent : « L'animal nourrit l'homme, l'animal est né pour nourrir l'homme ». On peut très bien dire l'inverse : « L'homme nourrit l'animal. L'homme peut aussi être la proie pour l'animal ». Par exemple : Si le loup, le tigre nous rencontrent, ils veulent aussi manger notre chair, qu'en pensez-vous ?

« Réfléchissez- bien, l'homme mange l'homme ». Je vous donne ma chair, tout le monde peut la manger, mais vous, vous n'osez pas. Pourquoi ? Parce que je ne suis pas un cochon, mais une personne, si vous me donnez votre chair, je ne veux pas la manger non plus, car vous êtes aussi

des personnes. C'est pourquoi nous ne pouvons pas nous manger nous avaler.

Si on chang de tête, de visage, on ne se reconnaîtra plus, alors on pourra se manger l'un l'autre. Il y a un proverbe qui dit : « Il ne faut pas donner aux autres ce qu'on ne veut pas ». Mais, aujourd'hui, on dit : « Il faut donner aux autres ce qu'on ne veut pas ». C'est pourquoi, on mange la viande sans aucune honte dans la conscience. Je vous demande à tous : est-ce que vous me mangez : oui ou non ? Personne ne veut manger car je suis une personne. Si nous ne sommes pas des êtres humains, nous nous me mangerons sans le savoir. Comme je ne veux pas qu'on me mange, alors, je ne mange personne. Si vous dites : « Je ne veux pas qu'on me mange », mais vous mangez les autres, alors est-ce qu'il y a justice morale ? Réfléchissez-bien à ce que vous avez entendu. Suivez ou améliorez-vous si vous pensez que cela correspond au moral et à la vertu. Oubliez-le, si vous pensez que cela n'a aucune utilité. Dans le cas contraire, vous ne devez absolument pas oublier mes conseils précédents.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

TROIS DANS, TROIS SUR

Dans le village du Maître vivait un étudiant nommé T'ang. Jusqu'à quatorze ans, il était stupide et maladif et avait un faible mémoire. Ses parents et ses professeurs lui faisaient des reproches et l'encourageaient mais sans résultat. Quand il entendait parler du Maître, T'ang et seize camarades de classe allaient lui solliciter de les aider à améliorer leur intelligence et leur mémoire. Le stupide T'ang souhaitait devenir un meilleur étudiant.

Le Maître dit, « Etudier peut être classé en deux groupes de trois 'dans' et trois 'sur' ». Lorsque vous étudiez, mettez votre sujet :

1. Dans votre esprit.
2. Dans votre bouche, et
3. Dans votre œil.

Ne laissez pas intervenir les divertissements. Etudiez tout le temps :

1. Sur la route.
2. Sur l'oreiller. Et même

3. Aux toilettes !

En général, soyez sincères et assidûs et pratiquez vos leçons partout où vous vous trouvez. Je me souviens quand j'étais étudiant, je me concentrais toujours entièrement à mes leçons. Je ne voyais que le livre, même s'il y avait un orchestre qui jouait à côté de moi, je ne l'entendais pas. Les couleurs brillantes scintillaient devant mes yeux, je l'ignorais. Si on se consacre entièrement à un but, on réussit à tout entreprendre.

Les étudiants saluaient respectueusement le Maître et repartaient. Après cela, l'intelligence de T'ang s'ouvrit soudainement si grandement qu'il dépassait loin ses camarades de classe. Ses parents et professeurs étaient impressionnés et les étudiants de tous les côtés se rassemblèrent pour recevoir l'enseignement du Maître.

APPRIVOISANT UNE MEGERE

Dans le village vivait une femme nommée Yuan Mu Hang, que tout le monde appelait « la tigresse », puisqu'elle était peu filiale envers ses

beaux-parents, ne respectait pas son mari, impolie envers ses sœurs et les voisins. Elle ne croyait pas aux spectres ni aux esprits, connaissant rien sur la cause et l'effet et s'adonnait continuellement au comportement agressif et anti-social. Entendant parler du Maître, elle était curieuse et allait le voir. Elle le trouva assis visage tourné vers l'ouest, mains jointes récitant « Nam Mo Amitabha Bouddha » sans s'arrêter. Profondément impressionnée, elle demanda : « Qu'est ce que vous faites ? »

« Mes parents travaillaient amèrement dur pour m'élever », répondit le Maître, « et je veux leur témoigner ma reconnaissance en récitant le nom du Bouddha pour qu'ils puissent être renés dans la Terre de l'Ouest de la Félicité Ultime. C'est mon devoir filial ».

Elle demanda encore : « Est-il vrai qu'après la mort, on peut devenir un fantôme ? »

Le Maître dit : « Vous ne devez pas attendre jusque là. Maintenant si vous pensez, parlez et réagissez comme un fantôme vous êtes un fantôme à présent. Les gens en colère sont des fantômes au visage rouge et les méchants sont des fantômes aux visages jaunes. Ceux qui font souffrir les autres sont des fantômes au visage blanc, ceux qui contrarient les autres sont des fantômes au visage vert et ceux qui détestent les autres sont des fantômes au visage noir.

Si vous vous comportez comme ces cinq fantômes, vous avez « cinq fantômes qui font du bruit dans votre maison et ni vous ni votre famille ne connaîtront la paix. Vous êtes certaine, en fait, de perdre votre richesse et de vous attirer toutes sortes de calamités. Ensuite, quand vous mourez, vous deviendrez un fantôme et souffrirez indéfiniment dans les grands enfers sans espoir de vous évader, parce que vous tournerez le dos à l'illumination et vous vous empêtrerez dans la « poussière » des affaires de ce monde. Faites des illusions sur la vérité et poursuivez la fausseté, vous vous accumulerez des chatiments sur vous-même.

« Si vous pratiquez le bien et détruisez le mal, virant de la poussière vers la vérité, alors vous êtes identique à Bouddha, ni né ni destiné à mourir, ni souillé ni pur et ni croissant ni décroissant. Telle est la récompense de la félicité immuable et éternellement brillante. Vous aurez échappé du cycle de la renaissance et ainsi vous aurez rompu dix fois milles éons la naissance et la mort.

Surprise et effrayée, la femme commença à pleurer. « Je ne savais jamais ce qu'est un être humain », dit-elle, « et qu'on doit agir avec responsabilité et pratiquer les bonnes actions. Ignorant le processus causes et effets, j'ai réagi inconsciemment, mais maintenant je me rends compte que ma culpabilité est vraiment illimitée et j'en suis profondément navrée. J'ai peur cependant que mon repentir ne soit trop tard. Que puis-je faire ? »

Le Maître dit : « Le fait que vous admettez vos erreurs antérieures est un signe qui montre que vous êtes naturellement bonne. Ne pleurez pas, cela ne sert à rien. D'ailleurs, l'erreur est humaine, seuls les saints ne commettent pas de fautes. Que vos fautes puissent remplir le ciel et la terre, mais si vous vous repentez sincèrement, elles sont toutes déracinées. Confessez ouvertement, reformez et ensuite considérez vos actions antérieures comme ayant appartenu à quelqu'un d'autre, mort déjà et aujourd'hui vous êtes renée. Si même étant une laïque, vous jurez de propager la doctrine du

Bouddha et d'encourager les gens à prendre refuge auprès du Triple Joyaux, votre mérite et vertu effaceront ces offenses. Ne savez-vous pas que quand le grand mal s'est réformé, il devient le grand bien, tandis qu'une grande bonté, si elle commet des offenses elle devient un grand mal ». Après avoir bien appris la doctrine de Bouddha, la femme, prenait refuge auprès du Maître et travaillait assidûment pour favoriser le Dharma, convertissant plus de huit cents personnes qui deviennent ses disciples. Ayant pénétré le grand véhicule, elle maintenait le propre Dharma et les villageois ne l'appelaient plus « la tigresse », mais parlaient d'elle comme « la conduite du Kuan Yin ».

Vers la fin du 8^{ème} mois lunaire en automne 1944, elle dit à ses proches, « j'ai racheté mes grandes offenses par les actes de la vertu. Les Bouddhas et les Bodhisattvas sont ravis. Notre Maître, le vénérable Maître, est venu dans le monde par le pouvoir des grands vœux du Bouddha Amitabha. Croyez en lui ! Si vous ne gaspillez pas votre temps et ne retombez pas dans l'erreur, vous êtes certain d'obtenir de grands avantages et d'arriver à l'autre bord, qui est Nirvana. Le Maître m'a annoncé que le 19 du 9^{ème} mois est la date de mon départ pour la Terre Pure. Ne vous chagrinez pas, mais aidez-moi à réciter le nom du Bouddha ».

Sa famille est d'accord et à la date fixée, elle se lavait, s'habillait et s'assit en position du lotus en direction de l'ouest. Les mains jointes et un sourire sur son visage, elle mourut en récitant le

nom du Bouddha. Elle avait soixante neuf ans et avait mangé de la nourriture pure et récité le nom du Bouddha pendant plus de dix ans.

(à suivre)

Thỉnh báo Phật pháp dài hạn

Je souhaite recevoir la revue Bouddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

1 an 25 €

2 ans 50 €

3 ans 75 €

Sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn là góp phần vào sự việc hoằng pháp lợi sinh, cũng là bố thí pháp, công đức vô lượng.

Ngân phiếu xin ghi / Remplir le chèque à l'ordre Pagode Kim Quang

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

LA CONTESTATION DU MARIAGE.

Quand le Prince atteignait l'âge d'adulte, tous ceux qui le connaissaient, l'aimaient bien par sa bonté. Mais, son père était inquiet. « Siddhartha est très gentil et trop susceptible, » pensa-t-il. « Je veux qu'il devienne un grand roi quand il sera grand et les rois doivent être forts et puissants. Mais, le Prince préfère rester seul dans le jardin plutôt qu'apprendre comment devenir gouverneur d'un royaume. Je crains que bientôt il quitte le palais pour suivre la vie solitaire des saints comme Asita. En choisissant cette voie, il ne deviendra jamais un grand. »

Ces réflexions tourmentaient beaucoup le roi. Il fit venir ses ministres de confiance et leur demanda ce qu'il pourrait faire. Finalement, l'un d'eux suggéra : « Oh Roi, votre fils médite et rêve des autres mondes parce que rien de ce monde ne l'intéresse. Trouvez-lui une femme, permettez-lui de se marier et d'avoir des enfants et bientôt il cessera de rêver et s'intéressera au gouvernement du royaume. »

Le roi pensa que c'était une excellente idée. Alors, il prépara un grand banquet au palais. Toutes les jeunes femmes des familles nobles furent invitées. Vers la fin de la soirée, le Prince fut invité à distribuer des cadeaux aux hôtes. Tandis que plusieurs ministres l'observaient attentivement pour voir laquelle des jeunes femmes il allait choisir.

Les femmes, au plutôt des jeunes filles, étaient toutes très gênées d'apparaître devant le prince. Il semblait si beau mais si éloigné devant la table où se trouvaient tous les cadeaux coûteux. Une par une, elles s'approchèrent de lui timidement, baissant les yeux. Elles acceptèrent silencieusement le bijou ou le bracelet ou autre cadeau et retournèrent rapidement à leurs places.

Finalement, seule une jeune fille était restée. C'était Yasodhara, la fille d'un roi voisin. Contrairement aux autres, elle s'approcha du Prince sans la moindre timidité. Pour la première fois de cette soirée, le jeune Prince regarda directement la femme devant lui. Elle était très belle et le prince était immédiatement attiré par sa beauté.

Ils restèrent dans le silence pendant un moment, se regardant dans les yeux l'un l'autre. Ensuite Yasodhara parla : « Oh, Prince, où est mon cadeau ? » Le Prince tressaillit, comme se réveillant d'un rêve. Il baissa les yeux sur la table et vit qu'elle était vide. Tous les cadeaux étaient distribués aux invités. « Tenez, prenez ceci. » Dit le Prince en enlevant sa propre bague de son doigt. « C'est pour vous ». Yasodhara accepta la bague gracieusement et retourna lentement à sa place.

(à suivre)

金 光 寺

Chùa Kim Quang

8 B rue Fontaine

93000 Bobigny-France

Tel./Fax : 01.48.50.98.66



Tụng trì Thần Chú Lăng Nghiêm còn giá trị hơn bất cứ vàng bạc nào. Tụng một biến thì đáng giá bằng muôn vạn cân vàng. Tuy nhiên, đừng tụng niệm chỉ vì vàng ! Nếu trì giới thì sẽ không có tâm đố kỵ ganh ghét, chướng ngại. Nhờ không tham lam hay sân hận khi trì tụng Thần Chú thì sẽ phát khởi sự cảm ứng và lợi ích lớn lao. Lúc tu hành, nếu có những hành vi trái với quy cụ thì sẽ không đạt được cảm ứng và lợi ích hay linh nghiệm gì cả, vì các thiện thần hộ pháp tránh xa, nếu có việc gì xảy ra đến thì các thiện thần hộ pháp chẳng màng đến quý vị. Do đó, đối với người trì tụng Thần Chú này chớ nên có tâm gian xảo hoặc có những hành vi bất chánh như tạo các nghiệp xấu. Bất cứ lúc nào cũng phải có hành vi chân chánh quân tử và chỉ biết làm lợi ích cho người, chứ không nghĩ về mình, giữ tâm hạnh và hành hạnh Bồ Tát.

Pháp tu trì Thần Chú Lăng Nghiêm rất mực linh nghiệm, nhưng không thể dễ dàng. Trước hết, chớ nên có tâm ích kỷ. Kế đến, chớ nên có tâm tự lợi mà phải giữ tâm rộng lượng không thiên vị, phải có tâm xả mình vì người, cứu độ hết tất cả chúng sinh. Nếu giữ được tâm niệm như thế thì sự tu hành mới mau đạt được thành tựu. Các vị phải nhớ giữ gìn năm giới cho cẩn thận và thường hành mười điều lành, vì đó là những phép tắc căn bản nhất.

Như trên đã bàn qua, Thần Chú Lăng Nghiêm là linh văn, mỗi câu có mỗi sự hiệu nghiệm riêng. Song, chớ nên nghĩ : "Tại sao tôi trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm nhưng lại không có hiệu nghiệm ?" Chớ màng đến việc có hiệu nghiệm hay không, chỉ nên trì tụng ; giống như luyện tập võ, ngày ngày đều đánh quyền mà không màng công phu như thế nào. Có võ thuật là do có công phu tập luyện, bằng ngược lại thì không thể có được. Cũng như thế, ngày ngày phải trì tụng pháp này không ngừng nghỉ, dù có bận rộn đến đâu hay sự việc gì xảy ra. Chớ nên trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm một thời gian rồi sinh tâm giải đãi vì không còn thích thú pháp này nữa. Không chắc chắn quý vị sẽ có được sự cảm ứng ngay vừa lúc trì tụng. Dù có được cảm ứng hay không, ngày ngày phải thường trì tụng. Công phu tu hành phải ngày càng thâm sâu. Sự thành tựu không phải xảy ra trong một ngày một đêm. Điển hình như phải học tập suốt mười năm, hai mươi năm, hoặc ngay cả ba mươi năm trước khi thật sự có trình độ học vấn ; việc tu hành cũng phải như thế. Phải luôn luôn giữ tâm niệm trì tụng Thần Chú liên tục mà không gián đoạn, giống như việc mặc y áo, ăn cơm, ngủ nghỉ. Dù có cảm ứng hay không cũng chẳng quan trọng, vì nhờ trì tụng hằng ngày mà quý vị từ từ sẽ có điểm tựa căn bản và tự nhiên sẽ cảm nghiệm được sự diệu dụng của Thần Chú.

Hoà Thượng Tuyên Hoá

